

QUYỂN IX

B. SẮC GIỚI

Kinh : “Anan, tất cả những người tu tâm trong thế gian mà không nhờ Thiên Na thì không có trí huệ. Người có thể giữ cái thân không làm chuyện dâm dục, khi đi khi ngồi đều không tưởng nhớ, ái nhiễm chẳng sanh thì không còn ở trong Dục Giới. Người ấy liền được bản thân làm Phạm Lữ. Một hạng như vậy gọi là Phạm Chúng Thiên.

“Thói quen dâm dục đã trừ, tâm ly dục hiện ra, đối với các luật nghi thì yêu thích tùy thuận. Người ấy liền có thể thực hành Phạm đức. Một hạng như vậy gọi Phạm Phụ Thiên.

“Thân tâm diệu viên, uy nghi chẳng thiếu, cấm giới trong sạch, lại thêm minh ngộ, người ấy liền có thể thống lãnh Phạm Chúng, làm Đại Phạm Vương. Một hạng như vậy gọi là Đại Phạm Thiên.

“Anan, ba hạng trời vượt này, tất cả khổ não không thể bức bách được. Tuy chẳng phải chân chánh tu hành Tam Ma Địa mà trong tâm thanh tịnh các lậu chẳng động, gọi là Sơ Thiên.

“Anan, kể đó hàng Phạm Thiên thống nhiếp Phạm Chúng tròn đầy Phạm hạnh, lóng tâm chẳng động, trong lặng sanh ra ánh sáng. Một hạng như vậy, gọi là Thiếu Quang Thiên.

“Ánh sáng soi nhau, chiếu sáng vô tận, dọi mười phương cõi, khắp hết thành lưu ly. Một hạng như vậy, gọi là Vô Lượng Quang Thiên.

“Vẹn giữ ánh sáng tròn đủ, thành tựu giáo thể, phát ra sự giáo hóa thanh tịnh, ứng dụng không cùng. Một hạng như vậy, gọi là Quang Âm Thiên.

“Anan, ba hạng trời vượt này, tất cả lo buồn không thể bức bách được. Tuy không phải chân chánh tu hành Tam Ma Địa, mà trong tâm thanh tịnh các lậu thô đã dẹp xuống, gọi là Nhị Thiên.

“Anan, hạng người trời như vậy, ánh sáng toàn vẹn thì thành âm thanh, mở âm thanh bày lộ sự mầu diệu, phát nên hạnh tinh thuần, tiếp thông với cái vui tịch diệt. Một hạng như vậy, gọi là Thiển Tịnh Thiên.

“Trống rỗng, thanh tịnh hiện tiền, rộng phát không bờ bến, thân tâm khinh an, thành cái vui tịch diệt. Một hạng như vậy, gọi là Vô Lượng Tịnh Thiên.

“Thân tâm, thế giới tất cả đều vẹn toàn sáng sạch, cái tánh đức trong sạch đã thành tựu, cảnh giới thù thắng hiện tiền, quy về cái vui tịch diệt. Một hạng như vậy, gọi là Biến Tịnh Thiên.

“Anan, ba hạng trời vượt này, đầy đủ chỗ tùy thuận bao la, thân tâm an ổn, được cái vui vô lượng. Tuy chẳng phải chân chánh được Tam Ma Địa mà trong tâm an ổn, đầy đủ hoan hỷ, gọi là Tam Thiên.

“Anan, kể đó, những hạng người trời thân tâm không còn bị bức bách, cái nhân khổ đã hết, nhưng cái vui chẳng thường trụ, lâu rồi cũng tiêu hoại. Bởi thế, đồng thời bỏ ngay hai cái tâm khổ, vui. Những tướng thô nặng diệt mất, tánh phúc thanh tịnh sanh ra. Một hạng như vậy, gọi là Phúc Sanh Thiên.

“Tâm xả bỏ viên dung, sự hiểu biết thù thắng càng trong sạch, trong cái Phúc không gì che đậy đó, được sự

tùy thuận mẫu nhiệm cùng tốt vị lai. Một hạng như vậy, gọi là Phúc Ái Thiên.

“Anan, từ cõi trời này có hai đường rẽ : Nếu ở cái tâm sáng suốt trong sạch vô lượng trước kia mà tu chứng an trụ nơi phúc đức tròn sáng, một hạng như vậy, gọi là Quảng Quả Thiên.

“Nếu nơi tâm trước kia, nhằm chán cả khổ lẫn vui, lại nghiền ngẫm cái tâm xả bỏ tiếp tục không ngừng, đến cùng tốt sự buông bỏ, thân tâm đều diệt, tâm ý dứt ngưng, trải qua năm trăm kiếp. Người đó đã lấy cái sanh diệt làm nhân thì chẳng có thể phát minh cái Tánh không sanh diệt. Nên nửa kiếp đầu diệt, nửa kiếp sau lại sanh. Một hạng như vậy, gọi là Vô Tướng Thiên.

“Anan, bốn hạng trời vượt này, tất cả cảnh khổ vui của thế gian chẳng thể làm lay động. Tuy chẳng phải địa bất động chân thật của vô vi, mà cái tâm có chỗ đắc thì công dụng thuần thực, gọi là Tứ Thiên.

Thông rằng : Sáu cõi trời Dục Giới ở trước thì hình thức tuy đã ra khỏi động, đã lìa khỏi hai nẻo người và tiên, nhưng dấu vết tâm thức vẫn còn, cái Dục Niệm chưa hoàn toàn hết hẳn, nên chẳng thể nói là Phạm hạnh được. Nếu người tu Phạm hạnh mà chỉ biết giữ giới, tu đạo Thập Thiện, chẳng biết Thiên Na thì không có trí huệ. Bởi thế nơi các cấm giới, chỉ có dâm là khó dứt trừ. Thêm cái nỗ lực trừ dâm, thì không còn ở Dục Giới, đó là hàng Phạm Chúng. Tâm đã lìa dục thì giới là chân giới, đối với các luật nghi vui thích tùy thuận, đó là Phạm Phụ. Cấm giới thanh tịnh lại thêm minh ngộ, nghĩa là ngộ dục tức là Tánh. Giới mà không chỗ giới, đó là Đại Phạm. Giới và Định tương ứng, được cả Định lẫn Giới, đã lìa tám thứ khổ của cõi Dục, nên cái

tướng thô của khổ não không thể bức bách, gọi là Ly Sanh Hỷ Lạc Địa. Tất cả đều thuộc Sơ Thiên.

Từ đây trở lên, không có ngôn ngữ, chỉ dùng định tâm phát ra ánh sáng. Ánh sáng có mạnh, yếu mà phân ra cao, thấp. Thiếu Quang là ánh sáng còn yếu. Lần lượt phát ra nhiều ánh sáng là Vô Lượng Quang, còn chưa thành âm thanh vậy. Đến khi thành tựu cái giáo thể, khiến cho người thấy ánh sáng thì biết tu đức hạnh trong sạch, tùy theo căn cơ mà được lợi ích, ứng dụng không cùng thì ánh sáng tròn vẹn thành âm thanh đó vậy. Khi cái định này sanh thì cùng với sự hoan hỷ phát ra, gọi là Hỷ Câu Thiên. Những lo buồn vi tế không thể bức bách được, gọi là Định sanh Hỷ Lạc Địa. Đây đều thuộc về Nhị Thiên.

Từ đây trở lên, lìa cái động hoan hỷ trước kia mà sanh ra cái vui thanh tịnh. Cái vui này chẳng phải là cảnh, mà xuất sanh từ Bản Tánh thanh tịnh, tương tự với cái Tịch Diệt là vui. Ban đầu nói là tiếp thông thì sự thanh tịnh còn yếu, còn đã nói là thành tựu thì thân tâm khinh an, hợp với bản tánh nhiệm mầu, nhưng chưa đến chỗ cùng khắp. Duy chỉ thế giới, thân tâm, tất cả toàn vẹn trong sạch, đây là cảnh giới thù thắng hiện tiền. Nương nơi cảnh giới thù thắng chứ chưa phải thật là tịch diệt hiện tiền. Chỉ tùy thuận theo bản tánh thanh tịnh, quy về cái vui tịch diệt, công đức của cái Định này cùng phát ra với cái vui khắp thân thể, gọi là Lạc Cu Thiên. Tuy lìa cái động hoan hỷ ở trước mà hoan lạc đầy đủ, gọi là Ly Hỷ Diệu Lạc Địa. Đây đều thuộc về Tam Thiên.

Cái động hoan hỷ là nhân của khổ bức. Lìa Hỷ thì cái nhân khổ đã hết, được vui vô lượng. Cái vui này do hữu vi mà có, vui lâu thì cũng phải hoại diệt, hoại diệt thì thành khổ. Bởi thế, khổ vui đều xả bỏ thì tướng thô nặng diệt

mất. Niệm xả bỏ thanh tịnh thì tánh phúc thanh tịnh hiện ra. Cái phúc do tịnh đức mà ra nên tam tai không đến được, gọi là Phúc Sanh. Khổ vui đều mất, xả bỏ không chỗ xả bỏ, chỉ vui thích tùy thuận tánh phúc không gì che đậy, gọi là Phúc Ái. Đều gọi là Xả Cu Thiên. Từ đây có hai đường rẽ : Nếu nơi ánh sáng vô lượng, thanh tịnh vô lượng, phúc đức tròn sáng mà không sanh khởi dị chấp, không có tâm sanh diệt thì hướng thẳng về Quảng Quả Thiên. Đó là cái quả do phúc thanh tịnh rộng lớn mà cảm ứng vậy. Nếu nơi cái tâm trước kia nhàm chán cả khổ lẫn vui, chuyên nghiên ngắm cái tâm xả bỏ, thì xả bỏ được cái tâm thô mà vào tâm vi tế. Lại bỏ cái tâm vi tế mà vào cái tâm rất vi tế. Từ cái tâm rất vi tế mà tiếp tục không ngừng cho đến chỗ xả bỏ tất cả tâm tướng, tâm ý dứt ngưng. Tướng vọng tướng này gọi là Vô Tướng Định, bèn theo con đường xa hút nghiêng lệch mà sanh cõi trời Vô Tướng. Người đó không rõ bản tánh của vọng tướng là Không, vọng tức là Chơn, nên nhàm chán cái sanh diệt đây mà cầu cái chẳng sanh diệt. Dẫu đến thân tâm đều diệt cũng chẳng phải là tánh chẳng sanh diệt chân thật vậy. Như cá ép trong nước đá thôi !

Ban đầu, sanh lên cõi trời đó chưa hẳn là vô tướng, trải qua nửa kiếp mới thật được không có tướng. Đến khi quả báo sắp hết thì nửa kiếp sau có tướng mà tâm tướng hiện ra nên kinh nói “Nửa kiếp đầu diệt, nửa kiếp sau sanh”. Trong khoảng bốn trăm chín mươi chín kiếp, một bề là không có tướng, do sức Định nắm giữ, tất cả khổ vui không thể lay động. Đây đều là Tứ Thiên.

Ở Sơ Thiên, Nhị Thiên, nói là “Chẳng phải chân chánh tu hành Tam Ma Địa”.

Ở Tam Thiên, thì nói là “Chẳng phải chân chánh được Tam Ma Địa”.

Đến Tứ Thiên, nói là “Chẳng phải Địa Vị Bất Động chân thật của Vô Vi”.

Sơ Thiên thì tu Giới. Nhị Thiên thì tu Định. Từ trong Phạm hạnh thanh tịnh mà tu, tuy không đến nỗi là tà định của quỷ thần, nhưng chẳng phải là từ Tam Ma Địa chân thật mà phát tâm. Đây là chỗ phân biệt giữa hữu vi và vô vi vậy.

Tam Thiên thì có chỗ đắc, đắc nên vui. Có đắc, có vui tức là chẳng phải Tam Ma Địa chân thật. Đây là chỗ phân biệt giữa có đắc và không đắc vậy.

Đến Tứ Thiên thì cái tâm có chỗ đắc cơ hồ xả bỏ hết sạch, có thể gọi là vô vi, nhưng đó là do dụng công thuần thực mà ra chứ chẳng phải là Bất Động Địa chân thật. Nếu là chân Bất Động Địa thì các thứ khổ không thể đến, đến còn chẳng thể được thì cái gì lay động ư? Nay lại lấy chỗ mà các cảnh khổ vui của thế gian chẳng thể động đến mà cho là Tam Ma Địa, thì Tam Ma Địa đó có thể tu đến nơi vậy. Có thể tu đến nơi thì chẳng phải là chân Tam Ma Địa vậy. Cho nên cái Tam Ma Địa chân thật thì chẳng đủ Trí Huệ Bát Nhã bèn không thể nào biết được. Nay hạng Tứ Thiên tu tâm, chẳng ở trong Thiên Na thì không có trí huệ, nên ở Tam Ma Địa chân thật có chỗ chẳng biết vậy.

Hòa thượng Chân Tịnh khai thị đại chúng rằng : “Ngày này đã qua, mệnh đời cũng theo đó mà dứt giảm, như cá ít nước, thế có vui gì ?

“Duy bậc Nhị thừa thì thiên định tịch diệt là vui, đó là cái vui chân thật. Bồ tát học Bát Nhã thì pháp hỷ, thiên duyệt là vui, đó là thật vui. Ba đời chư Phật thì Từ, Bi, Hỷ, Xả, bốn Vô Lượng Tâm đó là thật vui.”

Thạch Sương Phổ Hội nói rằng : “Ngừng đi, thôi đi ! Lạnh lẽo u sầu đi ! Đó là cái vui tịch diệt của Nhị thừa.”

Vân Môn nói rằng : “Nhất Thiết Trí suốt thông không chướng ngại.

“Cầm cây quạt đưa lên, nói : Thích Ca Lão Trọng đến !

“Đó là cái vui pháp hỷ thiên duyệt.

“Đức Sơn đánh, Lâm Tế hét, đó là cái vui từ bi, hỷ xả của ba đời chư Phật. Ngoại trừ ba thứ vui đó, chẳng có gì là vui vậy. Thử nói xem một chúng Quy Tông đây, trong ba thứ vui đó hay ngoài ba thứ vui đó ?”

Chập lâu, nói rằng : “Hôm nay trang chủ bày biện cơm canh, biểu tiền, biểu của. Tham dự rồi, trong tăng đường khắp mời uống trà đi.”

Hét một tiếng.

Lại như Thiền sư Nga Hồ Đại Nghĩa được vua Hiến Tông mời vào nội điện luận kinh nghĩa.

Có vị pháp sư hỏi : “Dục Giới không Thiền, Thiền nơi Sắc Giới, thì cõi này nương gì mà lập ?”

Ngài nói : “Pháp sư chỉ biết Dục Giới không Thiền, chẳng biết Thiền Giới không dục.”

Hỏi : “Thế nào là Thiền ?”

Tổ Nghĩa lấy tay điểm hư không.

Pháp sư không chỗ đối đáp.

Nhà Vua nói : “Pháp sư giảng kinh luận vô cùng, thế mà chỉ một điểm ấy, lại chẳng biết là sao ?”

Cho nên cái chân Tam Ma Địa thật chẳng dễ biết. Biết thì thoát ngay khỏi ba cõi, kể gì đến bốn cõi thiên ư ?

Kinh : “Anan, trong đó lại có năm Bất Hoàn Thiên. Đã diệt hết tập khí chín phẩm Tư Hoặc ở cõi dưới, khổ vui đều mất, bên dưới không còn chỗ ở, nên an lập chỗ ở nơi chúng đồng phạm của tâm xả.

“Anan, khổ vui cả hai đều diệt, tâm tranh đấu chẳng còn liên lụy, một hạng như vậy, gọi là Vô Phiền Thiên.

“Thên thang độc hành, không còn chỗ so đo, một hạng như vậy, gọi là Vô Nhiệt Thiên.

“Khéo thấy mười phương thế giới, tròn vẹn lặng trong, không còn tất cả dơ nhiễm nặng nề của trần cảnh, một hạng như vậy, gọi là Thiện Kiến Thiên.

“Cái thấy trong suốt hiện tiền, trui rèn không ngăn ngại, một hạng như vậy, gọi là Thiện Hiện Thiên.

“Rốt ráo các cơ vi, cùng tốt tánh của sắc pháp, thể nhập cõi không bờ bến, một hạng như vậy, gọi là Sắc Cứu Cánh Thiên.

“Anan, những bậc Bất Hoàn Thiên đó, chỉ riêng bốn vị Thiên Vương Tứ Thiên được sự kính nghe, nhưng không thể thấy biết. Như hiện giờ có các thánh, đạo tràng nơi rừng sâu, đồng rộng thế gian đều là chỗ trụ trì của các vị A La Hán, mà người thô thiển của thế gian chẳng thể thấy biết.

“Anan, mười tám hạng Trời đó, độc hành không giao thiệp, nhưng chưa hết cái lụy của hình sắc. Từ đây trở lại, gọi là Sắc Giới.

Thông rằng : Năm Bất Hoàn Thiên chẳng thọ sanh trở lại ở Dục Giới, tức là bậc Tứ Đà Hàm, gọi là Bất Lai nhưng thật không phải Bất Lai vậy. Quả Thứ Ba có thể đoạn trừ tập khí của chín phẩm, chủng tử và hiện hành đều diệt. Ở Dục Giới không còn nghiệp thọ sanh nên bảo rằng “Dưới không có chỗ ở”.

Năm hạng trời này tức là bậc Tứ Thiên mà cái xả niệm thanh tịnh, nhập vào chỗ vi tế mà lập ra cái tên vậy.

Ở trước, đối với khổ, vui có bỏ, có chán thì tâm cùng cảnh còn xung đột, không thể không có phiền não. Nóng nảy, sôi nổi gọi là Phiền. Còn nay khổ vui đều diệt, không còn có cái để xung đột, nên gọi là Vô Phiền Thiên.

Tâm tuy chẳng so đo, nhưng vẫn còn chỗ cho sự so đo, vì chưa nhổ hết gốc rễ vậy. Nay tâm cơ không còn đối đãi, nên diệt được ảnh duyên, và sự nóng nảy sanh ra phiền não cũng không còn, nên gọi là Vô Nhiệt Thiên.

Bậc Vô Phiền và Vô Nhiệt này chỉ mới trừ được cái thô thiển ở ngoài chứ chưa hiển bày được cái trong sạch nhiệm mầu. Nay cái thấy nhiệm mầu lặng trong tròn vẹn, ngoài chẳng nương theo trần cảnh mà sanh, trong chẳng nương theo dơ nhiễm thô phù mà có, bèn soi chiếu mười phương thế giới như ngọc lưu ly trong trẻo, đó gọi là Thiện Kiến Thiên.

Cái thấy trong suốt ở nơi mình có thể trui rèn thành diệu sắc không ngăn ngại. Mười phương thế giới từ nơi ta phát hóa, gọi là Thiện Hiện Thiên.

Cơ là cái vi tế của động. Một cái vi tế đã Không thì tất cả các tế vi Không, tất cả các tế vi Không nên một vi tế Không. Ở đây tột cùng tánh của sắc pháp. Tánh sắc tức Không, tánh Không là Giác. Giác là Tánh của sắc pháp vậy. “Không” sanh trong Đại Giác, như bọt nước trong biển thì không những cùng tột tánh của sắc, mà sự rớt ráo của tánh không có chỗ đến, thì sắc trong chỗ cứu cánh mới sạch hết vậy.

Kinh Lăng Già nói : “Trụ ở cõi trời Sắc Cứu Cánh, là các chỗ lỗi lầm, nơi ấy thành Chánh Giác.” Lời này có ý vị thay ! Nói là Chánh Giác là chẳng trụ nơi sắc, chẳng trụ nơi không. Duy chỉ cõi trời Sắc Cứu Cánh, thì sắc trước đây

đã hết, *không* sau này chưa đến, nên ở đó có thể chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vậy.

Đức Di Lạc nói : “Mười tám chỗ của Sắc Giới là ba cõi trời của Sơ Thiên, là do ban đầu huân tu pháp Thiền Na của thượng phẩm trong Noãn Pháp. Ba cõi trời của Nhị Thiên là do huân tu pháp Thiền Na thứ nhì của thượng phẩm trong Noãn Pháp. Ba cõi trời của Tam Thiên là do huân tu pháp Thiền Na thứ ba của thượng phẩm trong Noãn Pháp. Bốn cõi trời Tứ Thiên là do huân tu pháp Thiền Na thứ tư của thượng phẩm trong Noãn Pháp. Lại có năm chỗ tịnh cư tâm bất cộng của chư Thánh ở, do huân tu pháp Thiền Na thứ tư của thượng thượng cực phẩm trong Noãn Pháp.”

Cõi trời Bất Hoàn này vì sao từ Tứ Thiên trở xuống không thể thấy biết ? Vì, ở các cõi trời phía dưới chỉ tu pháp định hữu lậu của phàm phu, còn cõi trời này tu Thánh nghiệp vô lậu. Thánh phàm cách biệt nên không thể thấy được.

Ngài Vân Cư Ứng kết am ở núi Tam Phong, suốt tuần không đến trai đường.

Tổ Động Sơn hỏi : “Gần đây sao không đến thọ trai ?”

Ngài Ứng đáp : “Mỗi ngày tự có thiên thần dâng bữa ăn.”

Tổ Động Sơn nói : “Ta định cho ông là Người Ấy, vậy mà còn cái kiến giải thế ư ? Chiều đến đây, nhé !”

Buổi chiều Ngài Ứng đến.

Tổ Sơn gọi lớn : “Ứng Xà lê !”

Ngài Ứng cất tiếng dạ.

Tổ Sơn nói : “Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, đó là cái gì ?”

Ngài Ứng về am tịch nhiên an tọa.

Từ đó, thiên thần tìm kiếm mãi chẳng ra. Trải qua ba ngày mới thôi.

Lại như Ngài Thần Tăng Pháp Bản thường đến Thiên viện Tương Châu cùng với một vị tăng an cư kiết hạ.

Ngài thường nói : “Bần đạo trụ trì chùa Trúc Lâm trong núi Tây Sơn đất Tương Châu. Trước chùa có một trụ đá, ngày nào có rảnh xin mời đến thăm.”

Nhà sư nhân qua nơi đó, nhớ lại lời nói ấy, bèn tìm kiếm. Đến một xóm dưới chân núi qua đêm, hỏi vị tăng trong xóm rằng : “Đây cách chùa Trúc Lâm gần xa ?”

Vị tăng bèn chỉ mé một ngọn núi ở xa, nói : “Chỗ ấy đó. Các cụ già tương truyền đó là chỗ ở của thánh hiền ngày xưa, nay chỉ còn cái tên thôi vậy.”

Nhà sư sanh nghi, sáng hôm sau đến trong rừng trúc, quả là có một cục đá. Nhớ khi từ già, Ngài Pháp Bản có dặn “Chỉ gõ cây trụ, liền thấy được người”.

Bèn dùng cành cây gõ vào trụ vài tiếng. Bỗng mây gió bốn phía nổi lên, trong vài thước chẳng thể nhìn thấy. Chốc lát quang đãng lại thì thấy lâu đài cao ngất, mà mình đang ở ngoài tam môn, còn lưỡng lự thì Ngài Pháp Bản từ trong bước ra. Trông thấy rất mừng, hỏi han chuyện cũ ở Nam Trung, rồi dẫn nhà sư qua các cửa, lên trên điện bí mật ra mắt Tôn túc.

Vị này hỏi lý do, thì Ngài Pháp Bản nói : “Năm ngoái cùng qua Hạ ở Tương Châu, hẹn thăm nhau ở chốn này.”

Vị Tôn túc nói : “Sau khi dùng bữa, nên mời ra về. Ở đây không có Tòa vị.”

Ăn xong, Ngài Pháp Bản tiến đến tam môn từ già.

Rồi thì trời đất tối tăm, chẳng biết đâu mà đi, lại thấy mình ở bên trụ đá.

Vậy là đạo tràng của bậc thánh đều là các bậc A La Hán trụ trì, nên người đời không thể trộm thấy. Hướng lại nghi về các cõi trời Bất Hoàn ư? Tuy chẳng thể thấy, nhưng còn có sắc chất, nên đều gọi là Sắc Giới.

C. VÔ SẮC GIỚI

Kinh : “Lại nữa, Anan, từ chỗ cao tột của Sắc Giới này lại có hai đường rẽ.

“Nếu nơi tâm xả bỏ, phát minh được trí huệ, ánh sáng trí huệ viên thông, thì ra khỏi cõi trần, thành vị A La Hán, vào Bồ tát thừa. Một hạng như vậy, gọi là Hồi Tâm Đại A La Hán.

“Nếu nơi tâm xả bỏ, thành tựu sự chán bỏ, biết thân là ngăn ngại, trên cái ngăn ngại ấy vào cái Không. Một hạng như vậy, gọi là Không Xứ.

“Các ngăn ngại đã tiêu, nhưng cái vô ngại không diệt, trong đó còn lưu lại thức A Lại Da nguyên vẹn và nửa phần vi tế của thức Mạt Na. Một hạng như vậy, gọi là Thức Xứ.

“Sắc, Không đã hết, cái thức tâm diệt xong, mười phương vắng lặng, tuyệt không qua lại. Một hạng như vậy, gọi là Vô Sở Hữu Xứ.

“Thức tánh bất động, do nghiên cùng cái diệt, trong nơi vô tận, bày ra cái tánh dứt hết, như còn mà chẳng còn, như hết mà chẳng hết. Một hạng như vậy, gọi là Phi Tướng, Phi Phi Tướng Xứ.

“Những hạng đó nghiên cùng cái Không, mà chẳng tột hết lý Không. Từ Bất Hoàn Thiên, thì cái thánh đạo đã đến giới hạn tột cùng. Một hạng như vậy, gọi là Bất Hồi Tâm Độn A La Hán.

“Nếu từ cõi trời Vô Tướng của các ngoại đạo, nghiên cùng cái Không mà chẳng quay lại, mê lầm không nghe chánh pháp thì sẽ vào luân hồi.

“Anan, trên các cõi trời đó, mỗi người trời là những phàm phu theo sự báo đáp của nghiệp quả. Quả hết thì rơi vào luân hồi. Thiên vương của các cõi ấy tức là Bồ tát, dạo qua Tam Ma Đề mà lần lượt tăng tiến trên đường hướng về Phật Đạo.

“Anan, các cõi trời Tứ Không đó, thân tâm diệt hết, cái tánh định hiện tiền, không có sắc pháp của nghiệp quả. Từ đó đến cuối cùng, gọi là Vô Sắc Giới.

“Những hạng đó đều chẳng rõ tánh Diệu Giác Minh Tâm, chứa nhóm vọng tưởng mà phát sanh, vọng có ra ba cõi. Ở trong đó, hư vọng theo bảy nẻo chìm đắm, mỗi một chúng sanh theo loại của mình.

Thông rằng : Bốn cõi trời Vô Sắc là chỗ ở của bậc định tính Thanh Văn. Nếu hồi tâm, tức là hồi Trí hướng Bi, cứu giúp chúng sanh, lợi lạc cho đời, chẳng trụ quả vị nhỏ thấp, vào Bồ tát thừa, gọi là Đại A La Hán. Bậc căn cơ âm độn, chẳng thể phát minh được trí huệ, lại do tâm định ưa trên, chán dưới. Chán sắc nương Không, vào Không Vô Biên Xứ. Sự chướng ngại của thân đã tiêu, chẳng nương nơi sắc. Cái Không của không-ngại cũng diệt, lại *Không* luôn cả cái *Không-có-chỗ-Không*.

Sáu thức của thân căn đều đã dứt tuyệt, chỉ còn lưu lại toàn vẹn thức thứ tám và nửa phần thức thứ bảy. Thức thứ bảy Mạt Na vốn không có vị trí cố định, ngoài thì duyên theo sắc, không, ấy là nương theo sáu thức, gọi là thô ; trong thì duyên theo thức thứ tám chỉ có chấp lấy bên trong, không có duyên ra ngoài, gọi là tế. Sự nhàm chán cái Không,

nương theo cái thức này gọi là Thức Vô Biên Xứ. Tiến tới nữa, toàn phần thức thứ tám và nửa phần thức thứ bảy của thức tâm đều diệt, nhưng chẳng phải có thể diệt thật sự. Đó là chỉ lấy cái chỗ trong lặng không động lay của thức tâm, hoàn toàn không qua lại mà cho là cái Vốn-Không-Chỗ-Có. Chân Tánh xưa nay không một vật, nên chỗ thức này diệt hết cũng có vẻ tương tự. Nhưng đây là lấy cái sanh diệt làm tâm nhân địa nên cái tâm sanh diệt chưa diệt, ví như dòng nước chảy xiết, xem qua giống như đứng yên, nên không thể nói đó là cái chỗ Vô Sở Hữu của Chân Tánh vậy.

Cái thức tâm đã diệt, thức tánh thì chẳng động, mà lại nghiên cùng rồi cho là cái bất động cũng diệt. Phàm cái bất động thì toàn khắp, vốn là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh, vốn tự chẳng sanh, vốn tự vô tận. Nay ở trong tánh vô tận gượng bày bố ra cái tánh tận thì cái gọi là tận này cũng là nương nơi thức diệt mà thấy là tâm, mà cái tánh kia vốn nào có từng tận. Cho nên trong thức tánh chẳng động mà cho là thường còn, tức là chẳng phải vô tướng, nên tâm tư ngưng bật. Lại thấy hình như chẳng thường còn, cho đó là tận, tức là chẳng phải tướng, nên sự trôi chảy vi tế chẳng ngừng. Lại hình như chẳng tận, tức là Phi Phi Tướng. Cái Phi Tướng, Phi Phi Tướng này một nửa thì nương nơi cái chẳng sanh chẳng diệt, một nửa nương vào sanh diệt, chính là lãnh vực của thức ấm, bị thức ngăn che, chỉ ở trong niệm tướng mà suy gẫm, chẳng thật là thấy tánh. Sanh cõi trời này vào vạn kiếp vô tướng, hết kiếp đó thì lại có tướng. Hạng này nghiên cùng cái Không, mà chẳng tốt diệu lý Chân Không, chẳng ngộ cái Không sanh ra trong Đại Giác vậy.

Tuy từ thánh đạo của năm cõi trời Bất Hoàn mà nghiên cùng, nhưng chẳng rõ Chân Tánh, cái ý chỉ tánh Giác chân

Không, tánh Không chân Giác, chẳng vào Bồ tát thừa nên rốt cuộc gọi là Bất Hồi Tâm Độn A La Hán. Hạng căn cơ này tuy độn nhưng còn có lúc hồi tâm. Đâu như hàng ngoại đạo theo cõi trời Vô Tướng mê với lậu hoặc hữu vi mà cho là vô lậu, để khi quả báo hết liền rơi lại luân hồi.

Ngay các cõi trời Tứ Không cũng chẳng khỏi luân hồi, thì Dục Giới, Sắc Giới đều là sự thù đáp của nghiệp quả. Thù đáp hết thì rơi lại luân hồi, còn nghi gì nữa ? Duy những vị Thiên Vương là chư vị Bồ tát đặng địa phân thân ứng hóa, dạo chơi Tam Ma Đề, quyền biến thị hiện ra thứ bậc, hồi hướng Phật Đạo, cũng là con đường tu hành tăng tiến dần dần vậy. Các cõi Tứ Không này, thân tâm diệt hết, tánh định hiện tiền, tuy không có sắc pháp của nghiệp quả, mà còn cái sắc pháp của Định quả. Từ đây đến cuối cùng, hết luôn cái sắc pháp của Định quả. Nếu chẳng tỏ ngộ tánh Diệu Giác Minh Tâm, vượt khỏi ba cõi, chẳng đủ để bàn chỗ này. Chẳng tỏ ngộ tánh diệu giác thì chẳng ra khỏi ba cõi, hư vọng chuyển theo bảy nẻo chúng sanh, xoay vần chìm đắm, đều do chứa nhóm hư vọng mà ra. Dục Giới là do vọng thấy dục, Sắc Giới là do vọng thấy trong sạch, Vô Sắc Giới là do hư vọng thấy không. Hư vọng mà có ba cõi, mỗi cõi mê theo cái nẻo của mình. Chúng sanh chọn giữ lấy các nẻo tương lai, đó là thân Trung Hữu (Trung Ấm).

Kinh Niết Bàn nói : “Năm ấm của thân Trung Hữu thì nhục nhãn chẳng thấy được, thiên nhãn thấy được. Hư vọng theo mỗi loại mà chạy theo luân chuyển. Nói tóm lại là do thức thân chưa chuyển hóa nên mới như vậy. Nếu có thể chuyển thức thành trí thì tự chẳng có cái lụy này.”

Ngài Địa Tạng hỏi Ngài Tu Sơn Chủ : “Xứ nào đến ?”

Ngài Tu : “Phương Nam đến.”

Ngài Tạng : “Gần đây Phật Pháp phương Nam thế nào ?”

Ngài Tu : “Thương lượng mệnh mông.”

Ngài Tạng nói : “Nào như ta trong ấy trồng ruộng mệnh mông no đủ.”

Ngài Tu : “Còn ba cỗi thì sao ?”

Ngài Tạng nói : “Ông gọi cái gì là ba cỗi ?”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Bày ra lẩm thú giả gương làm
Lưu truyền tai miệng, ấy chi ly
Trồng ruộng no đầy, nhà thường sự
Chẳng phải “tham (thiền) no” mấy kẻ hay !
No thiền rõ biết “không chỗ cầu”
Tử Phòng nào quý chuyện phong hầu
Quên ráo, về thôi, đồng chim cá
Rửa cảnh sông xanh, khói nước thu.”*

Ngài Thúy Nham Chân khai thị đại chúng rằng : “Chẳng thấy “một pháp” là lỗi lầm lớn ! Núi sông đất đai, nhật nguyệt, tinh tú, sắc, không, sáng tối chẳng phải là “một pháp” !”

Đưa cây gậy lên, nói rằng : “Phàm phu thấy cây gậy, gọi đó là cây gậy. Người Thanh Văn thấy cây gậy, nhận được cái *ngoan không* mà bác không có cây gậy. Người Bồ tát thấy cây gậy, hầu như được thêm đồng bạn. Đói tới thì ăn, mệt tới thì ngủ, lạnh tới thì hơi lửa, nóng gắt thì quạt mát. Chẳng nghe nói “*nhất thiết trí trí thanh tịnh*” ư ? Nói được lời đó thì cười bẻ lỗ mũi Thần Thổ Địa !”

Chỗ này cùng một vị thanh tịnh với *trồng ruộng no đầy*, là dáng dấp vượt khỏi ba cỗi vậy.

D. BỐN GIỐNG A TU LA

Kinh : “Lại nữa, Anan, trong ba cõi ấy, lại có bốn thứ A Tu La :

“Nếu từ loài Quỷ, do sức hộ pháp, nương thần thông nhập vào Không. Hạng A Tu La này từ trứng mà sanh, thuộc về loài quỷ.

“Nếu từ cõi trời, đức kém phải sa đọa thì chỗ ở gần với mặt trời, mặt trăng. Hạng A Tu La này từ thai mà sanh, thuộc về loài người.

“Có Tu La Vương nắm giữ thế giới, sức mạnh thâu triệt không phải sợ ai, có thể tranh quyền với Phạm Vương, Đế Thích và Tứ Thiên Vương. Hạng A Tu La này do biến hóa mà có, thuộc về loài trời.

“Anan, lại có một số Tu La thấp kém, sanh trong lòng biển cả, lặn trong đáy vực, ngày dạo chơi trên không, tối về ngủ dưới nước. Hạng A Tu La này do thấp khí mà có, thuộc về loài súc sanh.

Thông rằng : Phước lực của Thần A Tu La bằng hàng trời mà không có cái hạnh của trời, nên gọi là Phi Thiên.⁽¹⁾

Kinh Thập Địa nói : “A Tu La có năm loại : Một là hạng rất nhu nhược, ở trong núi rừng của nhân gian. Trong hang sâu lớn của núi phương Tây (Ấn) có cung điện của phi thiên. Hai là, ở núi Diệu Cao phía Bắc, dưới biển lớn hai vạn một ngàn do tuần có cung điện của La Hầu, tay có thể che mặt trời, mặt trăng. Ba là, xuống thêm hai vạn một ngàn do tuần có cung điện của Dũng Kiên, tánh nóng giận mà chẳng phải do uống rượu. Bốn là, xuống thêm hai

¹⁾ Chẳng phải trời.

vạn một ngàn do tuần, có cung điện của Hoa Man, loài này nữ thì rất đẹp mà nam thì xấu. Năm là xuống thêm hai vạn một ngàn do tuần có cung điện của Tỳ Ma Chất Đa La, gọi là Tịnh Tâm, có thể làm cho sóng biển gầm vang, là quê nhà bên vợ của trời Đế Thích.”

Kinh Trường A Hàm nói : “Loài A Tu La trong một ngày một đêm chịu khổ ba lần. Chuyện khổ tự đến mà vào trong cung.”

Bởi thế, biết rằng loài này có một phần thiện báo gọi là *Người-Trời*. Nếu luận về sự chịu khổ, thì quả là ở dưới loài người, nên kinh Chánh Pháp Niệm liệt vào hai loài quỷ và súc sanh. Kinh Lăng Nghiêm này lấy thai, trứng, thấp, hóa cùng với bốn loại thiên, nhân, quỷ, súc mà nói rõ tình trạng của hàng A Tu La, đại khái phù hợp với kinh Thập Địa.

Thiền sư Thanh Lâm Kiên thượng đường : “Môn hạ của Tổ Sư, đường chim huyền nhiệm, công cùng thì chuyển, chẳng thâm cứu thì khó rõ. Các ông ngay đây cần phải lia tâm, ý, thức mà tham, ra khỏi nẻo Thánh, phàm mà học mới có thể bảo nhậm. Nếu chẳng như thế, chẳng phải con cháu của ta.”

Có nhà sư hỏi : “Dựa, vác lâu rồi mà chẳng gặp thì sao ?”

Đáp : “Bảng mời của vua đời xưa !”

Hỏi : “Xin thầy đáp lời.”

Đáp : “Bàn tay Tu La ở mặt trời, mặt trăng.”

Lại có nhà sư hỏi Thiền sư Phật Hải : “Tức tâm tức Phật thì thế nào ?”

Đáp : “Đầu chia hai sừng tóc.”

Hỏi : “Chẳng phải tâm chẳng phải Phật thì thế nào ?”

Đáp : “Tai rớt vòng đeo tai.”

Hỏi : “Chẳng là tâm, chẳng là Phật, chẳng là vật, lại là thế nào ?”

Đáp : “Trên đỉnh trọc, Tu La hát múa.”

Lời lẽ như thế, nếu chẳng ra khỏi nẻo Thánh phàm mà học, lia tâm, ý, thức mà tham thì làm sao dò được bến bờ.

VI. KHAI THỊ SỰ HƯ VỌNG CỦA BẢY LOÀI ĐỂ KHUYÊN TU CHÂN CHÁNH

Kinh : “Anan, xét kỹ ra thì bảy loài Địa Ngục, Nga Quỷ, Súc Sanh, Người và Thần Tiên, Trời và A Tu La như thế đều là các tướng hữu vi tối tăm chìm đắm, do vọng tưởng mà thọ sanh, do vọng tưởng mà theo nghiệp, trong Bản Tâm diệu viên minh vô tác thì đều như hoa đốm giữa hư không, vốn không dính bám, chỉ thuần là hư vọng, tuyệt không gốc rễ, mối manh.

“Anan, những chúng sanh đó chẳng nhận biết Bản Tâm, chịu sự luân hồi như kia trong vô lượng kiếp, chẳng được cái thanh tịnh chân thật đều là do thuận theo sát, đạo, dâm vậy. Còn ngược lại ba thứ đó thì lại sanh ra không sát, không đạo, không dâm. Có sát, đạo, dâm thì gọi là loài Quỷ ; không có gọi là loài Trời. Có, không đắp đổi nhau, khởi ra tánh luân hồi.

“Nếu nhiệm màu phát huy được pháp Tam Ma Đề ắt là thường hằng tịch lặng nhiệm màu, trong đó hai cái có và không đều không, mà cái không có cả hai cũng diệt. Cái không sát, không đạo, không dâm còn không có, lấy đâu mà lại thuận theo việc sát, đạo, dâm ?

“Anan, chẳng đoạn ba nghiệp thì mỗi mỗi chúng sanh đều có phận riêng. Nhân mỗi mỗi phận riêng đó

mà có đồng phận chung của các cái riêng, không phải là không có chỗ nhất định. Ấy là do tự hư vọng phát sanh ra, cái hư vọng phát sanh ra đó vốn không có nhân, không có nguồn gốc ở đâu cả.

“Ông khuyên người tu hành muốn đắc Bồ Đề, cốt yếu phải đoạn trừ ba cái Hoặc. Ba Hoặc chẳng hết thì dầu có được thần thông cũng đều là công dụng hữu vi của thế gian. Tập khí mà chẳng diệt thì lạc vào đường ma, tuy muốn trừ vọng, lại càng thêm hư dối, sai lầm. Như Lai nói là rất đáng thương xót. Đó là tự mình tạo ra hư vọng, đâu phải là lỗi nơi Bồ Đề.

“Nói như thế gọi là lời chân chánh. Nếu nói khác thế, tức là lời của Ma Vương.”

Thông rằng : Ở trước, Ông Anan hỏi rằng : “Cái Diệu Tâm toàn vẹn cùng khắp mà sao lại có các nẻo Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, Tu La, Người, Trời... Vậy là có chỗ nhất định hay là tự nhiên ? Mỗi mỗi phát ra nghiệp mà mỗi mỗi tự chịu là xưa nay vốn tự có hay là do cái hư vọng của chúng sanh tích tập mà sanh ra ?”

Bởi thế, ở đây trả lời chung rằng : “Bảy nẻo tối tăm chìm đắm đều là tướng hữu vi. Ở trong cái Bản Tâm vô tác tròn sáng nhiệm mầu vốn không có gì, như hoa đốm trong hư không, có gì là can thiệp ? Bỏn lai chẳng phải tự có vậy. Chỉ là do vọng tưởng mà thọ sanh, vọng tưởng mà theo nghiệp, nên bảo là “Thói quen hư vọng sanh khởi” vậy. Đã có thói quen hư vọng, thì có quả báo hư vọng. Mỗi mỗi phát ra nghiệp mà mỗi mỗi tự riêng chịu phần mình, thì chẳng phải là không có chỗ nhất định. Tự hư vọng mà phát sanh, cái mê lầm (Hoặc) làm nhân của hư vọng, mà hư vọng là nhân của nghiệp thì chẳng phải là tự nhiên vậy. Hư vọng

sanh ra đó vốn không có nguyên nhân, không có nguồn gốc ở đâu cả, vì vốn tự thường tịch vậy. Do ba cái sát, đạo, dâm làm căn bản. Thuận theo nghiệp sát, đạo, dâm đó là vọng thấy ra có, đã có thì phải chìm đọa bốn nẻo ác mà thấp nhất là loài Quỷ. Chẳng thuận theo ba nghiệp mà ngược lại thì vọng thấy ra không, đã không thì hẳn sanh vào đường thiện, mà loài Trời là cao nhất. Thiện, ác tuy khác đường nhưng có, không đắp đổi nhau nên luân hồi ba cõi không có thời nghỉ. Đó là do con người tạo ra, chẳng phải lỗi nơi Bồ Đề.”

Nếu nhiệm mầu phát huy được Tam Ma Đề, nhận biết Bản Tâm mình, đắc cái thanh tịnh chân thật thì gọi là diệu : chẳng lìa ba cõi mà đốn siêu ba cõi ! Trong chánh định tịch thường ấy không có hai thứ có, không để đắc ! Đã trừ cái hư vọng của tục đế thì cái Không của Không Hai cũng mất. Lại đoạn trừ cái Chân của Niết Bàn thì căn bản vô minh tiêu tan ráo sạch, mê lầm từ đâu sanh khởi, hư vọng từ đâu phát sanh ? Thiện còn chưa có được hưởng gì theo nơi ác. Chỗ này cũng như mất vốn không nhậm thì hoa đốm không đâu mà tự có được.

Ba hoặc, các kinh thường chỉ Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc. Kiến tư hoặc cũng gọi là Thông Hoặc vì chung cho cả ba thừa cùng đoạn trừ. Trần sa hoặc còn gọi là Biệt Hoặc, vì chỉ hàng Bồ tát mới đoạn trừ nổi. Vô minh hoặc là chủng tử của nghiệp thức, chỉ có hàng Bồ tát Đại thừa mới đoạn trừ nổi.

Chẳng trừ mất nhậm thì tuy muốn trừ hoa đốm, đó là càng thêm hư dối, sai lầm, dấu cho có được thần thông cũng lạc vào Ma đạo. Ma đạo nghĩa là không trừ sát, đạo, dâm mà tu tà định. Bởi thế, muốn đắc Vô Thượng Bồ Đề phải trừ ba hoặc, rửa sạch tập khí. Ba hoặc đã không còn

thì có đâu ba cõi. Nếu chẳng biết lời nói này mà bảo rằng Bồ Đề vốn không, cần chi trừ hoặc : đó là Ma nói vậy.

Có một cư sĩ hỏi Tổ Tây Đường Trí Tạng : “Thưa có thiên đường, địa ngục không ?”

Tổ Tạng nói : “Có.”

Hỏi : “Có Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo không ?”

Tổ Tạng nói : “Có.”

Người ấy lại hỏi nhiều điều nữa, Tổ đều đáp có.

Ông nói : “Hòa thượng nói thế chẳng có lầm ư ?”

Tổ Tạng nói : “Ông từng gặp vị Tôn túc nào rồi ?”

Cư sĩ : “Tôi đã từng tham hỏi Hòa thượng Kính Sơn.”

Tổ Tạng nói : “Ngài Kính Sơn nói với ông thế nào ?”

Đáp : “Ngài nói thầy cả đều không !”

Tổ Tạng hỏi : “Ông có vợ không ?”

Đáp : “Dạ, có.”

Tổ Tạng nói : “Hòa thượng Kính Sơn có vợ không ?”

Đáp : “Dạ, không.”

Tổ Tạng nói : “Hòa thượng nói không thì được !”

Đây là nơi lời lẽ tầm thường mà chỉ ra tin tức đốn siêu ba cõi, nhiệm mầu thay !

Lại có nhà sư hỏi Thiền sư Động Sơn Thuyên : “Hành giả thanh tịnh chẳng lên thiên đường, Tỳ kheo phá giới chẳng vào địa ngục, thì như thế nào ?”

Tổ Thuyên nói :

*“Độ tận không lưu ảnh
Về kia, vượt Niết Bàn.”*

Ngài Đơn Hà tụng rằng :

*“Tướng hảo nguy nguy đại trượng phu
 Một đời không Trí hạp như ngu
 Xưa nay Phật, Tổ còn khó ngóng
 Địa ngục thiên đường, há buộc ư ?”*

Đây có thể chứng minh cho sự nhiệm mầu phát huy Tam Ma Đề vậy.

VII. PHÂN BIỆT CÁC ẤM MA

A. NGUYÊN DO KHỞI CÁC MA SỰ

Kinh : Lúc bảy giờ, Đức Như Lai sắp chấm dứt thời thuyết pháp, ở nơi Sư Tử tòa, vịn ghế thất bảo, xoay về Tử Kim sơn, trở lại dựa nơi ghế, bảo khắp đại chúng cùng Ông Anan rằng :

“Các ông là hàng Duyên Giác Thanh Văn hữu học, ngày nay hồi tâm, hướng về Vô Thượng Diệu Giác Đại Bồ Đề. Nay ta đã nói pháp tu hành chân chánh, nhưng các ông còn chưa biết những ma sự vi tế khi tu hành Xa Ma Tha, và Tỳ Bà Xá Na.

“Cảnh ma nếu hiện ra, mà ông không thể nhận biết thì việc làm trong sạch tâm không được đứng, lạc vào tà kiến. Hoặc bị Ma Ngũ Ấm của ông, hoặc bị Thiên Ma, hoặc mắc Quỷ Thần, hoặc gặp Ly Mỵ mà trong tâm không rõ thì nhận giặc làm con. Lại nữa, ở trong đó được ít mà cho là đủ, như Tỳ kheo Vô Văn được Đệ Tứ Thiên, vọng nói là chứng Thánh, khi quả báo chư Thiên hết, tướng suy hiện ra, bài báng quả vị A La Hán là còn phải thọ sanh, nên đọa vào ngục A Tỳ. Các ông nên nghe kỹ, nay Ta vì các ông mà phân biệt rành rẽ.”

Ông Anan đứng dậy cùng các hàng hữu học trong hội, hoan hỷ đánh lễ, kính nghe lời dạy bảo từ bi.

Phật bảo Ông Anan cùng cả đại chúng :

“Các ông nên biết cái tâm thể tổ biết vẹn toàn, Bản Giác Diệu Minh của mười hai loại chúng sanh trong thế giới hữu lậu cùng mười phương chư Phật không hai, không khác. Do vọng tưởng của các ông, mê chân lý thành ra lỗi lầm. Si, ái phát sanh, sanh mê cùng khắp nên có hư không. Biến hóa ra cái mê không ngớt nên có thế giới sanh ra. Vậy thì mười phương cõi nước nhiều như vi trần này chẳng phải là vô lậu, đều do vọng tưởng mê lầm kiến lập.

“Phải biết, hư không sanh trong tâm ông cũng như điểm mây trong bầu trời, hướng chi các thế giới ở trong hư không ấy ! Một người trong các ông phát khởi sự về nguồn chân thật thì mười phương hư không ấy thấy đều tiêu mất. Làm sao các cõi nước trong hư không ấy lại không rung đổ ? Các ông tu thiên, trau dồi pháp Tam Ma Địa thì cùng với mười phương Bồ tát và các vị Đại A La Hán vô lậu tâm tinh thông hợp thắm nhiệm, đương xứ trong lặng như nhiên. Còn tất cả ma vương, quỷ thần, loài Trời phàm phu thì thấy cung điện mình không có gì đổ vỡ, đất đai rung động, các loài thủy lục bay nhảy thấy đều kinh sợ.

“Hạng phàm phu hôn muội không rõ, nên nghĩ lầm, còn hạng kia đều được năm thứ thần thông, trừ lậu tận thông, luyến tiếc cảnh trần lao này đâu để ông phá hoại chỗ ở. Bởi thế, quỷ thần, thiên ma, vọng lượng, yêu tinh trong khi ông tu Tam Muội đều đến quấy phá.

“Nhưng các ma kia, tuy rất giận dữ mà họ ở trong trần lao, còn các ông ở trong diệu giác, thì cũng như gió

thổi ánh sáng, như dao chặt nước, chẳng hề hấn gì. Ông như nước sôi, họ như giá cứng, vừa gần hơi ấm thì chẳng bao lâu mà tiêu tan. Chúng ý lại suông thân lực, nhưng chỉ là Khách. Nếu chúng có thể phá rồi được, là do người Chủ ngủ ấm trong tâm ông. Chủ nhân mà mê lầm, khách mới được dịp quấy phá.

“Đương xứ thiên định, giác ngộ không lầm thì các Ma sự kia không làm gì ông nổi. Khi ấm tiêu tan vào trong tánh sáng ; sáng phá được tối, tối đến gần sáng thì tự tiêu mất, mà chúng tà ma kia đều tối tăm làm sao còn dám ở lại quấy phá sự thiên định ? Nếu không tỏ ngộ sáng suốt, bị ngũ ấm ngăn che, mê lầm thì chính Ông Anan là con của Ma và thành người Ma. Như Cô Ma Đãng Già, sức còn yếu kém, chỉ dùng chú thuật bắt ông phá luật nghi của Phật, trong tám muôn hạnh chỉ phá một giới, nhưng vì tâm ông thanh tịnh nên chưa bị chìm đắm. Còn chúng Ma này thì phá hoại toàn thân Bảo Giác của ông, giống như nhà quan tể tướng bỗng bị tịch biên, long đong xiêu lạc, không thể thương cứu !

Thông rằng : Ma tức là Ma La, nghĩa là Sát, cũng nghĩa là Đoạt, vì hay giết huệ mạng, cướp đoạt thiện pháp của mình vậy. Đại để có năm thứ Ma : ngũ ấm ma, phiền não ma, sanh tử ma, thiên ma và quỷ ma. Hợp lại thì chỉ có ấm ma và thiên ma mà thôi.

Ấm ma tức là sanh tử, phiền não nương ngũ ấm mà khởi lên. Thiên ma là do tu tà định, ưa hại người tu chánh đạo. Lại như Tỳ kheo Vô Văn, được ít cho là đủ, chê báng Phật, vọng nói A La Hán còn phải thọ sanh, đó là tà kiến ma, thuộc về ấm ma lẫn thiên ma vậy. Bởi hủy báng chánh pháp nên đọa vào ngục A Tỳ.

Một người phát khởi sự về nguồn chân thật thì mười phương thế giới đều tiêu mất. Tất cả Ma vương, các Trời phàm phu thấy cung điện của mình đổ vỡ, thủy lục kinh sợ, bèn đến quấy phá thiền định. Hạng thiên ma này làm hại không nhiều, chúng ý thần lực, nhưng vẫn là khách. Chủ nhân ở ngay nơi mình, nên dùng cái Diệu Giác mà phá trần lao thì như lấy nước sôi làm tiêu nước đá, lấy sáng phá tối vậy. Chủ nhân mà mê, khách liền tiện dịp, nó phá hoại luật nghi của mình, hư hao cái Bảo Giác của mình, khác nào quan tể tướng bị tịch biên, long đong xiêu lạc vậy. Ấm ma này làm hại sâu xa. Quấy phá được là hoàn toàn do chủ nhân, nên tu thiền định cần phải tỏ ngộ sáng suốt, chẳng để cho năm ấm làm mê lầm thì đó là đệ nhất nghĩa.

Ấm là sự che lấp của thức tình, giống như mây nổi. Sáng suốt là sự hiển lộ tỏ rõ, giống như bầu trời. Ấm tiêu tan, vào tánh sáng, tức là hoàn lại tánh Bản Giác. Thế nên, cái Bản Giác diệu minh cùng mười phương chư Phật không hai, không khác. Chỉ do vọng tưởng si ái, theo mê mà chuyển biến thì có thế giới sanh. Có thế giới thì có sắc ấm. Mê luyến cái trần lao này liền có các ấm : thọ, tưởng, hành, thức.

Ta muốn phá tung cái ấm mà nhảy ra để hoàn lại cái tâm thể viên giác cho đến khi các lậu hết sạch. Còn các hạng hữu lậu kia luyến tiếc chẳng buông, ý có sức thần thông nên đến phá rầy. Nếu hủy giới, phá luật, hòa đồng với chúng thì tuy đắc thần thông, hẳn là con của ma. Ở đây mà thấu suốt được, đó gọi là Bảo Giác. Cái Giác này là chúng tử để thành Phật. Y vào cái Bảo Giác này, vào trong chánh định mà chứng Pháp Thân, tâm tinh thâm hợp với mười phương Bồ tát và chư Đại A La Hán vô lậu. Thường xứ tịch nhiên, lặng chiếu ngậm trùm hư không thì hư không

cũng còn không có thay, hướng là lại nương hư không đó mà kiến lập các cõi nước hữu lậu ư ?

Có vị Tọa chủ giảng kinh Hoa Nghiêm hỏi Tổ Trường Sa Sầm : “Hư không quyết định có hay là quyết định không ?”

Tổ Sa nói : “Nói có cũng được, nói không cũng được. Hư không có thì chỉ có cái *giả-có*, hư không không có thì chỉ có *giả-không*.”

Hỏi : “Như Hòa thượng nói, thì có trong kinh giáo nào không ?”

Tổ Sa nói : “Đại đức há chẳng nghe Thủ Lăng Nghiêm nói “Mười phương hư không sanh trong tâm ông như điểm mây trong bầu trời”, vậy há chẳng phải khi hư không sanh là chỉ sanh cái giả danh thôi ư ? Kinh lại nói “Một người trong các ông phát khởi sự về nguồn chân thật thì mười phương hư không ấy thấy đều tiêu mất”. Thế chẳng phải khi hư không diệt là chỉ diệt cái giả danh ư ? Bởi thế, lão tăng nói : Có là giả có, không là giả không.”

Ngài Trường Sa thấu suốt cái Bản Giác diệu minh nên xem hư không khởi diệt cũng là như huyễn, hướng là các thứ khác !

Có Thượng tọa Bằng Ngạn bác học, nhớ nhiều đến tham hỏi Thiền sư Báo Ân Minh để đối luận về tông thừa.

Tổ Minh nói : “Nói nhiều càng xa Đạo. Nay có chuyện tạm hỏi. Vậy như xưa nay chư Thánh cùng chư Tiên đức lại có ai chẳng ngộ không ?”

Đáp rằng : “Như là chư Thánh, Tiên đức há có ai chẳng ngộ ư ?”

Tổ Minh nói : “Một người phát khởi sự về nguồn chân thật, mười phương hư không thấy đều tiêu mất. Nay núi Thiên Thai sờ sờ ra đó, làm sao mà tiêu mất đi ?”

Thầy Ngạn chẳng biết bày tỏ làm sao.

Một khối đại nghi này mà không thể tiêu mất, làm sao dám nói chuyện phá tan năm ấm ư ?

B. PHẠM VI CỦA SẮC ẤM

Kinh : “Anan, nên biết, ông ngồi đạo tràng, tiêu diệt các niệm, niệm ấy mà hết thì tâm lìa niệm thuần túy sáng suốt thấy cả, động tĩnh chẳng đời, nhớ quên như một. Đang khi an trụ nơi đó mà vào Tam Ma Địa thì như người sáng mắt mà ở chỗ rất tối. Cái tinh thuần của Tánh thì trong sạch nhiệm mầu, nhưng tâm chưa phát sáng. Thế gọi là phạm vi của Sắc Ấm. Nếu mắt sáng tỏ, mười phương mở suốt, không còn tối tăm, gọi là Sắc Ấm hết. Người ấy có thể siêu vượt khỏi Kiếp Trước. Xét lại nguyên do Kiếp Trước thì gốc rễ là Vọng tưởng kiên cố.

“Anan, ngay tại trong đó, nghiên cứu tinh tường Tánh Diệu Minh, bốn Đại chẳng kết hợp thì trong khoảng chốc lát, tâm thức có thể ra khỏi sự ngăn ngại, đây gọi là tinh minh tuôn tràn ra tiền cảnh, đó chỉ do dụng công mà tạm được như vậy, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

“Anan, lại dùng cái tâm này nghiên cứu tinh tường Tánh Diệu Minh, trong thân thành rộng suốt, người ấy bỗng nhiên ở trong thân mình nhặt ra các thứ giun sán mà thân thể vẫn y nguyên, không bị thương tổn, đây gọi là tinh minh tuôn tràn nơi hình thể, đó chỉ do tu hành tinh tiến mà tạm được như vậy, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh tức lọt vào tà.

“Lại dùng cái tâm ấy nghiên cứu tinh tường trong ngoài, khi ấy hồn phách, ý chí, tinh thần, ngoài cái thân chấp thọ ra, đều ăn nhập vào nhau, đắp đổi làm khách, làm chủ. Bỗng nhiên ở trong hư không nghe tiếng thuyết pháp, hoặc nghe mười phương đồng diễn bày mật nghĩa. Đây gọi là sự thành tựu thiện chủng của tinh phách thay nhau lia hợp, tạm được như vậy, chẳng phải Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh tức lọt vào tà.

“Lại dùng cái tâm ấy lắng trong, hiện ra sáng suốt, ánh sáng bên trong phát ra, mười phương biến thành sắc Diêm Phù Đề, hết thấy mọi loài hóa là Như Lai. Bấy giờ bỗng thấy Phật Tỳ Lô Giá Na ngồi trên đài Thiên Quang, có ngàn Đức Phật vây quanh. Trăm ức cõi nước cùng với hoa sen cùng một lúc hiện ra. Đây gọi là sự tiêm nhiễm của tâm thức linh ngộ. Do ánh sáng của tâm phát ra soi sáng các thế giới mà tạm được như vậy, chẳng phải Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

“Lại dùng cái tâm ấy nghiên cứu tinh tường Tánh Diệu Minh, quan sát chẳng ngừng, đè nén hàng phục, ngăn dứt thái quá, khi ấy bỗng nhiên mười phương hư không thành sắc bảy báu hay sắc trăm báu, đồng thời cùng khắp, không ngăn ngại nhau : xanh, vàng, đỏ, trắng mỗi mỗi hiện ra rõ ràng. Đây gọi là công sức đè nén quá phần, tạm được như vậy, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

“Lại dùng cái tâm ấy nghiên cứu, lặng suốt sáng trong chẳng loạn, bỗng nhiên giữa đêm, ở trong nhà tối

thấy thấy thấy vật không khác gì ban ngày, mà những vật trong nhà tối đó cũng không diệt mất. Đây gọi là tâm tế nhiệm lặng đứng mà thấy, nên thấy suốt chỗ tối tăm, tạm được như vậy, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

“Lại dùng cái tâm ấy vện nhập vào chỗ hư dung, bốn vóc bỗng đồng như cây cỏ, lửa đốt, dao cắt hoàn toàn không cảm giác, lửa ngọn không thể đốt cháy, dầu cho cắt thịt cũng như chẻ cây. Đây là gọi là cùng như trần, do bài trừ bốn Đại một mực, nhập vào sự thuần nhất, tạm được như vậy, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

“Lại dùng cái tâm ấy thành tựu sự trong sạch, dụng công trong sạch tâm tốt bực, bỗng thấy mười phương đất đai, sông núi đều thành cõi Phật, đầy đủ bảy báu chói sáng cùng khắp. Lại thấy hằng sa chư Phật Như Lai đầy khắp hư không, lầu điện rực rỡ. Dưới thấy địa ngục, trên thấy thiên cung, được không chướng ngại. Đây gọi là ưa thích đề nén ngưng tưởng lâu ngày mà tưởng hóa thành, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

“Lại dùng cái tâm ấy nghiên cứu sâu xa, bỗng nhiên ở giữa đêm thấy rõ chợ búa, làng xóm bà con họ hàng ở phương xa, hoặc nghe lời nói của họ. Đây gọi là bức bách cái tâm tốt bực nên nó bay ra, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

“Lại dùng cái tâm ấy, nghiên cứu tinh tế cùng tột, thấy được thiện tri thức, thân thể biến hóa, trong giây lát không duyên cớ gì mà biến đổi đủ thứ. Đây gọi là tà tâm bị loài Ly Mỵ hoặc Thiên Ma vào trong thân thể, không duyên cớ gì mà thuyết pháp, thông suốt diệu nghĩa, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì Ma sự tự tiêu mất, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

“Anan, mười thứ cảnh giới hiện ra trong thiền định như vậy đều thuộc về Sắc Ấm, do dụng tâm giao xen lẫn nhau nên hiện ra cái việc đó. Chúng sanh mê đại, chẳng biết tự xét, gặp nhân duyên ấy, mê chẳng tự biết, cho là lên bậc Thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục Vô Gián.

“Sau khi Như Lai diệt độ rồi, các ông nên tuyên bày nghĩa này trong đời mạt pháp, chớ để Thiên Ma được dịp quấy phá, giữ gìn che chở cho người tu hành thành đạo vô thượng.

Thông rằng : Thiên Na tức là sự tiêu diệt các niệm của pháp môn *Chỉ Quán*. *Chỉ* là dùng sự trong lặng xoay lại cái hư vọng, dứt mất sự sanh khởi. *Quán* là các niệm đã hết nhưng còn cái tâm lìa niệm, hết thấy sáng suốt. *Chỉ Quán* vốn không hai, ắt là động tĩnh chẳng dời đổi, nhớ quên đều là một. Không hôn trầm, không tán loạn là chánh niệm. Theo đây mà vào, mới đắc Tam Ma Đề chân thật. Còn nếu tĩnh thì có mà động thì không, nhớ thì còn mà quên thì mất, ấy là thuộc cái cảnh ngộ ngừng tưởng, chẳng phải là chánh định.

Ban đầu, vào *Chỉ Quán*, cái sắc ấm chưa phá, như người sáng mắt mà ở trong chỗ rất tối tăm, chưa thể phát ra ánh sáng, bị sắc hạn cuộc, đó gọi là phạm vi của Sắc Ấm.

Sắc ấm đã phá, như mắt sáng suốt, mười phương mở suốt, sức nhìn soi khắp, chẳng bị cảnh trước mắt ngăn ngại. Như thế là có thể siêu vượt Kiếp Trước. Kiếp Trước là do sắc pháp đan nhau với cái thấy mà thành. Nay cái thấy chẳng bị sắc pháp làm cho mê lầm, nên có thể siêu vượt. Sắc ấm này do đâu mà có ra ? Ấy là do vọng tưởng kiên cố làm gốc. Vốn do nơi ba cái vọng tưởng của cha, của mẹ, của mình giao kết nhau mà thành ra cái sắc thân bốn đại cứng chắc này. Tướng cứng là Địa, lỏng là Thủy, hơi nóng là Hỏa, lay động là Phong. Do bốn cái ràng buộc này mà thành sáu căn. Sáu căn làm chìm tánh tròn sáng, che đậy Chân Tánh nên gọi là Ấm.

Nay vào Thiên Na, nghiên cứu tinh tường tánh diệu minh, lia nơi tiền trần, thân cảnh đều không, bốn đại chẳng đan kết nhau, tâm thức tinh thuần và sắc pháp lia nhau. Ban đầu thì tinh minh tuôn trào, thân ra khỏi ngăn ngại, đó là ở ngoài quên đi trần cảnh. Rồi thì trong thân rỗng suốt, nhặt ra giun sán, đó là bên trong quên mất thân vậy. Kế là tinh phách thay nhau lia hợp, trong thân, ngoài thân đáp đối làm chủ, khách ; ở trong hư không nghe thuyết pháp yếu, ấy là gần quên luôn cái hình thể vậy. Kế đó ánh sáng bên trong phát ra, thấy cảnh giới Phật, ấy là tiệm nhiễm sự linh ngộ mà tạm được như vậy, chứ không thể thường xuyên. Còn niệm Phật Tam Muội, thấy cảnh Tịnh Độ, ấy là tâm cảnh tương ứng gọi là chánh tướng, không thể kể vào đây. Kế là đè nén quá độ mà thấy nhiều sắc báu. Đè nén cực độ thì ánh sáng sanh ra, đó cũng là chỗ thành tựu của pháp Quán Thập Tướng. Kế là làm tế nhiệm lặng trong cái thấy nên thấy đồ vật trong chỗ tối. Chỗ thấy ở trước là cảnh huyền, chỗ thấy ở đây là cảnh thực. Nếu chẳng phải dưỡng tâm tế nhiệm thì không thể được. Kế là bốn

vóc hư dung, đồng như cây cỏ, dao chém, lửa đốt không có cảm giác, nếu chẳng phải thuần giác quên thân thì không thể được. Kế là quán chiếu cùng tột, thành tựu sự thanh tịnh, bỗng thấy mười phương cõi Phật, thiên đường, địa ngục đều không trở ngại, gần như đắc thiên nhãn thông vậy. Kế là đè nén cùng tột, không chỉ thấy được vật trong chỗ tối mà làng mạc, chợ búa ở xa cũng thấy, không những nghe tiếng thuyết pháp trong hư không mà nghe cả những lời nói của bà con ở xa, gần như đắc thiên nhĩ thông vậy. Đến chỗ nghiên cứu tinh tế cùng tột thì trong ngoài xen nhau, đắp đổi làm chủ, khách. Tinh thần hồn phách bỗng quên chỗ về. Do đó, Ma được dịp vào trong thân thể khiến cho hình thể biến hóa, đủ thứ đổi thay, vô cơ thuyết pháp, thông suốt diệu nghĩa. Đó há chẳng phải do phá sắc ấm, chẳng phải bị sắc pháp ràng buộc ư, mà chẳng biết là bị Ma bám, dựa.

Mười việc này đều do nghiên cứu cùng tột Tánh Diệu Minh, dùng tâm Thiền Na mà giao chiến với vọng tưởng kiên cố. Sắc chưa có thể tức là Không, Không chưa có thể tức là sắc, thay nhau thắng bại, chưa thể dung đồng. Đó là chỗ ma sắc ấm thừa cơ hội mà vào vậy. Chúng sanh mê lầm, chẳng biết tự xét sự thấy biết hàng ngày cùng với Phật nào có giống, công hạnh hàng ngày cùng với Phật nào có như nhau? Ngẫu nhiên thấy các cảnh ấy bèn cho là Thánh chứng. Chẳng phải Thánh mà cho là Thánh, chẳng phải chứng mà cho là chứng, trong thì mê nơi ấm ma, ngoài thì cảm với thiên ma, thành ra đại vọng ngữ, dọa ngục Vô Gián, thật đáng thương xót. Bởi thế, Đức Thế Tôn tuyên dạy cho đời mật pháp để bảo hộ chúng sanh thành tựu đạo vô thượng. Nếu công sức tu hành đã đến mức, có thể phá sắc ấm, thì dầu các việc trên có hiện ra cũng chẳng

cho là chứng ngộ việc Thánh. Trong Thiền cũng có nhiều sự việc như vậy.

Như Thiền sư Nga Hồ Trí Phu, một hôm chẳng đến trai đường, vị Thị giả đến mời Ngài.

Tổ Phu nói : “Hôm nay tôi ăn du-tư ở trang trại no rồi !”

Thị giả nói : “Hòa thượng chẳng hề đi đâu cả !”

Tổ Phu nói : “Ông chỉ việc đi hỏi trang chủ.”

Thị giả vừa ra cửa, bỗng gặp trang chủ đến tạ ơn đã tới trang trại dùng bữa du-tư.”

Đây há chẳng phải là thân có thể ra khỏi sự ngăn ngại đó ư !

Thiền sư Đoan Nham, một hôm có bà lão đến viếng chào.

Ngài nói : “Bà về gấp đi để cứu mấy ngàn sanh mạng !”

Bà lão về thấy cô con dâu đang mang ốc bắt ở ruộng về, bèn thả đi.

Lại nữa, Thiền sư Tổ Chiêu trong định thấy chuyện xảy ra trong vòng mấy mươi dặm mà người khác chưa từng biết. Sau này các tăng trong trang trại nghe được, đồn đại ra ngoài. Ngài e làm mê hoặc đại chúng nên nhập diệt.

Đó đều là việc có thể làm, nhưng chẳng cho đó là chứng ngộ việc Thánh vậy.

C. PHẠM VI CỦA THỌ ẤM

Kinh : “Anan, thiện nam tử áy tu Tam Ma Đề, trong Xa Ma Tha khi sắc ấm hết, thấy tâm chư Phật như trong gương sáng hiển hiện hình tượng. Hình như có được nhưng

chưa thể dùng, như người bị Mộc đè : tay chân y nguyên, thấy nghe không lầm, nhưng tâm gặp khách tà mà không cử động được. Đó gọi là phạm vi của Thọ Ấm.

“Nếu Mộc hết đè thì cái tâm lìa thân, trở lại xem mặt mũi, đi ở tự do, không còn ngăn ngại, gọi là thọ ấm hết. Người ấy có thể siêu vượt Kiến Trược, xét lại nguyên do thì gốc rễ là vọng tưởng hư minh.

“Anan, thiện nam tử ấy, ngay ở trong đó, được rất sáng tỏ, cái tâm phát minh, bên trong đè nén quá độ, bỗng ở nơi đó phát lòng Bi vô cùng, như vậy cho đến xem thấy muôn mòng như con đò, tâm sanh thương xót, bất giác chảy nước mắt. Đây gọi là công dụng đè nén quá mức. Biết thì không có lỗi, chẳng phải là Thánh chứng. Hiểu biết chẳng mê, lâu tự tiêu mất. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có ma Bi vào trong lòng dạ, thấy người thì thương xót, khóc thương vô hạn ; sai mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Anan, lại các thiện nam tử ấy, ở trong định, thấy sắc ấm tiêu rồi, thọ ấm tỏ rõ, thắng tướng hiện tiền nên cảm kích quá độ, bỗng ở trong đó sanh lòng dững mãnh vô hạn. Cái tâm mạnh bén, chí bằng chư Phật, nói rằng một niệm có thể vượt khỏi ba tầng kỳ. Đây gọi là công dụng lấn lướt quá mức. Biết thì không lỗi, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có ma Cuồng vào trong lòng dạ, thấy người thì khoe, ngā mạn không ai bằng, đến nổi tâm người ấy trên không thấy Phật, dưới chẳng thấy người ; sai mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Anan, lại các thiện nam tử ấy ở trong định, thấy sắc ấm tiêu rồi, thọ ấm tỏ rõ. Tới trước thì chưa có chỗ chứng mới, lui lại thì mất chỗ cũ, trí lực suy kém, vào

địa vị Trung Hủy, hoàn toàn không thấy gì. Trong tâm bỗng nhiên sanh ra rất khô khát. Trong cả mọi thời thầm nhớ không thôi, cho như vậy là tướng chuyên cần tinh tấn. Đây gọi là tu tâm không trí huệ, tự sanh lầm lạc. Biết thì không lỗi, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có ma Nhớ vào trong lòng dạ, ngày đêm nắm cái tâm treo vào một chỗ ; sai mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Lại các thiện nam tử ấy ở trong định, thấy sắc ấm tiêu rồi, thọ ấm tỏ rõ, cái sức huệ quá định, sai lầm nơi chỗ mạnh mẽ, sắc bén, ôm giữ các thắng tánh trong tâm, tự ngỡ mình là Phật Lô Xá Na, được ít cho là đủ. Đây gọi là dụng tâm quên mất suy xét, đắm vào tri kiến. Biết thì không lỗi, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có ma Dễ Biết Đủ Nên Hèn Kém vào trong lòng dạ, thấy người thì tự nói “Ta đắc Đệ Nhất Nghĩa Đế vô thượng” ; sai mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Lại các thiện nam tử ấy ở trong định, thấy sắc ấm tiêu rồi, thọ ấm tỏ rõ, chỗ chứng mới thì chưa được mà tâm cũ thì đã mất, xem cả hai bên, tự cho là khó hiểu, trong tâm bỗng sanh lo lắng không cùng, như ngồi giường sắt, như uống thuốc độc. Tâm không muốn sống, thường cầu người khác sát hại mạng mình để sớm giải thoát. Đây gọi là tu hành sai mất phương tiện. Biết thì không lỗi, chẳng phải Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có một phần thứ ma Thường Lo Buồn vào trong lòng dạ, tay cầm đao, kiếm tự cắt thịt mình, thích được bỏ mạng, hoặc thường lo buồn, chạy vào rừng núi, không muốn thấy người ; sai mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Lại nữa, các thiện nam tử ấy ở trong định, thấy sắc ấm tiêu rồi, thọ ấm tỏ rõ, ở trong thanh tịnh, tâm an ổn

rồi, bỗng nhiên tự sanh ra mừng vui vô hạn. Trong tâm mừng rỡ không thể tự dừng. Đây gọi là sự khinh an mà không có huệ tự ngăn lại. Biết thì không lỗi, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có một phần thứ ma Thích Vui Mừng vào trong lòng dạ, thấy người thì cười, ở bên đường cái tự ca, tự múa, tự bảo rằng đã đắc vô ngại giải thoát ; sai mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Lại nữa, các thiện nam tử ấy ở trong định, thấy sắc ám tiêu, thọ ám tỏ rõ, tự bảo đã đủ, bỗng nhiên vô cơ sanh đại ngã mạn, như vậy cho đến lòng mạn, quá mạn, và mạn quá mạn, hoặc lòng tăng thượng mạn, hoặc ty liệt mạn đồng thời phát ra. Trong tâm còn khinh cả mười phương Như Lai, huống gì các địa vị dưới như Thanh Văn, Duyên Giác. Đây gọi là thắng giải quá mức, không có huệ để tự cứu. Biết thì không lỗi, chẳng phải Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có một phần ma Đại Ngã Mạn vào trong lòng dạ, chẳng lạy tháp, miếu, phá hủy kinh tượng, bảo với người đàn việt rằng “Đó là vàng, đồng, hoặc gỗ, đất. Kinh là lá cây, hay là giấy lụa. Xác thịt chân thường không tự cung kính, lại sùng bái gỗ, đất, thật là điên đảo”. Những kẻ quá tin theo đó mà đập nát, chôn bỏ trong đất, do gây nghi ngờ lầm lạc cho chúng sanh, đọa vào ngục Vô Gián ; sai mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Lại nữa, những thiện nam tử ấy ở trong định, thấy sắc ám tiêu rồi, thọ ám tỏ rõ, trong chỗ tinh minh, viên ngộ tinh lý, được đại tùy thuận, tâm ấy bỗng sanh vô lượng khinh an, tự nói đã thành Thánh, đắc đại tự tại. Đây gọi là nhân cái huệ mà được các sự nhẹ trong. Biết thì không lỗi, chẳng phải Thánh chứng. Nếu cho là hiểu

biết việc Thánh thì có một phần loại ma Thích Sự Trong Nhẹ vào trong lòng dạ, tự cho là đủ, chẳng thêm cầu tiến. Hạng này phần nhiều làm như Tỳ kheo Vô Văn, gây nghi lầm cho chúng sanh, đọa vào ngục A Tỳ ; sai mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Lại nữa, các thiện nam tử ấy ở trong định, thấy sắc ấm tiêu rồi, thọ ấm tỏ rõ, trong chỗ minh ngộ, được tánh hư minh, trong ấy bỗng xoay hướng về sự vĩnh viễn đoạn diệt, bác bỏ không có nhân quả, một mực nhắm vào Không. Tâm Không hiện tiền đến nỗi tâm sanh chấp chặt là đoạn diệt mãi mãi. Biết thì không lỗi, chẳng phải Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có ma Không vào trong lòng dạ, bèn bài báng sự giữ giới cho là Tiểu thừa, còn Bồ tát ngộ Không có gì mà giữ hay phạm ! Người này thường ở chỗ thí chủ tín tâm, ăn thịt uống rượu, làm nhiều điều dâm uế. Nhờ có sức Ma mà nhiếp phục người ta, khiến chẳng sanh nghi báng. Quý vào tâm lâu ngày : ăn uống cứt đái cũng không khác gì rượu thịt, cứ cho là mọi thứ đều Không. Phá luật nghi của Phật, làm người khác lầm lạc mắc tội ; sai mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Lại nữa, các thiện nam tử ấy ở trong định, thấy sắc ấm tiêu rồi, thọ ấm tỏ rõ, tham nếm cái hư minh, ăn sâu vào tim cốt, trong tâm bỗng có lòng yêu vô hạn sanh ra. Yêu thương quá phát cuồng, bèn làm chuyện tham dục. Đây gọi là cảnh định an thuận vào tâm, không có huệ tự giữ, lầm vào ngũ dục. Biết thì không lỗi, chẳng phải Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có ma Dục vào trong lòng dạ, một bề nói Dục tức đạo Bồ Đề, dạy hàng cư sĩ bình đẳng mà hành dục, những người hành dâm gọi là đệ tử giữ Pháp. Do sức thần quỷ nhiếp phục người phạm phu trong đời mạt pháp nhiều

đến cả một trăm, hai trăm, năm trăm, sáu trăm, nhiều đến ngàn vạn. Khi tâm ma sanh chán, lia khỏi thân thể, oai đức đã không còn thì sa vào lưới pháp luật. Gây nghi lầm cho chúng sanh, vào ngục Vô Gián ; sai mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Anan, mười thứ cảnh hiện của Thiên Na như vậy đều thuộc về Thọ Ấm, do dụng tâm giao xen lẫn nhau mà hiện các việc đó. Chúng sanh mê đại, chẳng biết tự xét, gặp nhân duyên ấy, mê chẳng tự biết cho là lên bậc Thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục Vô Gián. Sau khi Ta diệt độ, các ông hãy đem lời nói này của Như Lai truyền dạy cho đời mạng pháp, khiến khắp chúng sanh đều tỏ ngộ nghĩa đó, không để cho Thiên Ma được dịp quấy phá, giữ gìn che chở cho người tu hành thành đạo vô thượng.

Thông rằng : Sắc ấm chưa tiêu thì tâm bám vào sắc mà thấy các cảnh khác lạ, vậy là ma chưa nhập vào tâm vậy. Đây là sắc ấm diệt mà thọ ấm còn. Thọ ấm là chỉ năm Thức Trước, hư vọng thường thọ nhận, thường thu lãnh, như trong gương sáng hiện ra cảnh tượng. Cái thể hư minh, vốn đó là Tâm Phật, mà vì sao cho là vọng tưởng ? Chỉ vì sanh ra một việc chấp trước muốn chứng đắc mà cho là thật, bèn bị thọ ấm ngăn che, nên chẳng được chánh định. Cho nên thọ ấm chưa phá thì chẳng lia nổi năm căn, ví như tâm gặp khách tà, bị Mộc đè thì tuy có cái hư minh mà chẳng làm gì được. Thọ ấm đã phá trừ thì sự sáng suốt chẳng còn nương theo căn, như đã hết mộc đè thì tâm đi hay ở đều tự do, mà có thể trở lại xem cái mặt mình, hư minh đắc dụng, tức là siêu vượt kiến trước. Cái kiến đại nhận lãnh các cảnh, đan nhau mà thành trước, nay thì hư minh rõ sáng không còn ngăn ngại, ấy là trước hết đã

nhổ bật cái thấy. Gốc rễ của cái thấy đã nhổ bật thì còn có gì làm cho cái thấy bị nhận lãnh để mà thành cái trước ?

Sắc ấm chưa tiêu thì tâm chưa phát sáng. Sắc ấm đã hết thì được sáng suốt lớn, đó là vọng tưởng hư minh. Người chánh ngộ thì xem sự hư minh này cũng chỉ là cảnh. Duy chỉ có hạng nghiên cứu tinh tường tánh Diệu Minh mà bên trong đè nén quá độ, tức là quên mình cùng tột, thấy vật đều là mình nên xem muỗi mòng như con đỏ mà tâm Bi sanh ra.

Hư minh hiện tiền, cảm kích quá độ, nên cho rằng có thể sánh bằng chư Phật mà tâm dưng mãnh sanh ra.

Định mạnh mà huệ yếu thì trong khoảng cái mới (thọ ấm) và cái cũ (sắc ấm) mờ mịt không có chỗ nương, nên thềm nhớ chẳng thôi, tâm treo vào một chỗ mà tự cho là tinh tấn.

Sức huệ vượt quá định bèn tự nghi mình là Phật, dễ sanh đầy đủ yên nghỉ, nên chìm đắm vào tri kiến, tự nói là đã được quang minh chiếu khắp, chỉ có chư Phật mới bằng được mình.

Tiến thối mất chỗ căn cứ, tự sanh hiểm khó, cho rằng ta có nỗi lo lớn vì có cái thân này nên thường cầu người giết mình đi để sớm được giải thoát, chứ không chỉ là thềm nhớ không thôi.

Ở trong thanh tịnh, tâm an ổn rồi, không còn lo lắng khó hiểm, liền sanh ra cái mừng vui vô hạn. Vui mừng được vô ngại giải thoát mà ca múa vô độ. Ấy là do không có huệ để tự cấm.

Mừng hết mức thì tự cho là đủ, liền sanh Đại Ngã Mạn. Mạn có bảy thứ : mạn, quá mạn, mạn quá mạn, tăng

thượng mạn, hạ liệt mạn, ngã mạn và tà mạn. Mạn là chẳng kính. Quá Mạn là cho mình hơn người mà kiêu ngạo. Mạn Quá Mạn đủ cả hai mạn trên : đã không kính trọng lại còn có ý lấn lướt. Tăng Thượng Mạn là cho mình hơn. Hạ Liệt Mạn là khinh thường bậc đáng kính. Ngã Mạn là cho rằng năm uẩn này có ngã. Tà Mạn là khinh thường cái Chánh. Vì ở trong định, duyên theo chánh pháp nên chẳng nói về tà mạn. Tăng Thượng là chưa đắc mà nói là đắc. Ty Liệt là hèn kém mà tự khoe, nên khinh thường bậc đáng kính.

Nếu có sức huệ, viên ngộ tinh lý, sắc ấm tiêu, sự sáng suốt tròn đầy, được đại khinh an. Khinh an ở trong bảy Giác Chi, thể của nó thuộc về định. Định mà gồm cả huệ thì thông suốt chánh đạo. Chỉ vì cho vậy là đủ, không cầu tiến nên ngồi ở trong hang của sự trong sạch nhẹ nhàng mà làm vị Tỳ kheo Vô Văn vậy !

Nếu cái xả niệm thanh tịnh, một mực nhập Không, sanh ra kiến giải đoạn diệt, rồi bác bỏ nhân quả, hủy báng người giữ giới, cho là quả Tiểu thừa, còn ta là Bồ tát ngộ Không thì làm gì có giữ hay phạm ! Do đó, phá hủy luật nghi, tuy người ấy tự cho là siêu thoát, mà không ngờ là bị ma sai sử.

Thọ ấm hư minh mà chẳng tham mùi vị của nó thì ái dục chẳng sanh. Còn như tham đắm hư minh thì yêu thương đến phát cuồng, lâm vào ngũ dục, thì hai cảnh phiền não và dục đều phát khởi.

Ngài Thiên Thai nói : “Dục sắc sanh ra, chế phục có thể ngừng.”

Nay chỗ phát sanh sự mê lầm quá mạnh. Nếu thấy ngoại cảnh, tâm cuồng, mắt mờ như con sư tử ngủ, đụng tới thì gầm thét. Nếu chẳng rõ biết thì có thể dẫn người

đến chỗ phạm các tội rất nặng. Một niệm Ái sanh ra gây độc hại đến vậy. Do nắm giữ cảnh định, nên sự phát ra rất mạnh mẽ, nên cái hại rất là lớn.

Mười thứ cảnh của Thiên Na như vậy đều do được tánh hư minh, dùng cái tâm thiên định cùng với vọng tưởng hư minh giao tranh thua thắng, nên có các sự dính mắc như bi, cuồng, nhớ, khinh, lo buồn, hành dâm... đều rõ ràng là mắc vào Ma.

Kinh Đại Bát Nhã nói : “Ma có thể vào tâm của tất cả chúng sanh, khiến quy y phe đảng của Ma, như keo như sơn. Chặt tay cắt chân không có gì khó vì sức Ma nhiếp giữ nên như vậy.”

Cho đến chỗ an ổn khinh an, cái tâm Không hiện tiền, tự tin là Phật, sao lại sai mất chánh định ? Bởi vì, chánh định thì chưa hề chẳng hư, chưa hề chẳng minh, mà trọn chẳng có cái kiến giải Hư Minh. Kinh Pháp Hoa nói : “Bám sâu pháp hư vọng, giữ chặt chẳng thể bỏ, bèn bài báng các người trì giới.” Thế nên, hễ còn giữ cái Phật Kiến trong tâm thì tức là ma đó vậy.

Ngài Hàng Ma Tạng gặp Ngài Bắc Tông Tú.

Ngài Tú hỏi : “Ông tên là Hàng Ma, ở đây không có quỷ núi, ma cây, ông đổi lại thành Ma chằng ?”

Ngài Tạng : “Có Phật thì có Ma.”

Ngài Tú nói : “Ông nếu là Ma thì hẳn là an trụ cảnh giới bất tư nghì ?”

Ngài Tạng nói : “Chính Phật cũng không, cảnh giới nào có ?”

Lại nữa, Hòa thượng Kỳ Lâm thường quát mắng Văn Thù, Phổ Hiền là yêu mỹ, tay Ngài cầm kiếm gỗ tự nói là

hàng phục ma. Vừa thấy nhà sư lại tham hỏi thì nói : “Ma đến vậy ! Ma đến vậy !”

Rồi lấy kiếm quơ loạn xạ, trở về phương trượng.

Như thế đến mười năm, sau đó cất kiếm đi mà không nói gì nữa.

Có nhà sư hỏi : “Mười hai năm trước, vì sao hàng ma ?”

Đáp rằng : “Giặc cướp không đánh con nhà nghèo !”

Hỏi : “Mười hai năm sau vì sao chẳng hàng ma ?”

Đáp rằng : “Giặc cướp không đánh con nhà nghèo !”

Cho nên, ban đầu thì lấy sự hàng phục để hàng ma, rồi thì lấy sự chẳng hàng phục để hàng ma. Theo như hai cách hàng ma ấy, mới thật là chẳng khởi tâm Thánh giải vậy. Chỉ vì chẳng khởi tâm Thánh giải, nên chẳng phải là ma làm vậy.

Tổ Lâm Tế đến tháp của Sơ Tổ.

Viện chủ hỏi : “Lễ Phật trước hay lễ Tổ trước ?”

Tổ Tế nói : “Phật, Tổ đều chẳng lễ !”

Viện chủ nói : “Phật, Tổ với ông có oan thù gì ?”

Tổ Tế phất tay áo mà đi ra.

Đây chẳng phải là chẳng lễ tháp miếu đấy ư ?

Tổ Đơn Hà ở chùa Huệ Lâm gặp lúc tiết trời rất lạnh, lấy tượng Phật gỗ đốt hơi ấm.

Viện chủ la rằng : “Sao được đốt tượng Phật gỗ của tôi ?”

Tổ Hà lấy gậy bôi tro nói : “Tôi đốt để lấy xá lợi.”

Viện chủ nói : “Phật gỗ sao có xá lợi !”

Tổ Hà nói : “Đã không có xá lợi thì lại lấy hai vị đốt nữa !”

Viện chủ từ đó về sau, râu, mày rụng hết.

Ngài Đầu Tử nêu ra rằng : “Chẳng hiểu thì làm khách, phiền nhọc ông chủ nhân !”

Tụng rằng :

*“Hang xưa râu lấp cửa lạnh tanh
Bay ấy kinh nguy, chạy ấy mê
Đêm khuya lạnh ấm Đình Châu lửa
Chẳng hiểu, ông câu bỗng tự nghi.”*

Đây chẳng phải là phá hủy kinh tượng đấy ư ? Chính vì hai vị viện chủ có Phật-Tổ-ma, có Kinh-Tượng-ma chắn ngang trong lồng ngực, nên hai Tổ Lâm Tế, Đơn Hà dùng thủ đoạn xuất cách để nhổ bật đi, rồi cuộc lại chẳng tỏ ngộ. Cảnh giới của bậc đại nhân, chẳng phải là chỗ biết, chỗ tin của hạng tầm thường vậy.

D. PHẠM VI CỦA TƯỚNG ẤM

Kinh : “Anan, thiện nam tử kia tu Tam Ma Đề, khi thọ ấm hết rồi, tuy chưa hết các lậu, nhưng tâm rời khỏi hình hài như chim ra khỏi lồng. Từ phàm thân này tiến lên, trải qua sáu mươi Thánh Vị Bồ tát, được Ý Sanh Thân, tùy ý đi lại không ngăn ngại, đã có thể thành tựu như vậy. Ví như có người ngủ say nói mơ, người ấy tuy không hay biết gì, nhưng lời nói đã thành âm vận, thứ tự khiến những người không ngủ đều hiểu được lời nói ấy. Đây là phạm vi của Tướng Ấm.

“Nếu động niệm hết, vọng tưởng vật vờ tiêu trừ, thì nơi Tâm Giác Minh như bỏ hết bụi dơ, một dòng sanh tử đầu đuôi soi sáng khắp, gọi là hết tướng ấm. Người ấy mới có thể vượt khỏi phiền não trước, xét lại nguyên do thì gốc rễ là vọng tưởng dung thông.

“Anan, thiện nam tử kia, thọ ẩm đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Đề tâm lại ưa thích sự tròn đầy sáng suốt, thúc đẩy tư tưởng thêm tinh nhạy, tham cầu thiện xảo. Bấy giờ Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, tự nói đã đắc vô thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu thiện xảo kia, trải tòa thuyết pháp. Thân hình người đó giãy lát, hoặc làm Tỳ kheo cho người kia thấy, hoặc làm Đế Thích, hoặc làm phụ nữ, hoặc làm Tỳ kheo ni, hoặc nằm trong nhà tối mà thân có hào quang chói sáng. Người tu hành kia mê đại lầm cho là Bồ tát, tin theo lời dạy, chao đảo cái tâm, phá luật nghi Phật, lén làm việc tham dục. Miệng Ma ưa nói sự rủi may, biến đổi, hoặc nói Như Lai ra đời chỗ này chỗ nọ, hoặc nói về kiếp hỏa, hoặc nói có đao binh làm người ta sợ hãi, khiến cho nhà cửa, sự nghiệp vô cơ hao tán. Đây gọi là Quái Quỷ, lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa thì đệ tử cùng thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Giá.

“Anan, lại nữa, thiện nam tử kia, thọ ẩm đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Đề tâm lại ưa thích đi chơi, cho tư tưởng bay đi, tham cầu trải qua nhiều chốn. Bấy giờ Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người ấy không biết bị Ma gá vào, rồi tự nói đã đắc vô thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử muốn ngao du kia, trải tòa thuyết pháp. Hình người đó không thay đổi, nhưng những người nghe pháp bỗng tự thấy

mình ngồi trên hoa sen báu, toàn thân hóa thành sắc vàng sáng chói. Cả thầy thính chúng, mỗi mỗi đều như vậy, được sự chữa từng có. Người tu hành kia mê dại lắm cho là Bồ tát, tâm trở nên dâm dật, phá luật nghi Phật, lén làm việc tham dục. Miệng Ma ưa nói các Đức Phật ứng hóa ra đời, người ấy, chỗ ấy là Đức Phật ấy. Người kia hóa thân đến đây tức là vị Bồ tát kia, đến giáo hóa nhân gian. Người tu hành thấy thế, tâm sanh ngưỡng mộ, tà kiến âm thầm nổi lên, Chủng Trí tiêu diệt. Đây gọi là Bạt Quỷ lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy rối chán rồi bỏ thân người không gá nữa thì đệ tử cùng thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lộn luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Giá.

“Lại nữa, thiện nam tử kia, thọ ẩm đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Đề tâm lại ưa thâm hợp, lặng đứng cái tư tưởng, tham cầu sự khế hợp. Bấy giờ Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó thật không biết bị ma gá vào, rồi tự nói đã đắc vô thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử muốn cầu khế hợp kia, trải tòa thuyết pháp. Hình người đó và những người nghe pháp bề ngoài không có gì thay đổi, nhưng lại khiến cho các thính giả, trước khi nghe pháp, tâm đã tự khai ngộ, niệm niệm đời đời. Hoặc được túc mạng thông, hoặc được tha tâm thông, hoặc thấy địa ngục, hoặc biết các việc lành dữ trong thế gian, hoặc miệng nói kệ, hoặc tự tụng kinh, mỗi mỗi đều vui vẻ, được sự chữa từng có. Người tu hành mê dại, lắm cho là Bồ tát, tâm sanh ra mê luyến, phá luật nghi Phật, lén làm chuyện tham dục. Miệng Ma thích nói rằng Phật có lớn, nhỏ, Phật X là Phật

trước, Phật Y là Phật sau, trong đó cũng có Phật thật Phật giả, Phật trai, Phật gái. Các Bồ tát cũng thế. Người tu hành thấy vậy, bỏ mất bản tâm, để vào tà ngộ. Đây gọi là My Quỷ lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử cùng thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

“Lại nữa, thiện nam tử kia, thọ âm đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Đề, tâm lại ưa biết cái cội gốc, nơi sự vật biến hóa, muốn xét rõ cùng tột chung thủy. Thúc cái tâm sáng suốt thêm, tham cầu phân biệt, chia chẻ. Bấy giờ Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó thật không biết bị Ma gá vào, rồi tự bảo đã đắc vô thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu biết cái cội gốc kia, trải tòa thuyết pháp. Người đó có uy thần làm cho những người cầu pháp đều kính phục, khiến cho thính chúng dưới pháp tòa tuy chưa nghe pháp, tự nhiên tâm đã phục rồi. Cả bọn họ đều cho rằng Niết Bàn, Bồ Đề, Pháp Thân của Phật chính là cái xác thịt hiện tiền của ta đây ; cha con sanh nhau, đời này sang đời khác, tức là Pháp Thân thường trụ chẳng dứt ; đều chỉ hiện tại tức là cội Phật, không có Tịnh Độ và Tướng Sắc Vàng nào khác. Người tu hành tin nhận, quên mất Tự Tâm, đem thân mạng mà quy y, được sự chữa từng có. Người ấy mê đại, lầm cho là Bồ tát, tu hành theo tâm ấy, phá luật nghi Phật, lên làm chuyện tham dục. Miệng Ma ưa nói rằng mắt, tai, mũi, lưỡi đều là Tịnh Độ ; hai căn nam, nữ là chỗ đích thực của Bồ Đề, Niết Bàn ! Hạng không biết kia đều tin lời dơ uest đó. Đây gọi là Cổ Độc Quỷ và Áp Thắng Quỷ, lâu năm thành Ma, khuấy

rối người tu hành. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa thì đệ tử cùng thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

“Lại nữa, thiện nam tử kia, thọ ách đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Đề lại ưa biết các việc trước sau, cứu xét cùng khắp, tham cầu được thâm cảm. Bấy giờ, Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, rồi cũng tự bảo đã đắc vô thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu cảm ứng kia, trải tòa thuyết pháp. Có thể khiến cho thánh chúng tạm thấy cái thân như đã trăm ngàn tuổi, tâm sanh ái nhiễm, không thể rời bỏ ; đem thân làm nô bộc, cúng dường tứ sự chẳng biết mệt mỏi. Lại khiến cho mỗi ai nghe pháp dưới tòa tâm biết đó là vị tiên sư, là vị thiện tri thức của mình, riêng sanh lòng yêu pháp, khẩn khít như keo sơn, được sự chưa từng có. Người tu hành mê đại, lầm cho là Bồ tát, gần gũi tâm Ma, phá luật nghi Phật, lén làm chuyện tham dục. Miệng Ma ưa nói ta ở kiếp trước, trong đời X độ người Y, lúc đó là thê thiếp, anh em của ta, nên nay lại đến độ cho nhau, ta sẽ cùng các người theo nhau về thế giới X cúng dường Đức Phật Y. Hoặ nói có cõi trời Đại Quang Minh riêng biệt, Phật trụ nơi ấy, là chỗ nghỉ ngơi của tất cả chư Phật. Hạng không biết kia tin những lời lừa gạt đó, bỏ mất tự tâm. Đây gọi là giống Lệ Quỷ, lâu năm thành Ma, khuấy phá người tu. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa thì đệ tử cùng thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

“Lại nữa, thiện nam tử kia, thọ ẩm đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Đề tâm lại ưa đi sâu vào, cần khổ ép mình, thích chỗ vắng vẻ, tham cầu sự yên lặng. Bấy giờ, Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, rồi tự bảo đã đắc vô thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu thăm lặng kia, trải tòa thuyết pháp, khiến cho thính chúng mỗi người đều biết nghiệp cũ của mình. Hoặc ở nơi đó, bảo với một người : “Người nay chưa chết đã làm súc sanh”, rồi bảo một người khác đập cái đuôi đằng sau, thì khiến người đó đứng dậy không được. Cả thấy chúng ấy đều hết lòng khâm phục. Có người móng tâm thì liền biết ý. Ngoài luật nghi của Phật ra, nó lại còn gia thêm khắc khổ, chê bai Tỳ kheo, mắng nhiếc đồ chúng, phơi lộ việc người ta chẳng tránh sự cơ hiểm. Miệng Ma ưa nói những việc họa phúc chưa đến và khi đến thì không sai mảy may. Đây gọi là Đại Lực Quỷ, lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử cùng thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gian.

“Lại nữa, thiện nam tử kia, thọ ẩm đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Đề tâm lại ưa thấy biết, cần khổ xét tìm, tham cầu biết túc mạng. Bấy giờ, Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, rồi tự bảo đã đắc vô thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu hiểu biết kia, trải tòa thuyết pháp. Người tu hành bỗng nhiên ở chỗ thuyết pháp được hạt châu báu lớn. Hoặc có khi Ma hóa làm súc

sanh, miệng ngậm hạt châu cùng những vật kỳ lạ như đồ trân bảo, giản sách, phù độc, đến trao trước cho người tu hành, rồi sau đeo vào mình. Hoặc có khi Ma bảo người nghe pháp có hạt châu minh nguyệt chôn dưới đất chói sáng chỗ đó, làm cho các thánh giả được sự chữa từng có. Ma thường ăn cây thuốc chứ không ăn cơm. Hoặc có khi mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, hoặc hạt mạch, do sức Ma giữ gìn, thân hình vẫn béo tốt. Ma lại chê bai Tỳ kheo, nhiếc mắng đồ chúng, chẳng tránh sự cơ hiềm. Miệng Ma ưa nói kho báu ở phương khác và chỗ ẩn cư của Thánh Hiền thập phương. Những người đi theo sau Ma thường thấy có những người kỳ lạ. Đây gọi là giống Quỷ Thần Rừng Núi, Thổ Địa, Thành Hoàng, Sông Núi lâu năm thành Ma. Hoặc có khi kêu gọi làm điều dâm dục, phá giới luật Phật, cùng với kẻ thừa sự lên làm việc ngũ dục. Hoặc có khi tinh tấn, ăn toàn cỏ cây. Việc làm không nhất định, cốt để khuấy phá người tu hành. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa thì đệ tử và thầy phần nhiều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

“Lại nữa, thiện nam tử kia, thọ ẩm đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Đề tâm lại ưa các thứ thần thông biến hóa, nghiên cứu nguồn gốc biến hóa, tham cầu có thần lực. Bấy giờ, Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, rồi tự bảo đã đắc vô thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu thần thông kia, trải tòa thuyết pháp. Người đó hoặc tay cầm ngọn lửa, nắm chia ngọn lửa trên đầu bốn chúng nghe pháp, ngọn lửa trên đỉnh đầu những

người nghe pháp đều dài vài thước mà không nóng, cũng không đốt cháy. Hoặc đi trên nước như đi trên đất bằng, hoặc giữa hư không ngồi yên không động, hoặc vào trong bình, hoặc ở trong đãy, hoặc vượt cửa sổ, hoặc xuyên qua tường không chút ngăn ngại. Chỉ đối với đao binh thì không được tự tại. Người đó tự bảo là Phật, thân mặc bạch y, chịu Tỳ kheo lễ bái, chệ bai luật Thiên, mắng nhiếc đồ chúng, phơi lộ việc người không tránh sự cơ hiểm. Trong miệng thường nói thần thông tự tại, hoặc cho người thấy cõi Phật cạnh bên. Đó là do sức quỷ mê hoặc, không có gì chân thật. Người đó khen ngợi việc hành dâm, không từ bỏ những việc làm thô tục, đem những việc bậy bạ với nhau cho là truyền pháp. Đây gọi là những giống Sơn Tinh, Hải Tinh, Phong Tinh, Hà Tinh, Thổ Tinh và những loài Tinh My của tất cả cỏ cây đã sống nhiều kiếp có sức lớn trong trời đất. Hoặc là Long My, hoặc là tiêu hết kiếp sống lại làm My. Hoặc tiêu đến hồi hết quả báo, kể năm thì phải chết, nhưng hình hài không tiêu mất, nên loài quái khác bám vào. Bọn ấy lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử và thầy phần nhiều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

“Lại nữa, thiện nam tử kia, thọ ấm đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Đề tâm lại ưa các vào chỗ diệt hết, nghiên cứu tánh biến hóa, tham cầu cái rộng không sâu nhiệm. Bấy giờ, Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, rồi tự bảo đã đắc vô thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu rộng không kia, trải tòa thuyết pháp.

Ở trong đại chúng, hình người ấy bỗng hóa thành không, cả chúng không thấy gì, rồi lại từ hư không bỗng hiện ra, khi còn khi mất rất tự tại. Hoặc hiện cái thân rỗng suốt như ngọc lưu ly. Hoặc duỗi tay chân xuống phát mùi hương chiên đàn. Hoặc đại, tiểu tiện như đường phèn cứng ngắt. Người đó chê phá giới luật, khinh rẻ bậc xuất gia, trong miệng thường nói không nhân không quả, một lần chết là xong hết vịnh biển, không còn có thân sau. Lại nói phàm, Thánh tuy đặc không tịch, vẫn lén làm chuyện tham dục, thọ dục ấy mà vẫn đặc tâm không, bác không nhân quả. Đây gọi là những giống Tinh Khí của Nhật, Nguyệt giao che ; vàng, ngọc, chi thảo, lân, phụng, quy, hạc trải ngàn vạn năm không chết trở thành tinh linh, sanh ra trong cõi nước, lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử và thầy phần nhiều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gian.

“Lại nữa, thiện nam tử kia, thọ ám đã hư diệu, không còn mắc các tà lự, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Đề tâm lại ưa sống lâu, cần khổ nghiên cứu tinh vi, tham cầu sống mãi, bỏ cái sống phần đoạn mà trông mong cái tướng vi tế của biến dịch được thường trụ. Bấy giờ, Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, rồi tự bảo đã đắc vô thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu sống lâu kia, trải tòa thuyết pháp. Người đó ưa nói đi qua phương khác rồi trở về không trở ngại, hoặc trải qua muôn dặm, giầy lát trở lại mà đều lấy được đồ vật ở phương kia. Hoặc ở một chỗ hay trong nhà, cách chỉ vài bước bảo người ta đi từ vách phía đông qua vách

phía tây, nhưng người ta đi mau cả năm không đến. Nhân đó người tu hành tin tưởng, cho là Phật hiện tiền. Miệng Ma thường nói mười phương chúng sanh đều là con ta, ta sanh chư Phật, ta sanh thế giới. Ta là Phật nguyên thủy, tự nhiên ra đời, chẳng nhờ tu mà đắc. Đây gọi là Thiên Ma trụ thế tự tại, nó khiến bọn quyến thuộc chưa phát tâm như bọn Giá Văn Trà hay Đồng tử Tỳ Xá cỡi Tứ Thiên Vương thích cái hư minh đến ăn tinh khí người tu hành. Hoặc không nhân ông thầy, người tu hành chính tự mình xem thấy bọn đó đến xưng là thần Chấp Kim Cang ban cho trường thọ. Bọn đó hiện thân gái đẹp, thịnh hành việc dâm dục, làm cho chưa đến một năm, gan óc người tu khô kiệt, miệng lẩm bẩm một mình nghe như yêu mỹ. Người ngoài chưa rõ biết, nên phần nhiều mắc phải lưới pháp luật, và chưa kịp xử hình đã chết khô trước. Thế là bọn Ma khuấy phá người tu hành đến phải óm chết. Ông nên tỏ biết trước thì chẳng lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

“Anan, phải biết rằng mười thứ Ma đó, trong thời mạt pháp, hoặc xuất gia tu hành trong giáo pháp của Ta, hoặc gá thân người, hoặc tự hiện hình, đều nói là đã thành Chánh Biến Tri Giác, khen ngợi dâm dục, phá luật nghi Phật. Trước là thầy Ác Ma cùng đệ tử Ma dâm dục truyền nhau, tà ma như vậy mê hoặc lòng dạ, ít thì chín đời, nhiều thì trăm đời, khiến cho người tu hành chân chánh đều làm quyến thuộc của Ma. Sau khi chết đi hẳn làm dân Ma, bỏ mất Chánh Biến Tri, đọa ngục Vô Gián.

“Các ông nay chưa nên vội nhận lấy Niết Bàn tịch diệt trước. Dầu đắc quả Vô Học, cũng phát nguyện vào trong đời mạt pháp kia, khởi tâm đại từ bi mà cứu độ

cho chúng sanh tâm địa ngay chánh, lòng tin tha thiết, khiến họ không mắc vào tà ma, được tri kiến chân chánh. Nay Ta đã độ các ông ra khỏi sống chết ; các ông tuân theo lời Phật, đó gọi là báo Phật ân.

“Anan, mười thứ cảnh hiện của Thiên Na như vậy đều thuộc về Tướng Ấm, do dụng tâm giao xen lẫn nhau mà hiện các việc đó. Chúng sanh mê đại, chẳng biết tự xét, gặp nhân duyên ấy, mê chẳng tự biết, cho là lên bậc Thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục Vô Gián. Sau khi Ta diệt độ, các ông hãy đem lời nói này của Như Lai truyền dạy cho đời Mạt Pháp, khiến khắp chúng sanh đều tỏ ngộ nghĩa đó, không để cho Thiên Ma được dịp khuấy phá ; giữ gìn che chở cho người tu hành thành Đạo Vô Thượng.

Thông rằng : Thọ ấm đã hết, tướng ấm chưa trừ, làm sao được thành tựu sáu mươi địa vị Thánh ? Ấy là đã nhổ bật năm căn, tâm đã rời khỏi hình hài. Từ phàm thân đó, tiến lên trải nghiệm Bồ Đề : ban đầu dùng ba thứ tăng tiến, kế là dùng năm mươi lăm địa vị chân chánh của Bồ Đề, kết cuộc là, dùng hai cái Đẳng Giác và Diệu Giác, cộng thành sáu mươi Thánh vị. Gọi là Thánh là để phân biệt với phàm vậy.

Chưa thoát khỏi căn trần thì bị căn trần ngăn ngại, như chim ở trong lồng. Căn trần đã tiêu tan, thì sự sáng suốt theo căn mà phát ra, như chim ra khỏi lồng, được Ý Sanh Thân. Từ Sơ Địa đến Thập Địa, có ba thứ Ý Sanh Thân. Một là, *Nhập Tam Muội Lạc Ý Sanh Thân*, tức là tâm vắng lặng không động, tương tự với Sơ Tín đến Thất Tín, vào Không Vị. Hai là, *Giác Pháp Tự Tánh Ý Sanh Thân*, khắp vào Phật Sát, lấy Pháp làm Tự Tánh, tương tự Bát Tín, ra khỏi

Giả Vị. Ba là, *Câu Sanh Vô Tác Ý Sanh Thân*, rõ chỗ chứng pháp của Phật, tức là Cửu Tín, Thập Tín, tu hành Trung Vị vậy. Ý Sanh Thân ở đây là bắt đầu của *Nhập Tam Muội Lạc Ý Sanh Thân*. Nhưng tướng ấm chưa phá, tức là như cái thấy trong nhà tối nói trước kia, như người ngủ nói mơ, lời nói đã thành âm vận thứ lớp, đó là do vậy mà tiến lên trải nghiệm sáu mươi Thánh vị, quyết định thành tựu, khiến cho những người hết tướng ấm không còn ngủ say đều hiểu lời nói mơ ấy. Đây gọi là phạm vi của Tướng Ấm.

Nếu cái vọng tướng vật vờ tiêu trừ, thì như mộng đã tỉnh thức, không còn bị cái tướng ngăn che, trong bản thể Giác Minh tuyệt không mảy bụi, một dòng sanh tử đầu đuôi vẹn toàn, sáng tỏ. Sanh tử với Niết Bàn không khác tướng, nên gọi là một dòng sanh tử. Sanh ấy là đầu, diệt ấy là đuôi. Chẳng thấy tướng sanh, chẳng thấy tướng diệt, nên nói là “Đầu đuôi soi sáng khắp”. Như cái gương sáng hết bụi, ánh sáng rực rỡ không còn nhiều loạn, gọi là tướng ấm hết.

Tất cả phiền não, do tướng niệm mà có. Thế nên, niệm hết tướng tiêu, tâm sanh diệt liền diệt, phiền não từ đâu mà khởi, nên có thể vượt khỏi phiền não trước. Nguyên do sanh khởi của tướng là vọng tướng dung thông làm gốc. Tướng hay hòa hợp, biến đổi, khiến tâm theo cảnh, cảnh theo tâm. Bằng cái động niệm hết, tâm cảnh liền đồng đều tiêu mất, nên có thể phá trừ cái vọng tướng dung thông vậy.

Tham luyến cái thể hư minh thì Ma vào trong tâm. Nay chẳng đắm luyến hư minh, tựa hồ có cái nhiệm mầu của sự dung thông, nên nói “Thọ ấm hư diệu”, không còn mắc các tà lự. Nhưng trong Tam Ma Đề, cái ý dung thông chưa tiêu mất thì Ma bèn nương cái dung thông đó mà mê hoặc. Bởi thế, tâm mà ưa sự tròn đầy sáng suốt, tham cầu

thiện xảo thì giống quái quỷ có tập quán tham lam, lâu năm thành Ma gá vào, nói và biến hóa các pháp thiện xảo để mê hoặc.

Tâm ưa ngao du phóng dăng, tham cầu dạo chơi thì giống Bạt Quỷ có tập quán dâm dục, lâu năm thành Ma gá vào, nói và biến hóa những pháp tà kiến để mê hoặc.

Tâm ưa thâm hợp, tham cầu được khế hợp thì giống Mỵ Quỷ có tập quán oán thù oán và giống Áp Thắng Quỷ có tập quán dối trá lâu năm thành Ma gá vào, nói và khai mở các pháp tha tâm và túc mạng thông để mê hoặc.

Tâm ưa biết cội gốc, tham cầu phân biệt chia chẻ thì giống Cổ Độc Quỷ có tập quán lừa dối lâu năm thành Ma gá vào, nói rằng hiện tiền là Phật để mê hoặc.

Tâm ưa sự cảm ứng huyền nhiệm, tham cầu sự cảm ứng linh nhiệm thì giống Lệ Quỷ có tập quán giận dữ, lâu năm thành Ma gá vào, nói các pháp linh ứng huyền nhiệm độ thoát để mê hoặc.

Tâm ưa sự thâm nhập, thích ở chỗ vắng vẻ thì giống Đại Lực Quỷ có tập quán kiêu mạn lâu năm thành Ma gá vào, nói các pháp nhân quả vị lai để mê hoặc.

Tâm ưa tri kiến, tham cầu túc mạng thì giống quỷ núi rừng, thổ địa, thành hoàng, sông núi có thói quen dòm ngó lâu năm thành Ma, nói các pháp châu báu kỳ dị để mê hoặc.

Tâm ưa thần thông, nghiên cứu nguồn gốc biến hóa thì giống Quỷ nương theo người có thói quen tranh tụng, tất cả loài tinh mỵ của núi sông, cây cỏ đã sống nhiều kiếp và loài tiên đến số chết bị loài quái bám vào, những loài ấy lâu năm thành Ma gá vào, nói các pháp thần thông nắm ánh sáng, đi trên nước, đi qua vách, vào trong hũ... để mê hoặc.

Tâm ưa nhập diệt, tham cầu cái rộng không sâu nhiệm thì giống hươu trưng có tập quán cong vạy, giống tinh khí của nhật, nguyệt, giống vàng ngọc, chi thảo, giống lân, phụng, quy, hạc không chết thành linh, lâu năm thành Ma, gá vào nói các thứ thuyết không nhân quả, ra vào hư không... để mê hoặc.

Tâm ưa sự sống lâu, tham cầu sống mãi, muốn bỏ cái thân phần đoạn để cầu cái tướng biến dịch vi tế cho là thường trụ, bền đoạn trừ kiến hoặc và tư hoặc mà sanh sang cõi Pháp Tánh Thổ. Ma của thế gian không thể mê hoặc được, nên Thiên Ma Trụ Thế Tự Tại ở cõi Trời thứ sáu của Dục Giới sai các quyến thuộc Tỳ Xá, Giá Văn Trà đến khuấy phá người tu. Trong đám Tỳ Xá Giá, nếu đã phát tâm thì hộ trì chánh pháp, còn chưa phát tâm thì ăn tinh khí của người cho đến hiện thân làm gái đẹp khiến cho não, tủy của người khô kiệt, cũng thật ghê gớm vậy. Ấy là Đạo càng cao thì Ma càng thịnh, cho nên sự đề phòng không thể không nghiêm mật.

Phàm thiện xảo viên minh, du lịch cõi Phật, miên mật khế chứng, biện rõ cội nguồn, cảm ứng u huyền, thâm nhập tịch tĩnh, biết suốt túc mạng, thần thông vô ngại, vào diệt tận định, vĩnh kiếp chẳng hoại, đều là việc trong phận sự của người chân tu. Ở những điều đó mà cứu xét tình tường cũng chẳng có gì là lỗi lầm, nhưng chỉ vì bắt đầu thì ưa, kể đó lại tham cầu, nên tâm có chỗ vướng mắc, có vướng mắc tức là dục. Bởi thế, Ma nhân cái ưa này thỏa mãn cái tham cầu này mà dẫn dắt bằng sự dâm dục, cho đến nổi phá luật nghi chẳng hề lưu ý. Ma cũng để tâm nghiên cứu Niết Bàn, mà chỉ vì không thể đoạn dâm, nên lạc vào tà định của quỷ thần mà lấy việc phá hại người tu hành chánh đạo làm việc của mình. Hại người tu chánh đạo để họ về phe đảng của

Ma, chẳng muốn chánh đạo thành tựu vì chánh đạo mà thành tựu thì ý và tướng đều diệt, cung điện của loài Ma kia bị đổ vỡ hết, há chẳng trăm mưu ngàn kế để phá ư ?

Ngài Anan sau khi chọn lựa pháp viên thông nguyện độ hết thấy chúng sanh đời mạt pháp, Ngài suy nghĩ sâu xa rằng đời mạt pháp hạng tà sư nói pháp nhiều như cát sông Hằng, nên thừa hỏi cách an lập đạo tràng, lia các Ma sự, trong Bồ Đề Tâm được không lui sụt, khuất phục. Đến đây Đức Thế Tôn chỉ rõ về tất cả các Ma sự, khiến cho những ai đã phát nguyện cứu độ chúng sanh đời mạt pháp khởi tâm đại tử bi khiến cho chúng sanh chẳng bị mắc vào tà ma, đắc Chánh Tri Kiến. Định ninh dặn kỹ về giới dâm, vì sợ rằng cơ dâm khó đoạn trừ vậy. Như Cô Ma Đẳng Già sức yếu mà dùng loại thần chú Phạm Thiên cũng chưa có gì là độc đáo mà còn suýt phá luật nghi Phật, suýt hủy một giới, huống gì loại Ma cho tinh thần gá vào người, hiện ra đủ thứ thần biến thì há chẳng dễ bị mê hoặc ư ?

Đại khái, Ma chỉ có ngũ thông mà thôi, mê hoặc bằng ngũ thông, mà cốt yếu là khen ngợi dâm dục, tài nghệ chỉ có vậy. Nếu phá tướng ấm, chúng lậu tận thông, trong không có gì ứng theo, thì ngoài có thể làm gì được ? Như thế, Ma còn không thể nhìn thẳng mặt há dám khuấy rối ư ?

Thiền sư Thiên Y Hoài khai thị đại chúng rằng : “Hai ngàn năm trước, Đức Đại Giác Thế Tôn muốn đem các Thánh Chúng lên cõi Trời Thứ Sáu để nói kinh Đại Tập, ra lệnh cho tất cả quỷ thần hung ác ở phương kia hay cõi này, dù nơi nhân gian hay trên trời đều đến tụ hội để nhận sự phước của Phật mà ủng hộ chánh pháp. Nếu có ai không đến thì bốn vị Thiên Vương cỡi bánh xe sắt lửa bay đi tìm bắt đến nhóm hội. Khi đã tụ hội rồi, không có ai không theo

lệnh của Phật, mỗi vị đều phát nguyện rộng lớn ủng hộ chánh pháp.

“Chỉ có một vị Ma Vương nói với Thế Tôn : Ngài Cù Đàm ! Tôi đợi tất cả chúng sanh thành Phật hết rồi, cõi giới chúng sanh không còn, không còn cả cái danh từ chúng sanh, tôi mới phát Bồ Đề Tâm.

“Lâm nguy chẳng đổi, chánh thật đại trượng phu !

“Này các nhân giả ! Làm sao nói được một chuyện ngữ cho ông lão Cù Đàm mặt vàng hỏ hơi ? Cái thần thông diệu dụng, trí huệ biện tài hàng ngày đến chỗ này đều xài chẳng được ! Người khắp cõi Diêm Phù đại địa chẳng có ai không thích Phật. Đến trong ấy, cái gì là Phật ? Cái gì là Ma ? Liệu có ai biện ra được không ?”

Giây lâu, Ngài nói : “Muốn rõ Ma ư ? Mở mắt thấy sáng. Muốn rõ Phật ư ? Nhắm mắt thấy tối. Ma với lại Phật, lấy cây trụ trượng xuyên suốt lỗ mũi cùng một lúc !”

Ngài Diệu Hỷ thay thế nói một chuyện ngữ : “Xém nữa gọi lầm ông là Ma Vương !”

Câu này có hai cửa phụ, có người nào chỉ điểm ra được, hứa cho là đủ con mắt của ông tăng tu Thiền !

Hòa thượng Bí Ma Nham ở Ngũ Đài Sơn thường cầm một cây gậy chẳng hai, khi thấy vị tăng nào đến lễ bái liền lấy chẳng hai kẹp cổ mà nói : “Con ma quỷ nào dạy ông xuất gia ? Con ma quỷ nào dạy ông hành cước ? Nói được thì xỉa chết tươi, nói không được cũng xỉa chết tươi. Nói mau, nói mau !”

Đám học trò ít ai đối đáp được.

Ngài Pháp Nhân thay thế nói rằng : “Xin tha mạng !”

Ngài Pháp Đăng thay thế nói : “Chỉ cần đưa cổ ra dạy cho !”

Ngài Huyền Giác thay thế nói : “Này ông già, ném cây chằng hai đi được rồi đấy !”

Hòa thượng Hoắc Sơn Thông đến thăm Hòa thượng Bí Ma Nham, vừa thấy chằng lẽ bái, liền ném tuốt cây chằng hai vào trong bọc.

Ngài Nham vỗ lưng Ngài Thông ba cái.

Ngài Thông đứng lên, vỗ tay, nói : “Sư huynh ngoài ba ngàn dặm gạt tôi, nhé ! Ngoài ba ngàn dặm gạt tôi, nhé !”

Rồi bỏ ra về.

Ở đây, các vị Tôn túc hiển lộng thần thông, ngay đó mà khiến Ma nhìn không ra.

Một hôm, Tổ Quy Sơn hỏi Ngài Ngưỡng Sơn : “Kinh Niết Bàn bốn mươi quyển, nhiều ít là Phật nói, nhiều ít là Ma nói.”

Ngài Ngưỡng : “Đều là Ma nói.”

Tổ Quy nói : “Về sau không có người nào chịu ông cho nổi.”

Ngài Ngưỡng : “Huệ Tịch tức là chuyện một lần, đi đứng tại chỗ nào ?”

Tổ Quy nói : “Chỉ quý trọng con mắt ngay chánh của ông, chẳng nói sự đi đứng của ông !”

Cho nên nếu có thể có đủ con mắt pháp phân biệt thì không lo gì việc Ma vậy.



QUYỂN X

E. PHẠM VI CỦA HÀNH ẤM

Kinh : “Anan, thiện nam tử kia, tu Tam Ma Đề, khi Tướng Ấm hết rồi thì những mộng tưởng bình thường của người ấy tiêu diệt. Thức, ngủ là một, tánh Giác Minh rỗng lặng như hư không trong trẻo, không còn những sự tưởng tiền trần thô trọng. Xem những núi sông, đất liền của thế gian như gương soi sáng, đến không chỗ dính, đi không dấu vết, rỗng thỏ chiếu ứng, rõ ràng không còn các tập khí, chỉ thuần một tính Tinh Chân.

“Căn nguyên của sanh diệt từ đó phơi lộ ra, thấy được mười hai loài chúng sanh mười phương, rõ hết các loài. Tuy chưa thông suốt manh mối của mỗi chúng sanh nhưng đã thấy cái cơ sở sanh diệt chung, giống như bóng đã mờ, vùn vụt lảng xãng sơ tượng hiện ra, làm cái then chốt phát sanh của phù căn trần. Đây gọi là phạm vi của Hành Ấm.

“Nếu cái nguồn gốc của những chớp nhoáng lảng xãng đó nhập vào tánh lặng trong bản lai, những tập khí nguồn gốc lảng trong thành một phiến, như sóng mồi diệt hóa thành nước đứng, thì gọi là hành ấm hết. Người đó liền vượt khỏi Chúng Sanh Trước. Xét lại nguyên do, cội gốc là vọng tưởng u ẩn.

“Anan, ông nên biết rằng các thiện nam tử được sự Chánh Tri trong Tam Ma Đề thì Chánh Tâm đứng lặng sáng suốt, mười loài Thiên Ma không còn được dịp khuấy phá, mới được cứu xét cùng tột cái cội gốc sanh loại. Nơi cái cội gốc sanh loại, nguồn gốc sự sống bày lộ ra. Xét

cái cội nguồn máy động lãg xãng tròn khắp giãn phác u ản kia ở trong Tánh vốn toàn vẹn lại mống tâm so đo suy diễn, thì người đó rơi lọt vào hai thứ luận Vô Nhân.

“Một là, người đó thấy cái gốc vốn không có nhân. Vì sao thế ? Người đó đã phá lộ hoàn toàn được cơ quan của sự sanh diệt, nương theo tám trăm công đức của nhĩn căn, thấy được trong tám muôn kiếp tất cả chúng sanh đều theo dòng nghiệp lực mà xoay vần, chết đây sanh kia. Chỉ thấy chúng sanh luân hồi trong đó, ngoài tám muôn kiếp thì mờ mịt không thấy gì, bèn khởi tâm suy diễn rằng những loài chúng sanh mười phương trong thế gian này trước tám vạn kiếp không có nhân, mà tự có. Do sự so đo suy diễn này, bỏ mất Chánh Biến Tri, rơi lạc vào ngoại đạo, mê lầm Tánh Bồ Đề.

“Hai là, người đó thấy cái ngọn không có nhân. Vì sao thế ? Người đó nơi sự sanh diệt đã thấy cội gốc, biết rằng người sanh người, rõ chim sanh chim, quạ xưa nay đen, hộc xưa nay trắng, người, trời thì thân đứng, súc sanh thì thân ngang, màu trắng không phải do tẩy mà thành, màu đen chẳng phải do nhuộm mà ra. Suốt tám muôn kiếp không hề dời đổi, sống hết đời này cũng lại vẫn vậy, mà mình xưa nay chẳng thấy Bồ Đề, làm sao có chuyện thành tựu Bồ Đề, rồi cho rằng tất cả sự vật ngày nay đều vốn không có nhân.

“Do so đo suy diễn như vậy, bỏ mất Chánh Biến Tri, rơi lạc vào ngoại đạo, mê lầm Tánh Bồ Đề.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Nhất, lập ra luận Vô Nhân.

Thông rằng : Tướng ấm chưa hết thì khi thức bám lấy hình tướng, khi ngủ thành ra mộng my, bởi thế đuổi theo bóng dáng tiền trần thô trọng. Tướng ấm đã hết, bên trong

giữ lấy sự yên tĩnh, vắng vẻ, thức ngủ là một, sự giác minh rỗng lặng như gương soi sáng, tuy không có dấu vết tới lui, vẫn còn có bóng dáng quang minh, vẫn còn là việc bên phía pháp trần. Trước đây, tiền trần ám che quấy nhiễu, chỉ tùy sanh diệt mà trôi lăn, chẳng thấy cái gốc nguồn, nay đã rỗng thọt chiếu ứng, chỉ thuần một tính Tinh Chân, sanh diệt đã dừng, do đó mà cái căn nguyên hiển lộ, thấy được cái cơ sở sanh diệt chung, miên miên mật mật, đổi dời vi tế, ấy là sóng lăn tăn mà không gió. Dã mã là bụi lăng xăng, vùn vụt là chớp nhoáng vậy. Hành ấm vi tế giống như bụi lăng xăng khi mặt trời chiếu qua khe cửa. Vùn vụt chớp nhoáng thì rõ là không có tướng trụ, chợt sanh chợt diệt, không còn ảnh tướng nặng nề nên gọi là lăng xăng sơ tượng (thanh nhiễu). Bốn đại, cái lăng xăng sơ tượng là căn nguyên của phù căn tứ trần, thể của nó vốn không, là cái then chốt phát sanh, thật là ở chỗ này. Dính che tánh lặng trong mà phát khởi, thì có sáu căn. Từ người, trời cho đến trùng, kiến, không loài nào không có bốn đại, sáu căn, nên cái lăng xăng sơ tượng của bốn đại là cơ sở sanh diệt chung của mười hai loài chúng sanh. Đây gọi là phạm vi của Hành Ấm.

Nếu thông đạt được biệt tướng thì có thể thấy mối manh của chúng sanh, huệ phước chẳng đồng đều vì do nhiều đời tích tập chủng tử mà phát hiện ra. Đó thuộc về phía thức ám, cho nên mới đến hành ấm thì không suy lường được. Nhưng cái tánh lăng xăng ban sơ này của hành ấm vốn tự không có lăng xăng, nên nói là nguyên tánh. Cái chỗ không thể không bị nhiễu loạn ấy là do tập khí nhiều đời vậy, nên gọi là tập khí nguồn gốc. Tập khí không thể làm lặng đứng tập khí, chỉ có tánh về nguồn thì có thể lắng trong, dùng cái tánh lắng trong mà lắng đứng tập khí nguồn gốc thì sự trôi lăn dứt hết, như không có gió thì sóng

lăn tăn diệt, liền hóa thành nước đứng vậy. Nước đứng yên cho đến chỗ lắng trong chẳng chao động thì gọi là hành ấm hết, người ấy liền siêu việt Chúng Sanh Trước.

Chúng sanh trước nghĩa là sanh diệt chẳng dừng, dòng nghiệp thường trôi dời. Nay cái chẳng dừng đã dừng, chỗ thường trôi dời ấy chẳng trôi dời nữa, hầu như vào Diệt Tận Định, nên là siêu việt. Nhưng hành ấm âm thầm dời đổi, chưa từng là Giác Ngộ, lấy cái vọng tướng u ẩn làm gốc. Ở chỗ u nhàn ẩn mật mà phá trừ được, chẳng phải là người triệt ngộ thì không thể làm nổi. Người đó thức ngủ là một, đó là được Chánh Tri, cũng như ở trước, “Động tĩnh chẳng dời, nhớ quên như một, trụ ngay chỗ ấy mà vào Tam Ma Đề”, cùng một đường mạch. Dùng đó làm tầng bậc phát ngộ thì nên, còn nắm giữ mà cho là thật chứng thì không nên.

Bởi thế, tướng ấm hết thì chánh tâm lặng sáng, các tà lự tự chúng không từ đâu mà sanh, ắt mười loại Thiên Ma cũng không có cơ duyên gì để vào. Thiên Ma chưa từng rời tà tướng mà hiện được thần biến, nay tướng ấm hết sạch, xem xét thấy cái cội nguồn lay động u ẩn giản phác là đã vào cõi trời Vô Tướng vậy. Thiên Ma của sáu cõi trời Dục Giới chẳng thể trộm thấy được.

U ẩn giản phác là vốn không có chỗ động. *Lăng xăng tròn khắp* là động mà chưa từng động vậy, nên gọi là cội nguồn máy động. Cái cội nguồn máy động tuy là tròn khắp mà chẳng lìa sanh diệt, nên ở đây mà sanh so đo suy diễn thì đều là ở trong sanh diệt mà suy diễn ra sự Vô Nhân vậy.

Một là, thấy cái gốc vốn không có nhân, chẳng ngộ được nghiệp duyên thiện ác là duy thức tạo ra. Chỉ bằng vào cái sanh tướng tạm thời không có mà cái hành ấm trôi

chảy chẳng ngừng, ở trong Định này phát ra tức mạng thông, thấy trong tám vạn kiếp chúng sanh luân hồi như chiếc vòng không có đầu mối, bèn cho chúng sanh là không có nhân, tự nhiên mà có. Ngoài tám vạn kiếp mờ mịt không thấy gì, nên chẳng biết Bồ Đề là chánh nhân vậy.

Hai là, thấy cái ngọn không có nhân, chẳng ngộ được nghiệp quả thiện ác là do tâm chiêu cảm. Chỉ cậy vào sức thần thông có thể thấy sau tám vạn kiếp, mà cái tướng chưa đời đời của nghiệp quả lâu dài, bèn cho rằng người, vật, đen, trắng, dọc, ngang xưa nay như vậy, chẳng phải do tu mà được, nên không biết Bồ Đề là cực quả.

Mê lầm tánh Bồ Đề thì chẳng gọi là Chánh Tri. Chỉ biết trước sau tám vạn kiếp thì chẳng gọi là Biến Tri. Ngoài đạo Mạt Già Lê nói rằng khổ vui của chúng sanh không do hành vi mà được, đều tự nhiên như vậy, chính là kiến giải này. Hai cái thuyết Vô Nhân này chỉ thấy đến chỗ thức thứ bảy không có gốc, nên sự truyền tống vào thức thứ tám tạm ngừng mà sanh ra sự so đo này. Vì thức thứ bảy bên trong chỉ nương theo thức thứ tám, sanh mà không có gốc, nên cho là gốc vốn không nhân. Vì thức thứ bảy bên ngoài chỉ nương theo thức thứ sáu, nên cho là vô dụng, bèn bảo là ngọn không có nhân. Chỉ thấy sự trôi chảy không ngừng của thức thứ bảy, bèn cho rằng tự nhiên như vậy.

Thầy Kính Thanh hỏi Tổ Linh Vân : “Hỗn độn chưa phân thì thế nào ?”

Tổ Vân nói : “Cây lộ trụ mang thai !”

Thầy Thanh : “Phân rồi thì thế nào ?”

Tổ Vân nói : “Như điểm mây trong bầu trời.”

Thầy Thanh : “Thế thì bầu trời có bị chấm không ?”

Tổ Vân không đáp.

Thầy Thanh rằng : “Như thế thì cả hàm linh chẳng có đến vậy ?”

Tổ Vân cũng không đáp.

Thầy Thanh : “Ngay đây được rỗng trong không một điểm thì thế nào ?”

Tổ Vân nói : “Vẫn còn là cái chân thường trôi chảy.”

Thầy Thanh : “Như sao là chân thường trôi chảy.”

Tổ Vân : “Tương tự gương thường sáng.”

Thầy Thanh : “Hương thượng lại có việc gì chẳng ?”

Tổ Vân : “Có.”

Thầy Thanh : “Như sao là việc hương thượng ?”

Tổ Vân : “Đập vỡ gương rồi, cùng ông tương kiến !”

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng : “Phân với chưa phân : khung cử ngọc ban đêm động. Điểm với chẳng điểm : thoi vàng trong tối vắt. Dầu là một sắc vàng rỗng trong, chưa được mười phần yên ổn. Hãy nói đập vỡ gương rồi hương về đâu tương kiến ? Có hiểu chẳng ?

“Thỏ ngọc mất rồi trời thu sáng

Nước trong rỗng thoát cốt tức thời.”

Cái chân thường trôi chảy nhật nhiệm này vừa vặn phù hợp với hành ấm, *Tương tự gương thường sáng*, cũng là *Gương soi sáng* của Kinh không khác. Nếu đập vỡ gương đi mà tương kiến, như rỗng nơi nước trong thoát cốt mà ra khỏi thì chuyển ngay thành trí vậy. Đâu phải chỉ phá hành ấm mà thôi ư ?

Kinh : “Anan, trong Tam Ma Đề đó, các thiện nam tử chánh tâm lặng sáng, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn

giản phác u ẩn thường máy động kia, trong Tánh Viên Thường lại khởi lên so tính thì người ấy sa vào bốn cái Luận Biến Thường.

“Một là, người ấy xét cùng tánh của tâm cảnh, cả hai đều không có nhân. Tu tập biết được trong hai vạn kiếp mười phương chúng sanh, chỗ có sanh diệt đều là xoay vần, chưa hề tan mất, nên chấp đó là thường.

“Hai là, người ấy xét cùng nguồn gốc tứ đại, thấy bốn đại thường trụ. Tu tập biết được trong bốn vạn kiếp, mười phương chúng sanh, chỗ có sanh diệt đều nằm trong bản thể thường hằng, chưa hề tan mất, nên chấp đó là thường.

“Ba là, người ấy xét cùng sáu căn, trong tâm, ý và thức của mặt na thức chấp thọ thì thấy cái gốc gác nguyên do tánh vẫn thường hằng. Tu tập biết được trong tám vạn kiếp, tất cả chúng sanh xoay vần chẳng mất, bản lai thường trụ. Xét cùng cái tánh chẳng mất đó, chấp ấy là thường.

“Bốn là, người ấy đã hết tưởng ám, cái lẽ sanh diệt không còn, sự trôi chuyển dừng lặng, tâm tưởng sanh diệt nay đã vĩnh viễn diệt dứt. Trong lý tự nhiên thành ra cái chẳng sanh diệt. Do tâm so tính mà chấp đó là thường.

“Do những sự chấp thường ấy, bỏ mất Chánh Biến Tri, sa vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Hai, lập ra những luận Viên Thường.

Thông rằng : Lập ra luận Vô Nhân là vì thấy đoạn, lập ra luận Viên Thường là do thấy thường. Suy ra “Cũng đoạn cũng thường, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường” đều không ra khỏi tà kiến đoạn-thường. Cứu xét cùng tột cội

gốc sanh loại cho đến cội nguồn máy động thì thấy nó hư rỗng mà càng phát ra, động mà chẳng cùng, bèn chấp là thường. Từ rộng đến hẹp, từ thô đến tinh, đại khái có thứ lớp : Một là, thông đạt rằng năm ấm, bốn đại, tâm cảnh cả hai đều không có nhân mà tự có, tuần hoàn chẳng mất. Hai là, chỉ thấy cái tánh của bốn đại thanh tịnh, có thể thành cái sắc ấm của chúng sanh, thể thường bất biến. Ba là, chỉ thấy tâm thức, sáu căn nương vào thức thứ bảy Mạt Na, chấp thọ là tâm, chấp thọ là ý, chấp thọ là thức. Bốn nguyên của các thứ này là hành ấm. Chúng sanh tuy có tuần hoàn mà hành ấm chẳng mất, thì cái thức thứ bảy này là tánh thường trụ. Như nhìn nước chảy xiết mà cho là đứng yên. Đây chính là “Vô thủy đến nay, nguồn sanh tử. Người si lại gọi Bốn Lai Nhân”.

Bốn là, nhận lầm hành ấm là lý Tự Nhiên, cho rằng cái tâm tướng sanh diệt đã diệt hết, thì chỗ diệt dứt vĩnh viễn đó tự nhiên thành cái chẳng sanh diệt. Vậy là ở trong sanh diệt mà chấp là chẳng sanh diệt. Ví như thấy hư không bèn cho là thường trụ, chẳng biết hư không cũng có thể diệt. Lại nữa, nhân nơi tâm mà so tính cho là thường, thì chẳng thể so sánh với cái thấy chân thật cái thường vậy.

Bốn cái chấp này còn chưa thấy được sự trôi chảy thường hằng của thức thứ tám, huống là chuyển thức để thấy tánh Bồ Đề ư ?

Thầy Thụy Nham hỏi Tổ Nham Đầu : “Như sao là lý bốn thường ?”

Tổ Đầu nói : “Động.”

Thầy Nham : “Khi động thì sao ?”

Tổ Đầu : “Chẳng thấy lý bốn thường !”

Thầy Nham dừng lại suy nghĩ.

Tổ Đầu nói : “Chịu thì chẳng thoát căn trần. Không chịu thì mãi chìm sanh tử.”

Thầy Nham lễ bái.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Viên châu (ngọc) chẳng xoi lỗ
Ngọc khối chẳng phải mài
Đạo nhân vốn quý không góc cạnh
Khẳng định vất đi, căn trần không
Thoát thể vô y, đời tự tại.”*

Đây là chỗ xưa nay thường trụ, thấy cái cực chân. Một chữ Khẳng⁽¹⁾ còn vất bỏ đi, huống là so đo chấp thọ Thần Ngã để sa vào hang tối Viên Thường, rốt rồi chìm đắm, há có thể Thường được ư ?

Kinh : “Lại nữa, trong Tam Ma Đề, các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giản phác u ẩn thường máy động kia, lại khởi tâm so tính ra cái Ta và cái khác Ta, thì người ấy sa vào bốn kiến chấp điên đảo, là những luận Một phần Vô Thường, một phần Thường.

“Một là, người ấy xét thấy cái tâm diệu minh lặng nhiên khắp mười phương cõi, cho là Thần Ngã rất ráo. Từ đó suy diễn rằng Ta khắp cả mười phương, lặng sáng chẳng động, còn tất cả chúng sanh, ở trong tâm Ta tự sanh tự chết. Vậy thì tâm tánh của Ta gọi là thường, còn các thứ sanh diệt kia là tánh vô thường.

¹⁾ Chịu.

“Hai là, người ấy không xét xem cái tâm, lại xét xem khắp mười phương hằng sa cõi nước, thấy chỗ kiếp hoại thì cho là chủng tánh rốt ráo vô thường, còn chỗ kiếp chẳng hoại thì gọi là rốt ráo thường.

“Ba là, người ấy xét xem riêng cái tâm mình, thấy nó tinh tế nhỏ nhiệm giống như vi trần, lưu chuyển mười phương, tính không đời đời. Có thể khiến thân này liên sanh liên diệt. Cho cái tánh chẳng hoại đó là tính thường của mình, còn tất cả sự sanh tử từ tánh ấy sanh ra thì gọi là tánh vô thường.

“Bốn là, người ấy biết tướng ấm hết, thấy dòng hành ấm, chấp rằng sự trôi chuyển không ngừng của hành ấm là tánh thường, còn sắc, thọ, tướng nay đã diệt hết thì cho là vô thường.

“Do sự so tính Một phần Vô Thường, một phần Thường đó mà sa lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Ba, lập ra những luận Một Phần Thường.

Thông rằng : Đây là kiến chấp Cũng Thường, cũng Vô Thường vậy. Cái tâm vốn diệu minh, khắp cả mười phương cõi chưa từng chẳng phải, chỉ vì chấp đó là Thần Ngã thì liên chẳng phải vậy. Riêng chấp đó là ngã, chính là cái ý thức chấp thọ vào Mạt Na Thức, tuy nói là lạng sáng chẳng động mà thật ra trong đó trôi chảy nhỏ nhiệm, ấy là chủng tử sanh diệt lại chẳng tự hay biết. Đã lấy cái tâm tánh tạm thời chẳng động mà cho là thường, lại lấy sự sanh diệt của tất cả chúng sanh mà cho là tánh vô thường, bèn cái cùng khắp mười phương ấy hóa ra có hai cái ngã, há chẳng điên đảo ư ?

Không luận tâm tánh, chỉ luận về cõi nước, thì Tam Thiên trở xuống còn chịu Tam Tai nên cho là vô thường. Tứ Thiên trở lên chẳng còn Tam Tai nên cho là rốt ráo thường.

Không luận về cõi nước, chỉ luận tâm tánh, thì tánh không dời đổi cho đó là tánh thường của mình. Chết đây, sanh kia thì cho là tánh vô thường.

Ban đầu, hợp cái Ta và cái khác Ta gồm lại mà so tính thường với vô thường. Rồi phân cái Ta và cái khác Ta để mỗi cái cho là thường, vô thường. Rồi lại lấy hành ấm làm cái Ta, sắc, thọ, tưởng làm cái khác Ta. Hành ấm thường trôi chuyển, bèn cho là tánh thường. Sắc, thọ, tưởng đã diệt hết thì cho là tánh vô thường. Ở trong Nhất Tâm mà phân ra thường với vô thường, thế là tâm có hai vậy. Há chẳng điên đảo ư? Ở đây so với luận viên thường ở trước thì sự không câu chấp ít hơn, nhưng cái Đầu Nguồn (Nguyên Đầu) chẳng rõ nên đều thuộc về sự so tính lầm lẫn.

Quốc sư Huệ Trung hỏi nhà sư : “Phương nào đến ?”

Đáp rằng : “Phương Nam đến.”

Quốc sư rằng : “Tri thức phương Nam dạy người như thế nào ?”

Nhà sư đáp : “Tri thức phương kia chỉ bày cho người học Đạo ngay đây tức Tâm tức Phật. Phật là nghĩa Giác. Hiện nay các ông hẳn sẵn đủ cái tánh của thấy, nghe, hay, biết. Cái Tánh này đây thiệt hay nhường mây, nháy mắt, vận dụng tới lui khắp ở trong thân. Chạm đầu, đầu biết ; chạm chân, chân hay nên gọi là Chánh Biến Tri. Lìa ngoài cái ấy không còn Phật nào khác. Thân này thì có sanh diệt, còn Tâm Tánh vô thủy đến nay chưa từng sanh diệt. Thân sanh diệt thì như rỗng thay cốt, rần đổi da, người ra nhà

cũ. Tức thân là vô thường, tánh ấy là thường vậy. Lời dạy phương Nam đại khái là thế.”

Quốc sư nói : “Nếu vậy, thì khác gì Tiên ni ngoại đạo dâu ? Họ nói rằng : Trong thân này của ta có một Thần Tánh. Tánh này hay biết đau, ngứa. Khi thân hoại rồi, cái thần ấy ra đi, như nhà bị cháy thì chủ ra đi. Nhà thì vô thường, chủ nhà thì thường.

“Xét xem như vậy, thì tà chánh chẳng biện, gì là phải đây ? Ta từng du phương, thấy nhiều loại này, gần đây lại càng thịnh hành. Nhóm lại năm, ba trăm chúng, mắt thấy mơ hồ, bảo đó là “Tông chỉ Nam Phương”. Lấy cuốn Đàn Kinh kia mà sửa đổi, thêm thắt lộn xộn, bỏ tiêu Thánh ý, làm cho lầm loạn người hậu học, há thành lời chỉ dạy ư ? Khổ thay cho tông chỉ nhà ta lấp vùi đó vậy. Nếu cho thấy, nghe, hay, biết là Phật Tánh thì lẽ ra Đức Tịnh Danh chẳng có nói : Pháp lìa thấy, nghe, hay, biết. Nếu hành thấy, nghe, hay, biết thì chỉ là thấy, nghe, hay, biết chẳng phải thật là cầu pháp.”

Nhà sư lại hỏi : “Kinh Pháp Hoa Liễu Nghĩa khai Phật Tri Kiến, đó lại là sao ?”

Quốc sư rằng : “Đấy nói “Khai Phật Tri Kiến, chẳng nói Bồ tát, Nhị thừa”, thì há có thể lấy chuyện si mê điên đảo của chúng sanh mà cho là đồng tri kiến của Phật ư ?”

Thầy Hành Xương hỏi Đức Lục Tổ : “Đệ tử thường xem kinh Niết Bàn mà chưa hiểu nghĩa thường với vô thường. Xin thầy giải thích cho.”

Tổ nói : “Vô thường đó, tức là Phật Tánh vậy. Hữu thường đó, tức là hết thấy các pháp thiện, ác của tâm phân biệt vậy.”

Bạch rằng : “Chỗ nói của Hòa thượng rất trái với kinh văn.”

Tổ nói : "Ta truyền tâm ấn Phật, đâu dám trái kinh Phật."

Bạch rằng : "Kinh nói : Phật Tánh là *Thường*, Hòa thượng lại nói là *Vô Thường*. Các pháp thiện ác cho đến Bồ Đề Tâm đều là *Vô Thường*, Hòa thượng lại nói là *Thường*. Thế là trái nhau, khiến cho học nhân này càng thêm nghi hoặc."

Tổ nói : "Kinh Niết Bàn ta đã nghe ni cô Vô Tận Tạng đọc tụng một lần, bèn giảng nói cho nghe, không một chữ, một nghĩa nào chẳng hợp với kinh văn. Đến nay vì ông cũng không nói khác."

Bạch rằng : "Chỗ biết của học nhân cạn cợt tối tăm, mong Hòa thượng chỉ bày tường tận."

Tổ nói : "Ông biết không ? Phật Tánh nếu thường thì còn nói gì các pháp thiện ác, vì cho đến cùng kiếp cũng chẳng có một người nào phát Bồ Đề Tâm, cho nên ta nói vô thường, chính là cái mà Phật nói là đạo chân thường vậy. Lại nữa, tất cả các pháp nếu vô thường thì mỗi vật đều có tự tánh, dung chứa sự sanh tử thì cái tánh chân thường có chỗ chẳng cùng khắp, cho nên ta nói thường, chính là cái mà Phật nói là nghĩa chân vô thường vậy. Xưa, Phật vì hàng phàm phu ngoại đạo chấp vào cái tà thường, hàng Nhị thừa ở nơi thường lại cho là vô thường, cộng lại thành Bát Đáo. Nên trong kinh Niết Bàn Liễu Nghĩa, phá các biên kiến kia mà hiển bày cái Chân Thường, Chân Lạc, Chân Ngã, Chân Tịnh.

"Ông nay nghịch với nghĩa kinh, lấy cái vô thường đoạn diệt với cái tử thường cố định mà hiểu lầm lời dạy tinh tế viên diệu sau cùng của Phật. Dẫu có xem cả ngàn lần, phỏng có ích gì?"

Thấy Hành Xương hốt nhiên đại ngộ, bèn đọc bài kệ :

“Bối giữ vô thường tâm
 Phật nói hữu thường tánh
 Chẳng biết pháp phương tiện
 Dường lượm sỏi ao xuân
 Giờ chẳng phải thi công
 Mà Phật Tánh hiện tiền
 Chẳng phải thầy trao cho
 Tôi cũng không chỗ đắc.”

Tổ nói : “Giờ ông đã thấu triệt, nên gọi là Chí Triệt.”

Thầy Hành Xương lễ tạ, lui ra.

Cái nghĩa Thường, Vô Thường rất sâu xa như thế này, thì các hàng ngoại đạo cũng chưa hề mộng thấy.

Kinh : “Lại nữa, trong Tam Ma Đề các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giản phác u ẩn thường máy động kia, lại sanh so tính về phận vị, thì người ấy sa vào bốn cái luận Hữu Biên.

“Một là, người ấy so tính cái cội nguồn sanh diệt lưu chuyển không ngừng, chấp quá khứ, vị lai là Hữu Biên, còn cái tâm tương tục là Vô Biên.

“Hai là, người ấy xét xem trong tám vạn kiếp thì thấy chúng sanh, còn trước tám vạn kiếp thì bật không thấy nghe gì, rồi gọi chỗ không thấy nghe gì là Vô Biên, còn chỗ có chúng sanh là Hữu Biên.

“Ba là, người ấy cho rằng mình biết cùng khắp là được cái tánh Vô Biên, còn tất cả các người kia hiện ra trong cái biết của mình mà mình không hề biết cái tánh biết của họ, vậy thì họ không được cái tâm Vô Biên, chỉ có tánh Hữu Biên.

“Bốn là, người ấy xét cùng hành ấm là không, dùng chỗ thấy biết của mình mà so lường, trù tính rằng trong một thân của tất cả chúng sanh đều là nửa phần sanh, nửa phần diệt, và chấp rằng tất cả sự vật có ra trong thế giới đều một nửa là Hữu Biên, một nửa là Vô Biên.

“Do sự suy tính Hữu Biên, Vô Biên này mà sa lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Tư, lập ra những luận Hữu Biên.

Thông rằng : Đây là ở nơi thường, vô thường theo đó mà khởi ra cái hữu biên, vô biên. Luận về thường, vô thường thì dùng cái Tánh mà nói, thuộc về kiến phần. Về hữu biên, vô biên thì dùng phạm vị mà nói, thuộc tướng phần. Một là, phạm vị ba đời. Hai là phạm vị thấy, nghe. Ba là, phạm vị ta-người. Bốn là phạm vị sanh diệt. Tất cả đều giới hạn trong phạm vị của hành ấm mà vọng sanh ra so tính.

Một là, do hành ấm lưu chuyển không ngừng nên cho sự lưu chuyển là tam tế quá khứ, hiện tại, vị lai mà gọi là Hữu Biên. Còn cho sự không ngừng là tiếp nối không có bờ mé, mà gọi là Vô Biên.

Hai là, chỉ so tính trong chỗ thấy, nghe được chúng sanh trong tám vạn kiếp mà gọi là Hữu Biên, còn ngoài tám vạn kiếp không thấy, nghe gì nên gọi là Vô Biên.

Ba là, cho rằng mình biết cùng khắp tất cả chúng sanh, đó là tánh Vô Biên, còn Tánh Biết của chúng sanh có cùng khắp hay không thì chỉ họ tự biết, chứ mình chẳng hề biết. Vậy chúng sanh bị hạn cuộc nơi sự tự biết, chẳng thể thông tiếp với mình, nên chỉ có tánh Hữu Biên.

Bốn là, xét cùng hành ấm là không, thấy rằng trước có mà nay không. Do đó, so tính rằng chánh báo của chúng

sanh nửa sanh, nửa diệt, thế giới y báo cũng nửa sanh, nửa diệt. Nửa sanh là Hữu Biên, nửa diệt là Vô Biên.

Bốn cái luận Hữu Biên này đều không ra khỏi sự tuần hoàn sanh diệt của chúng sanh và các kiến chấp kiếp hoại hay chẳng hoại nói ở trước, chỉ đặc biệt so tính về hữu biên và vô biên.

Có nhà sư hỏi Quốc sư Huệ Trung (tiếp theo đoạn trước) : “Có vị trí thức chỉ bày kẻ học nhân này rằng : “Chỉ tự biết tánh. Khi rõ vô thường, ném bỏ cái xác phiền não một bên rồi, cái chỗ cao linh trí tánh, rỗng rang mà lui về, gọi là giải thoát.” Theo đây thì thế nào ?”

Quốc sư nói : “Trước đã nói rồi, vẫn còn là cái hạn lượng của hàng Nhị thừa, ngoại đạo. Nhị thừa chán ghét sanh tử, ưa thích Niết Bàn. Ngoại đạo cũng nói “Ta có hoạn nạn lớn, vì ta có thân”, bèn vui về Minh Đế. Tu Đà Hoàn buộc vào tám vạn kiếp, ba quả kia buộc vào sáu, bốn, hai vạn kiếp. Bạc Bích Chi Phật trụ trong Không định một vạn kiếp. Ngoại đạo trụ trong Phi Phi Tướng tám vạn kiếp. Nhị thừa hết kiếp còn có thể hồi tâm hướng Đại thừa, còn ngoại đạo liền trở lại luân hồi.”

Hỏi rằng : “Phật Tánh một giống hay khác ?”

Quốc sư nói : “Chẳng thể một giống.”

Hỏi rằng : “Sao vậy ?”

Quốc sư nói : “Hoặc có thứ *toàn chẳng sanh diệt*, hoặc *nửa sanh nửa diệt*, *nửa chẳng sanh diệt*.”

Hỏi rằng : “Vì sao mà giải thích như vậy ?”

Quốc sư nói : “Phật Tánh ngay đây của tôi hoàn toàn không có sanh diệt, Phật Tánh phương Nam của ông thì *nửa sanh nửa diệt*, *nửa chẳng sanh diệt*.”

Hỏi rằng : “Phân biệt chỗ nào ?”

Quốc sư nói : “Đây thì thân tâm nhất như, ngoài thân không có gì khác, thế nên toàn vẹn chẳng sanh diệt. Còn phương Nam của ông thì thân là vô thường, Thần Tánh là thường, bởi thế mà *nửa sanh nửa diệt, nửa chẳng sanh diệt.*”

Hỏi rằng : “Cái sắc thân của Hòa thượng há đồng được với Pháp Thân chẳng sanh diệt ư ?”

Quốc sư nói : “Sao ông lại vào tà đạo thế ?”

Thưa rằng : “Học nhân này sao mà vào tà đạo ?”

Quốc sư nói : “Ông chẳng thấy kinh Kim Cang nói “Thấy sắc, cầu thanh đều là hành tà đạo” ư ? Nay chỗ thấy của ông chẳng phải vậy sao ?”

Thưa rằng : “Tôi đã từng đọc giáo lý Đại thừa, Tiểu thừa, cũng thấy có nói cái chỗ trung đạo chánh tánh chẳng sanh chẳng diệt, cũng thấy có nói rằng ấm này diệt, ấm kia sanh, thân có đổi thay mà Thần Tánh chẳng diệt. Đâu có thể bác bỏ hết giống như hai kiến chấp đoạn, thường của ngoại đạo ?”

Quốc sư nói : “Ông học cái đạo chân chánh xuất thế vô thường hay là học hai cái kiến chấp đoạn, thường sanh tử của thế gian ? Ông há chẳng thấy Tổ Triệu Công nói “Nói chân thì ngược tục, theo tục thì ngược chân” ư ? Ngược với chân nên mê tánh mà chẳng quay lại. Nghịch với tục nên lời nói đạm bạc không mùi vị. Hạng trung căn nghe thì như nhớ như quên. Hạng hạ căn nghe thì vỗ tay mà cười. Nay ông muốn học theo người hạ liệt mà cười Đại Đạo ư ?”

Đáp rằng : “Thầy cũng nói “Tức Tâm là Phật”, bậc tri thức phương Nam cũng nói thế, có gì là khác đâu ? Thầy lẽ ra chớ nên cho mình phải mà họ quấy.”

Quốc sư nói : “Hoặc là tên khác, thể đồng ; hoặc là tên đồng mà thể khác. Bởi đó mà lầm lộn. Chỉ như Bồ Đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật Tánh thì danh khác mà thể đồng. Còn Chân Tâm, vọng tâm, Phật Trí, thế trí thì tên đồng mà thể khác. Vì phương Nam lầm đem cái vọng tâm mà cho là Chân Tâm, nhận giặc làm con. Nắm giữ cái thế trí mà xưng là Phật Trí, giống như con mắt cá mà lầm lộn với ngọc minh châu. Không thể phụ họa theo được, cần phải phân biệt đúng sai rõ ràng.”

Hỏi rằng : “Làm sao lia được lỗi ấy ?”

Quốc sư nói : “Ông chỉ khéo quan sát rõ ràng trở lại âm, giới, nhập, xứ, mỗi mỗi đều tìm xét tận cùng, coi có được mảy tơ hào nào chẳng ?”

Thưa rằng : “Rõ ràng quan sát đó, chẳng thấy có một cái gì khá được.”

Quốc sư nói : “Ông phá hoại tướng thân tâm ư ?”

Đáp rằng : “Thân tâm tánh lìa, có gì để hoại ?”

Quốc sư nói : “Ngoài thân lại có vật chẳng ?”

Đáp rằng : “Thân tâm không có ngoài, đâu lại có vật ư ?”

Quốc sư nói : “Ông phá hoại tướng thế gian ư ?”

Đáp rằng : “Thế gian tướng chính là vô tướng, nào dùng đến chuyện hoại.”

Quốc sư nói : “Như thế đó, tức lìa lỗi vậy. Kinh Hoa Nghiêm nói : Một niệm quán khắp vô lượng kiếp, không đi, không đến, cũng không trụ. Như thế rõ biết sự ba đời, siêu các phương tiện thành thập lực.”

Đây là chỗ nói “Tự, tha chẳng cách hở mảy lông, thủy chung chẳng rời ngay đương niệm”. Chẳng biết cái kiến giải Hữu Biên, Vô Biên do đâu mà kiến lập ?

Kinh : “Lại nữa, trong Tam Ma Đề các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giản phác u ẩn thường máy động kia, trong chỗ tri kiến lại khởi sanh so tính thì người đó sa lạc vào bốn thứ luận hư vọng biến kế điên đảo, Bát Tử càn loạn.

“Một là, người ấy quan sát cái cội nguồn biến hóa, thấy chỗ dời đổi thì gọi là biến, thấy chỗ tương tục thì gọi là thường. Thấy chỗ thấy được thì gọi là sanh, chỗ không thấy được thì gọi là diệt. Chỗ các nhân tương tục, không có gián đoạn thì gọi là tăng, chính trong tương tục, chỗ rời nhau ở giữa thì gọi là giảm. Chỗ sanh ra của mỗi cái thì gọi là có, chỗ mất đi của mỗi cái thì gọi là không. Dùng lý quán sát tất cả, dụng tâm thấy riêng biệt nhau. Có người cầu pháp đến hỏi nghĩa lý thì đáp rằng : “Ta nay cũng sanh, cũng diệt, cũng có, cũng không, cũng tăng, cũng giảm”. Trong mọi thời đều nói năng lộn xộn, khiến cho người nghe lâm loạn chữ nghĩa.

“Hai là, người ấy quán kỹ cái tâm đáp đối không nơi chốn, nhân cái Không mà cho là chứng, có người đến hỏi, chỉ đáp một chữ, chỉ nói là Không. Ngoài chữ Không ra không nói gì cả.

“Ba là, người ấy quán kỹ cái tâm mỗi mỗi đều có chỗ, nhân cái Có mà cho là chứng, có người đến hỏi, chỉ đáp một chữ, chỉ nói là Phải. Trừ chữ Phải ra, không nói gì cả.

“Bốn là, người ấy chấp cả Có và Không. Cái cảnh đã phân chia như vậy thì cái tâm cũng lộn xộn. Có người đến hỏi thì đáp rằng : “Cũng Có tức là cũng Không, trong cái Cũng Không chẳng phải là Cũng Có”. Tất cả đều càn loạn, không thể nói hết được.

“Do những so tính, càn loạn trống rỗng như vậy mà sa lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Năm, lập ra bốn thứ luận hư vọng biến kế điên đảo, Bát Tử càn loạn.

Thông rằng : Đây vẫn là kiến chấp Cũng Có cũng Không vậy. Ở trên nói “Thường, Vô Thường”, “Hữu Biên, Vô Biên” thì còn có phân biệt, chưa đến nổi lộn xộn. Ở đây thì nói “Tức Thường, tức Vô Thường”, “Tức Hữu Biên, tức Vô Biên” tất cả đều càn loạn, không thể nói cho cùng. Thật là một thứ lý luận hư vô hoang đường, quá sức điên đảo vậy.

Theo sự trôi dời của chỗ hữu biên ở trên thì gọi là Biến, chỗ vô biên tương tục thì gọi là Thường, chỗ thấy trong tám vạn kiếp thì gọi là Sanh, chỗ không thấy ở ngoài tám vạn kiếp thì gọi là Diệt. Lại ở trong chỗ tương tục không gián đoạn so tính cho là Tăng như mặt trăng mọc dần lên, ở trong chỗ lìa nhau thì cho là Giảm như mặt trăng khuyết lần lần. Lại ở nơi chỗ sanh ra của mỗi vật mà gọi là Có, chỗ mất đi mà gọi là Không.

Ở nơi sự sanh diệt của một cái hành ấm mà phân làm tám nghĩa. Dùng lý quán sát tất cả thì cả hai đều đúng, không thể xác định manh mối, nên trong mọi lúc, nói năng lộn xộn. Chìm đắm trong Hành Ấm, không thể siêu vượt ra khỏi hành ấm nên bị sự sanh diệt làm trôi lăn vậy.

Lại nữa, do từ cái Có, Không mà phân ra, ở chỗ niệm niệm diệt mà cho là chứng thì chỉ nói là Không ; còn ở chỗ niệm niệm sanh mà cho là chứng thì chỉ nói là Phải. Lại nữa, từ hữu vô mà hợp lại thì nói “Cũng Có tức là cũng Không, cũng Không tức là cũng Có, trong cái cũng Có chẳng phải là cũng Không, trong cái cũng Không chẳng phải là cũng Có”.

Lời nói thì thấy giống, nhưng so với trước có sai khác.

Ở trước thì hai bên đều bày ra hết nên không thể xác quyết, còn đây thì chỉ đề ra một bên mà cả hai bên đều có trong đó. Nói rằng “Cũng Có tức là cũng Không” thì không chỉ một bề nói Không. Nói rằng “Trong cái cũng Không chẳng phải là cũng Có” thì không chỉ một bề nói Phải. Chỗ tri kiến lầm lộn, chẳng thể quyết đoán, mơ hồ lung tung, rối rôi lầm lạc.

Ngoại đạo cho rằng trời là thường trụ, gọi là bất tử, cho rằng đáp được chẳng lầm loạn thì sanh về cõi trời đó. Nếu quả thật chẳng biết mà trả lời thì e thành càn loạn. Phật quả trách rằng : “*Đó thật là nghị luận càn loạn*”. Cho nên gọi là thứ Luận hư vọng “*biến kế điên đảo, bất tử càn loạn*”.

Gọi là Biến Kế, nghĩa là so tính khắp cả, nào là Có-Không, Sanh-Diệt, Tăng-Giảm, Thường-Biến, thật vô ích cho sự tu chứng, đều là hý luận cả. Tuy nhiên, bậc thông suốt nhà nghề thì nói Có cũng được, nói Không cũng được, chón chón đều có nẻo xuất thân.

Nhà sư hỏi Tổ Triệu Châu : “Con chó lại có Phật tánh không ?”

Tổ Châu nói : “Có.”

Hỏi rằng : “Đã có thì sao lại chun vào cái bì da kia ?”

Tổ Châu nói : “Vì vẫn biết mà cố phạm.”

Lại có nhà sư hỏi Tổ Triệu Châu : “Con chó lại có Phật tánh không ?”

Tổ Châu nói : “Không.”

Thưa rằng : “Hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh, con chó vì sao lại không có ?”

Tổ Châu nói : “Vì ở y có nghiệp thức.”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

“Con chó, Phật Tánh có
 Con chó, Phật Tánh không
 Đi cầu mà cầu tha mạng cá
 Theo gió tìm hương, khách nước-mây
 Om sòm, loạn xạ phân quen lạ
 Bằng an trải khắp, thư thả rộng bày
 Chớ lạ nhà nông chẳng biết lo
 Chỉ ra vết ngọc lại đoạt châu
 Vua Tần chẳng biết Tương Như Lạn !”

Lại có bài tụng khác rằng :

“Triệu Châu nói có, Triệu Châu nói không
 Con chó, Phật Tánh thiên hạ phân chia
 Mặt đỏ chẳng bằng nói thẳng
 Lòng ngay ắt hẳn lời thô
 Cái lão Thiền sư bầy trăm chúng
 Cút ngựa gặp người hóa nhơn châu.”⁽¹⁾

Lại có nhà sư hỏi Thiền sư Duy Khoan : “Con chó lại có Phật Tánh chăng ?”

Sư nói : “Có.”

Hỏi : “Hòa thượng lại có chăng ?”

Sư đáp : “Ta không có.”

Hỏi : “Cả thầy chúng sanh đều có Phật Tánh, vì sao chỉ một mình Hòa thượng lại không có ?”

Sư nói : “Ta chẳng phải là cả thầy chúng sanh !”

Hỏi : “Đã chẳng phải chúng sanh thì chắc là Phật ?”

¹⁾ Ngọc mắt.

Sư nói : “Chẳng phải Phật.”

Hỏi : “Rốt ráo là vật gì ?”

Sư nói : “Cũng chẳng phải vật.”

Hỏi : “Thấy được, nghĩ được không ?”

Sư nói : “Nghĩ chẳng tới, bàn chẳng được, nên gọi là không thể nghĩ bàn.”

Hàng ngoại đạo thì ở chỗ có thể suy nghĩ, có thể luận bàn mà muốn so đo, lập luận, há chẳng điên đảo ư ?

Kinh : “Lại nữa, trong Tam Ma Đề các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giản phác u ẩn thường máy động kia, ở nơi dòng sanh diệt vô tận khởi sanh so đo thì người ấy sa vào cái chấp điên đảo là sau khi chết có tướng.

“Hoặc tự củng cố sắc thân, bảo sắc là Ta. Hoặc thấy cái Ta tròn đầy, bao trùm khắp các cõi nước, bảo ta có sắc. Hoặc thấy các tiền trần kia theo ta mà xoay trở lại, bảo sắc thuộc về Ta. Hoặc thấy cái Ta nương trong hành ấm mà tương tục, bảo Ta ở nơi sắc. Họ đều so tính mà cho rằng sau khi chết có tướng, tuần hoàn như vậy có đến mười sáu tướng.

“Từ đó mà suy tính rằng rốt ráo phiền não và rốt ráo Bồ Đề, hai tánh đó đi song song, không tiếp xúc nhau.

“Do sự so tính chấp rằng sau khi chết có tướng như vậy mà sa lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Sáu, lập ra những luận điên đảo : Trong năm ấm, sau khi chết có tướng.

Thông rằng : Năm sự suy tính ở trước thì hoặc Có, hoặc Không, hoặc Cũng Có cũng Không, chưa ra khỏi ba cú, chưa thấy cả hai đều chẳng phải, còn mắc vướng trong hành ám. Nên ở đây thì so tính việc sau khi chết có tướng hay không có tướng, và có, không đều chẳng phải. Rồi lại ở sau Có và Không, khởi lên hai kiến chấp về Niết Bàn đoạn diệt. Ấy là hành ám đã gần không, nên trộm thấy thức ám vậy. Bởi đến thì trước, đi thì sau, chỉ do thức làm chủ, nên chỗ này nói cả năm ám.

Đức Long Thắng nói : “Chúng sanh trong năm đường do nhân duyên của lực thân kiến mà thấy có bốn thứ Ta : Sắc hợp là Ta, sắc là Ta, Ta trong sắc, sắc trong Ta. Hợp lại mà nói : Chỉ duy sắc là Ta, chỉ duy lìa sắc là Ta, Ta ở trong sắc, sắc ở trong Ta. Suy tìm như thế, rốt ráo chẳng thể đắc. Thọ, tướng, hành, thức lại cũng như vậy.”

Thế mà ngoại đạo lại chấp là có tướng. Hoặc tự củng cố cái thân, tức Sắc là Ta vậy. Hoặc trùm khắp cõi nước, tức là Sắc ở trong Ta. Hoặc các tiền trần xoay trở lại, ấy là Lìa Sắc là Ta. Hoặc nương theo hành ám tương tục, tức là Ta ở trong Sắc vậy. Nương theo bốn lối suy tính này thì thọ, tướng, hành, thức cũng đều vậy cả. Cho đến chỗ Hành là Ta, lìa hành là Ta, Ta ở trong hành, hành ở trong Ta. Cái suy tính đó là Ta, tức là thức ám vậy. Thấy đều suy tính rằng sau khi chết lại có mà thành ra mười sáu tướng.¹⁾ Phiền não do ám mà sanh, Bồ Đề do Ta mà chứng. Hai tánh Bồ Đề, phiền não song hành cho đến đời vị lai, đều rốt ráo là có, thế nên nói là lập ra luận diên đảo Trong năm ám, sau khi chết có tướng. Đây là theo mỗi mỗi chỗ có, rồi nhân có mà cho là chứng, nên lập ra các Luận này.

¹⁾ Bốn cách suy tính này lồng vào bốn Ấm : Sắc, Thọ, Tướng, Hành.

Thủ tọa Bốn Am Đạo Quỳnh từng nêu lên câu chuyện “Một chiếc dép đi về Tây”,⁽¹⁾ rồi nói với đại chúng : “Ngồi chết, đứng tịch, chống ngược đầu mà hóa thì chẳng phải không có. Nhưng chưa có ai tịch rồi mà sau lại để lại chiếc dép. Vậy là con cháu đời sau không bằng Tổ Sư hay là Tổ Sư có thừa một chiếc ấy ?”

Rồi cười lớn mà rằng : “Con chồn già !”

Mùa Đông Canh Thân, đời Thiệu Hưng được đón về kinh nhưng không đi, để lại bài kệ cho đệ tử đặc pháp là Huệ Sơn rằng :

*“Miệng mồm chẳng trúng lão già lành
Thích hưởng từng lâm đóng thị phi
Dặn dò Tuyết Phong ông Thủ tọa
Vì ta nhiệt mắng chớ tha y !”*

Quay về vị sứ giả đến đón, nói rằng : “Nói với quan Thị Lang giùm tôi rằng việc đi vội quá, không kịp bồi đáp !”

Dứt tiếng thì hóa.

Có nhà sư hỏi Tổ Động Sơn : “Nhà sư sau khi tịch rồi thì đi đâu vậy ?”

Tổ Sơn nói : “Cháy rồi một cọng tranh !”

Ngài Đầu Tử tụng rằng :

*“Khi lửa đồng thiêu, thêm đốt mới
Đến nay khí nóng khó mưa, mây
Đất hạn sen hồng che nhật nguyệt
Không rễ, xanh hoài, mát bóng cây.”*

¹⁾ Chuyện Tổ Đạt Ma sau khi tịch.

Nếu biết cái “hữu tướng” này thì tuy nói là có tướng cũng chẳng sao.

Kinh : “Lại nữa, trong Tam Ma Đề các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giản phác u ẩn thường máy động kia, ở trong các ấm : Sắc, thọ, tưởng đã diệt ở trước khởi sanh so tính, người ấy sa vào những tư tưởng điên đảo là sau khi chết không có tướng.

“Người ấy thấy sắc ấm diệt, hình hài không nhân vào đâu. Xét tưởng ấm diệt, tâm không ràng buộc vào đâu. Biết thọ ấm diệt, không còn dính dáng. Tánh các Ấm đã tiêu tan, dù có sanh lý mà không có thọ, tưởng : đồng như cỏ cây. Cái hình chất hiện tiền còn không thể nắm được, vậy sau khi chết làm sao còn có các tướng ? Do vậy mà cho rằng sau khi chết không có tướng. Xoay vẫn như vậy mà có tám thứ Vô Tướng.

“Từ đó mà suy tính rằng : Niết Bàn, nhân quả, tất cả đều không, chỉ có danh tự suông, chứ rốt ráo là đoạn diệt.

“Do sự suy tính, chấp sau khi chết không có tướng này mà sa lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Bảy, lập ra những luận điên đảo : Trong ngũ ấm, sau khi chết không có tướng.

Thông rằng : Cái đoạn kiến này là căn cứ nơi sự tiêu diệt của các ấm sắc, thọ, tưởng mà suy tính rằng cái sanh lý của hành ấm về sau sẽ rốt ráo đoạn diệt. Hành ấm diệt thì quy về biển Tạng Thức. Chỗ so đo của người ấy chưa là vô kiến, nhưng cái Tạng Thức chẳng thể diệt. Người ấy

chỉ thấy cái diệt bèn cho rằng Niết Bàn, nhân quả tất cả đều không, rốt ráo đoạn diệt, mà chẳng biết rằng cái vô tướng này không phải là không có sanh lý. Bởi thế, ước đoán cái nhân đã mất của bốn ấm hiện tại mà cho rằng quả tương lai sẽ tiêu diệt, hợp lại thành ra tám thứ Vô Tướng, bèn lập ra những luận điên đảo *Trong Ngũ Ấm, sau khi chết không có Tướng*. Đây cũng là theo cái tâm đắp đổi không nơi chốn, nhân cái Không mà cho là chứng, mà tạo ra luận này.

Tổ Trường Sa Cảnh Sâm nhân có vị tăng qua đời, lấy tay rờ mà nói : “Này đại chúng ! Vị tăng này lại chánh thực vì các ông mà đề khởi cương yếu, thương lượng đó ! Hiểu không ?”

Rồi đọc bài kệ :

*“Trước mắt không một pháp
Hiện đây cũng không người
Rỗng rang Kim Cương Thế
Chẳng vọng cũng chẳng chân !”*

Lại nói :

*“Chẳng rõ Kim Cương Thế
Lại gọi ấy duyên sanh
Mười phương : Chân Tịch Diệt
Ai trụ, lại ai hành ?”*

Tổ Động Sơn sắp viên tịch, nói với đại chúng : “Ta có cái tên tuổi suông ở đời, người nào vì ta dẹp được ?”

Đại chúng đều không đáp được.

Khi ấy, có vị Sa di bước ra, nói : “Xin cái pháp hiệu của Hòa thượng.”

Tổ Sơn nói : “Cái danh tiếng sông của ta đã rúng rồi !”

Tổ Thạch Sương nói : “Không có người để kẻ khác chấp nhận.”

Tổ Vân Cư nói : “Nếu có danh tiếng sông thì chẳng phải là Tiên sư của tôi.”

Tổ Tào Sơn nói : “Từ xưa đến nay, không người biện được.”

Tổ Sớ Sơn nói : “Rồng có cách ra khỏi nước, không người biện được.”

Thầy Đại Dương Minh An hỏi Tổ Lương Sơn : “Như sao là đạo tràng vô tướng ?”

Tổ Sơn chỉ tượng Quan Âm, nói : “Đây là bức họa của Ngô cư sĩ.”

Thầy An định nói, Tổ liền hỏi : “Cái đó là cái hữu tướng, như sao là cái vô tướng ?”

Thầy An ngay lời nói có tỉnh ngộ, làm lễ rồi quay về chỗ đứng.

Tổ Sơn nói : “Sao không nói lấy một câu !”

Thầy An : “Nói thì chẳng từ chối, chỉ e lấm giấy mực !”

Tổ Sơn cười lớn, nói : “Lời này gắn trên đá rồi !”

Về sau quả đã khắc trên bia.

Ngài Đầu Tử nêu rằng :

“Đạo suốt cổ kim

Bộ hành khó trải

Núi cao hiểm tuyết

Leo không chỗ nương

Hoặc chẳng phát minh dấu trước

Thuở nào dẫm bước được dâu
 Thế nên ngộ ở tự mình
 Ấn chứng nhờ nơi thầy
 Thay nhau chứng minh
 Nói Phật huệ mạng
 Nơi đây tốt đường hỏi lối, sức tận để chỉ bày
 Vách ngất trời không cửa, sức hết chỗ tới lui
 Rỗng vàng đã mất nước, cánh màu cất cánh mau !
 Thấu qua sóng lớn, lại về bốn vị.

“Này các nhân giả, chính đang lúc ấy, lại có biết chỗ
 thoái vị của người xưa không ? Như biết được, thì có thể
 nói là núi muôn trượng đổ, ngàn sóng hết gằm. Long cung
 và cõi Trời chung mái, cung điện cùng tinh tú hợp vẻ. Nham
 tùng lồng đẹp, dòng móc (mưa móc) cỏ thơm. Chẳng phạm
 đến hóa môn mà ngàn núi đều lộ ra hẳn. Bằng chẳng biết
 chỗ về thì hang rộng không người hỏi, rỗng buồn biển cả
 sâu.”

Tụng rằng :

“Vách núi cùng đường hỏi sơn ông
 Lại chỉ ngọn Tây ngọn cận Đông
 Định tiến, móc rơi thêm khí núi
 Quay đầu bỗng thấy mặt trời hồng.”

Nếu ở chỗ Vô Tướng này mà được cái tin tức, thì tuy
 nói không có tướng cũng chẳng hề gì.

Kinh : “Lại nữa, trong Tam Ma Đề các thiện nam
 tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội.
 Người ấy cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại, xem thấy
 cái cội nguồn giản phác u ẩn thường máy động kia, trong

chỗ hành âm còn tồn tại và thọ, tướng âm đã diệt, lại so tính cả cái Có và Không, tự thể phá nhau, thì người ấy lọt vào những luận điên đảo Sau khi chết, Có và Không đều chẳng phải.

“Người ấy trong sắc, thọ, tướng thấy Có mà chẳng phải Có, trong hành âm chuyển biến thấy Không mà chẳng phải Không. Xoay vần như vậy cùng tột các âm thành ra tám Tướng đều chẳng phải. Tùy gặp duyên gì đều nói sau khi chết có tướng, không tướng.

“Lại suy tính hành âm tánh nó dời đổi nên tâm phát ra thông tỏ, cho rằng Có, Không đều chẳng phải, hư thật lộn lạo.

“Do sự so tính, chấp “Sau khi chết, Có và Không đều chẳng phải” mà việc về sau tối tăm mù mịt, không còn lối đi, sa lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Tám, lập luận điên đảo : Trong ngũ âm, sau khi chết, Có và Không đều chẳng phải.

Thông rằng : Đây là kiến chấp Chẳng phải Có, chẳng phải Không vậy. Đó là do nơi sự so tính cả Có lẫn Không, tự thể của chúng phá nhau. Không chỉ sắc, thọ, tướng âm diệt nên cho là Có tức chẳng phải Có mà hành âm dời đổi cũng cho là Không tức chẳng Không. Ở chỗ này mà xoay vần lui tới xét xem thì thấy cái đã diệt (sắc, thọ, tướng) trước đây đã từng có, nên tuy là Không mà chẳng Không. Cái hiện tồn tại (hành) thì rớt rồi cũng diệt, thì tuy Có mà chẳng phải Có. Do so tính nước đôi về bốn âm như vậy nên thành ra tám thứ Chẳng Phải. Tùy nêu ra duyên gì đều đủ cả có tướng và không tướng. Đây chỉ ở nơi duyên mà xem thấy sự Có-Không của tướng, chưa phải là tinh vi vậy.

Lại ở trong sự đời đối sanh diệt của tánh hành ấm, thấy trong sanh tức có diệt, nên chẳng phải Có, thấy trong diệt tức có sanh, nên chẳng phải Không vậy. Ở trên tánh hành ấm mà quán xét để thấy Có, Không đều chẳng phải thì chẳng phải là người tâm đã phát thông tỏ làm sao thấy được. Có mà chẳng Có, đó là Diệu Hữu. Không mà chẳng Không, đó là Chân Không. Đó mới là Đệ Nhất Nghĩa Đế Diệu Chân Như Tánh vậy.

Người ấy chỉ ở nơi tánh hành ấm thấy *Có và Không đều chẳng phải*, còn thức ấm ở sau vẫn còn mù mịt không thấy gì, nên hư thực lộn lạo chẳng biết chỗ về. Đã không có chỗ quay về an nghỉ thì không thể trọn xong cái Đạo. Tuy muốn phát huy cái cảnh giới chẳng phải sanh, chẳng phải diệt của Tạng Thức, cũng không thể được, huống nữa là cái chân lý bất sanh bất diệt của Chân Như Đệ Nhất Nghĩa Đế ư? Cái gọi là thông tỏ của người ấy thì gần giống với cái ngộ của bậc Duyên Giác, chứ chưa có thể nói là chánh ngộ.

Thứ luận Có, Không đều chẳng phải này cũng từ lối nói càn loạn ở trước : Cũng Có tức là cũng Không, trong cái cũng Không chẳng phải là cũng Có. Suy tính cùng cực về việc sau khi chết mà sáng lập ra luận này, đều gọi là điên đảo.

Ngoại đạo hỏi Phật : “Chẳng hỏi hữu ngôn, chẳng hỏi vô ngôn.”

Đức Thế Tôn im lặng chập lâu.

Ngoại đạo tán thán rằng : “Thế Tôn đại từ đại bi, mở vệt đám mây mê mờ cho tôi, khiến được thể nhập !”

Sau khi ngoại đạo đi rồi, Ông Anan hỏi Phật : “Bạch, ngoại đạo chứng chỗ gì mà nói là được nhập ?”

Đức Phật nói : “Như ngựa hay trong đời, thấy bóng roi mà chạy !”

Đức Thế Tôn ví người ngoại đạo với con ngựa hay, vì tâm ấy cũng phát thông tỏ vậy.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Máy tạo chưa từng chuyển
Chuyển ắt chạy hai đầu
Gương sáng bỗng trên đài
Ngay đó phân đẹp xấu
Đẹp xấu phân, hề, mây mê vệt
Cửa Từ sanh bụi chốn nào đâu ?
Nhân đây ngựa giỏi theo roi bóng
Lướt gió dặm ngàn kêu được về
Kêu được về, búng tay ba tiếng !”*

Có nhà sư hỏi Tổ Pháp Nhãn : “Như sao là nhà sư tịch, trước mặt chạm mắt là Bồ Đề ?”

Tổ Nhãn nói : “Đó là trước mặt ông !”

Lại hỏi : “Nhà sư tịch thiên hóa về chốn nào ?”

Tổ Nhãn nói : “Nhà sư tịch thiên hóa hồi nào ?”

Nhà sư hỏi : “Thế bây giờ thì sao ?”

Tổ Nhãn nói : “Ông chẳng biết nhà sư tịch.”

Tổ Pháp Nhãn tận lực hô hoán mà chẳng biết quay đầu ở đây mà tỉnh ra thì có thể nói “Tứ cú đều lia, linh căn độc lộ”.

Kinh : “Lại nữa, trong Tam Ma Đề các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giản phác u ẩn thường máy động kia, sanh ra

so tính rằng về sau này là Không, thì người ấy lọt vào bảy thứ luận Đoạn Diệt.

“Hoặc chấp thân này là diệt, hoặc chấp hết dục là diệt, hoặc hết khổ là diệt, hoặc cực lạc là diệt, hoặc tốt xấu là diệt. Xoay vần như vậy cùng tốt bảy cách, cho rằng hiện tiền là tiêu diệt, diệt rồi không trở lại nữa.

“Do sự so tính “Sau khi chết là đoạn diệt” như vậy, sa lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Chín lập ra luận điên đảo : Sau khi chết là Đoạn Diệt.

Thông rằng : Ở trước thì thấy có hành ấm mà không có thọ, tướng ; ở đây thì hành ấm cũng không, nên nói rằng “Về sau này là Không”. Ở trước là sau khi chết vô tướng, chỉ thuộc về một cách thân diệt. Ở đây cùng tốt bảy cách, diệt chẳng sanh lại.

Thân thuộc về cõi dục, gồm người và trời. Hết dục thuộc về sơ thiên, hết khổ thuộc về nhị thiên. Cực vui thuộc về tam thiên. Hết xấu thuộc về tứ thiên và vô sắc. Tuy nói năm thứ Diệt, thật ra gồm bảy Cách. Đây là vào ngoại đạo Vô Tướng Thiên, đại khái đồng một đoạn kiến như Tỳ kheo Vô Văn, cho rằng đã chứng quả chẳng thọ Thân đời sau, nên lập cái luận *Sau khi chết là đoạn diệt*.

Thiền sư Khai Tiên Chiếu thượng đường nói rằng : “Quy củ từng lâm, gia phong cổ Phật, một tham một hỏi, một cháo một cơm. Hãy nói huych toẹt ra là cái gì vậy ? Chỉ như các ông, tâm tâm chẳng dừng, niệm niệm chẳng trụ. Bằng như khéo dừng ở chỗ chẳng dừng, vô niệm ngay trong chỗ niệm, bèn tự hợp lý Vô Sanh. Nói thế này thì cười bẻ miệng người khác. Tham đi !”

Nhà sư hỏi Tổ Vân Môn : “Không khởi một niệm, lại còn có lỗi không ?”

Tổ Môn nói : “Núi Tu Di !”

Ngài Bạch Vân Đoan tụng rằng :

*“Núi Tu Di, hề, nghẽn vũ trụ
Đại bi ngàn mắt nhìn không qua
Trừ phi tự biết cỡi ngược trâu
Một đời khởi phải theo sau đít.”*

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Chẳng khởi một niệm, núi Tu Di !
Thiếu Dương thí pháp không lưu giữ
Chịu đến, hai tay phân phó cho
Định đi, ngàn tìm, không thể bám
Biển xanh rộng, mây trắng nhàn
Chớ đem mây tóc đặt trong đây
Giả tiếng gà kia khó gạt ta
Chưa chịu mơ màng cho qua ải !”*

Hai bài tụng này quả có phân biệt. Nếu bám níu “Chẳng khởi một niệm”, không biết tin tức “Cỡi ngược trâu” thì tức là “Giả tiếng gà gáy”, chẳng khởi “Theo sau đít người” vậy, sao có thể thấu qua cái cửa ải hướng thượng ư ?

Kinh : “Lại nữa, trong Tam Ma Đề các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng vững chắc, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giả phác u ẩn thường máy động kia, lại sanh ra so tính rằng sau này là Có, thì người ấy sa vào năm luận Niết Bàn.

“Hoặc lấy dục giới làm cái chuyển y chánh thật, do xem thấy sáng suốt vẹn khắp mà sanh yêu mến vậy. Hoặc lấy sơ thiên làm cái chuyển y chánh thật, vì thấy tánh cõi này không có lo âu. Hoặc lấy nhị thiên, vì tánh nó không có khổ. Hoặc lấy tam thiên, vì rất vui đẹp. Hoặc lấy tứ thiên, vì khổ vui đều hết, chẳng chịu luân hồi sanh diệt. Vậy là mê lầm cõi trời hữu lậu là tánh vô vi, cho rằng năm chỗ yên ổn trên là nơi quả báo thù thắng thanh tịnh. Xoay vần như vậy cùng tốt có năm chỗ.

“Do suy tính chấp trước năm thứ Niết Bàn hiện có như vậy mà sa lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Mười, lập ra những luận điền đảo : Trong năm Ấm có năm thứ Niết Bàn hiện có.

“Anan, mười thứ cuồng giải Thiên Na như vậy đều do hành ám và tâm dụng công xen nhau, nên hiện ra những nhận thức đó. Chúng sanh mê đại, không biết tự lượng xét, gặp các cái đó hiện ra, lấy mê làm ngộ, tự cho là chứng Thánh, thành tội đại vọng ngữ mà đọa ngục Vô Gián.

“Các ông quyết phải đem lời của Như Lai, sau khi Ta diệt độ rồi, truyền dạy cho đời mạt pháp, khắp giúp chúng sanh hiểu rõ nghĩa này, không để cho tâm-ma tự gây nên những tội lỗi sâu nặng, giữ gìn che chở cho chúng sanh tiêu diệt các tà kiến, dạy cho thân tâm họ khai mở giác ngộ chân nghĩa, không mắc vào các đường rẽ trong Đạo vô thượng. Chớ để họ được một ít đã cho là đủ, và nêu ra lời chỉ dạy thanh tịnh của vị Đại Giác.

Thông rằng : Đã nói “Về sau Không” rồi sao trở lại “Về sau Có” vậy nhỉ ? Bởi vì, cái cội nguồn trong trời thường máy động kia là cái diệt chẳng được. Chẳng phải đắc đạo

tràng tịch diệt chân thật, ở chỗ diệt mà vọng thấy có sự chứng đắc, nên gọi là "Về sau Có". Bởi vì, Hành Ấm trong sát na tạm dừng, cái sáng suốt vẹn khắp thoáng hiện bày, bèn cho đó là vô sanh diệt, là Niết Bàn. Rồi ở năm chỗ suy tính là quả Niết Bàn, khiến Niết Bàn mà có năm thứ, thế thì có thể gọi là Niết Bàn ư ?

Bảy cách trên đã diệt hết, lại lập ra năm thứ Niết Bàn, yêu mến sự sáng suốt vẹn khắp. Đó là chỗ chung của người và trời, khổ vui đều hết, chẳng chịu sanh diệt. Tứ thiên cùng cõi trời Vô Sắc đồng nhau. Năm chỗ yên ổn này không ra khỏi ba cõi, ba thứ dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu vẫn ẩn nấu như cũ, đó chỉ là do cái công dụng hữu vi, thuận thực mà thành tự. Kia chỉ mới chứng Vô tướng định mà cho là được quả vô vi, trong chốn hữu lậu mê lầm mà không tự biết, hết kiếp lại rơi vào luân hồi, há cho là Niết Bàn chân thật được ư ?

Thầy Chí Đạo câu hỏi Đức Lục Tổ rằng : "Kẻ học nhân này từ khi xuất gia, đọc kinh Niết Bàn có hơn mười năm mà chưa rõ đại ý, xin Hòa thượng chỉ dạy."

Tổ nói : "Ông chưa rõ chỗ nào ?"

Bạch rằng : "*Các hành vô thường. Là sanh diệt pháp. Sanh diệt diệt rồi. Tịch diệt là vui. Dạ, nghi hoặc chỗ đó.*"

Tổ nói : "Ông nghi làm sao ?"

Bạch rằng : "Tất cả chúng sanh đều có hai thân, đó là Sắc Thân và Pháp Thân. Sắc Thân thì vô thường, có sanh có diệt. Pháp Thân thì hữu thường, vô tri vô giác. Kinh nói "Sanh diệt diệt rồi. Tịch diệt là vui" thì chưa rõ thân nào tịch diệt, thân nào hưởng vui. Nếu là sắc thân thì khi sắc thân diệt, bốn đại phân tán, hoàn toàn là khổ, khổ không thể nào nói là vui. Nếu Pháp Thân tịch diệt thì đồng với

cỏ cây, ngói đá, ai hưởng vui đây ? Lại nữa, pháp tánh là thể của sanh diệt, năm ấm là dụng của sanh diệt. Một thể năm dụng, sanh diệt là thường. Sanh thì từ thể khởi ra dụng, diệt thì thu nhiếp dụng về thể. Nếu cho là sanh trở lại thì loài hữu tình chẳng đoạn chẳng diệt. Nếu chẳng cho là sanh trở lại, thì vĩnh viễn quy về tịch diệt, đồng với vật vô tình. Như thế thì tất cả các pháp đều bị Niết Bàn ngăn cấm, sanh còn không được, làm sao có vui ?”

Tổ nói : “Ông là con nhà Phật, sao lại huân tập tà kiến đoạn thường của ngoại đạo mà luận bàn pháp Tối Thượng thừa ! Cứ như ông nói thì ngoài sắc thân lại riêng có Pháp Thân. Là sanh diệt mà cầu tịch diệt. Lại từ chối Niết Bàn vốn thường lạc, nói là có riêng cái thân để thọ dụng. Đó là tiếc rẻ sanh tử, đắm mê cái vui của đời.

“Giờ đây, ông phải biết : Phật vì tất cả những người mê lầm, họ nhận lấy năm ấm hòa hiệp cho là tướng tự thể, lại phân biệt tất cả pháp làm ra trần tướng bên ngoài, thế rồi tham sống ghét chết, niệm niệm trôi dời mà chẳng biết là mộng huyễn hư giả, để uống chịu luân hồi. Lấy Niết Bàn thường vui đổi ra cho là tướng khổ, suốt ngày tìm kiếm bôn ba. Phật thương xót mà chỉ bày cái Niết Bàn chân lạc, không sát na nào có tướng sanh, không sát na nào có tướng diệt, lại không có sanh diệt nào khác diệt, đó là Tịch Diệt hiện tiền. Ngay đang hiện tiền cũng không có cái lượng hiện tiền, mới là thường lạc. Cái lạc này không có cái thọ, mà chẳng không có cái gì chẳng thọ. Há có cái tên “Một Thể Năm Dụng”, huống lại còn nói “Niết Bàn trừ diệt các pháp, khiến cho vĩnh viễn chẳng sanh ?” Nói vậy là chê Phật, phá Pháp.

“Hãy nghe kệ của ta :

“Vô thượng Đại Niết Bàn
 Sáng đầy hăng lạng chiếu
 Người phạm cho là chết
 Ngoại đạo chấp là đoạn
 Các người cầu Nhị thừa
 Thấy đấy là vô tác
 Thấy theo tình suy nghĩ
 Gốc sáu hai tà kiến
 Vọng lập danh hư giả
 Dính dáng gì nghĩa chơn
 Chỉ người vượt suy lường
 Thấu suốt, không nắm bở
 Vì biết pháp năm uẩn
 Và cái ta trong ấm
 Ngoài hiện các sắc tượng
 Mỗi mỗi tướng âm thanh
 Bình đẳng như mộng huyễn
 Chẳng khởi thấy thánh, phạm
 Chẳng thành Niết Bàn giải (hiếu)
 Nhị biên, tam tế dứt
 Thường ứng (thành) dụng (của) các căn
 Mà chẳng khởi dụng tướng
 Phân biệt tất cả pháp
 Chẳng khởi tướng phân biệt
 Kiếp hỏa thiêu đáy biển
 Gió thổi núi chạm nhau
 Chân thường tịch diệt lạc
 Niết Bàn là như vậy
 Ta nay miễn cưỡng nói
 Khiến ông xả tà kiến

*Ông chớ theo lời hiểu
Cho ông biết ít phần."*

Thầy Chí Đạo nghe kệ xong đại ngộ, làm lễ rồi lui ra.

Như chỗ luận của Đức Lục Tổ, chỉ thẳng chân nghĩa, thật là nêu ra lời chỉ dạy thanh tịnh của bậc Đại Giác Vương. Khế hợp được lời nói này thì các kiến chấp rẽ nhánh chẳng sanh, tâm ma tự hết, ngộ hầu phá được hành ấm mà vượt khỏi chúng sanh trước vậy.

F. PHẠM VI CỦA THỨC ẤM

Kinh : “Anan, thiện nam tử ấy tu Tam Ma Đề, hành ấm hết rồi thì cái then chốt chung u ẩn giản phác máy động sanh ra các loài thế gian bỗng chốc nát tan. Giềng mối vi tế, mạch ngầm gây nghiệp chịu quả báo của ngã thể chúng sanh, cảm ứng đều dứt bật. Người ấy hầu như sắp đại minh ngộ trong bầu trời Niết Bàn, ví như gà gáy lần chót, ngắm về phương Đông đã có sắc tinh sáng. Sáu căn rỗng sạch, không còn rong ruổi, trong ngoài trong lặng sáng suốt, nhập vào cái Không Chỗ Vào. Thấu suốt nguyên do thọ sinh của mười hai loài mười phương. Xét thấy nguyên do nắm lấy cội nguồn, các loài không còn hấp dẫn được. Nơi mười phương thế giới đã được tính Đồng. Cái sắc tinh sáng chẳng chìm, phát hiện u ẩn bí mật. Đây gọi là phạm vi của Thức Ấm.

“Nếu trong tính Đồng đã chứng được của các loài mà tiêu tan sáu căn, khi hợp, khi chia được thành tự, thấy nghe thông nhau, dùng thay lẫn nhau một cách thanh tịnh, mười phương thế giới cùng với thân tâm như ngọc lưu ly, trong ngoài sáng suốt thì gọi là thức ấm hết. Người

ấy có thể siêu vượt Mệnh Trước. Xét lại nguyên do, cội gốc là vọng tưởng điên đảo, ảo tượng rỗng không.

Thông rằng : Tánh của thế gian không ra ngoài tánh của mười hai loài sanh diệt. Cái hành ấm giản phác uẩn máy động thì tuy không có tướng sanh diệt thô, nhưng cái cội nguồn máy động mỗi mỗi chẳng ngừng. Đó là then chốt chung sinh ra các loài. Hành ấm hết thì cái then chốt này tan nát. Gọi là then chốt (cơ) vì sâu xa không thể thấy, vi tế không thể chỉ ra, như giềng mối của lưới, như bầu cổ của áo. Cái giềng mối then chốt này là căn nguyên của sanh diệt. Ngã thể chúng sanh (Bổ Đặc Già La) là cái thân trung ấm hướng theo các nẻo, đền nhân trả quả, mạch lạc cảm ứng, mảy tóc không sai. Nay thì cái then chốt sanh khởi nát tan thì nghiệp nhân đã tiêu mất, lấy gì dẫn quả ? Đã không có báo thân, lấy gì đền nhân ? Nhân, quả đều mất, cảm ứng dứt bật, ấy là tuyệt mất cái mạch ngầm sâu xa vi tế truyền tống chúng tử vậy. Sự chuyển động của mạch ngầm rất là vi tế. Mạch ngầm không dứt thì mệnh căn chẳng đoạn. Mạch dứt, then chốt tiêu vong, mới có thể vào cảnh vô sanh vậy.

Ở trước, ba ấm hết thì như gà mới gáy, chưa phân sắc tinh sáng, vẫn còn tối tăm. Ở đây, hành ấm hết thì như gà gáy lần chót, ngắm về phương Đông đã có sắc sáng. Thấu vào cái thức ấm này, sáu căn liền rỗng sạch, không còn cái tướng giống ruồi khởi động, trong lặng sáng suốt im phắc suốt ngần. Nhập vào lại vào thêm, sâu xa lại sâu thêm, cho đến nhập vào cái Không Chỗ Nhập, thẳng thấu đến chỗ bốn nguyên. Bởi thế, ở trước thì chưa rõ cái mối manh của mỗi sanh mạng, chỉ mới thấy cái then chốt sanh khởi chung. Nay thì rõ thông cái nguyên do thọ mạng của

mười hai loài. Ấy là đã thấy cái Đồng mà chưa thấy cái sanh khởi. Xét thấy nguyên do nắm lấy cội nguồn, chẳng cho dời đổi, chẳng để giống ruổi. Đây đã không đầu mối, thì kia tự chẳng hấp dẫn. Hết cả mười phương cõi, duy Tâm duy Thức mà thôi. Còn đâu có được cái chẳng đồng ?

Đã được tánh Đồng, thì trời đất cùng ta đồng gốc, vạn vật như ta một thể, thuận nhiên một biển Tạng Thức vậy. Ngắm qua cái sắc tinh sáng, không đến nổi mờ chìm (hôn trầm). Ất chẳng thấy, chẳng nghe gọi là cùng cực huyền áo ; không tiếng, không mùi gọi là cùng cực thâm mật. Ở đây, dần dần phát hiện lộ bày. Tuy phát hiện mà chưa đến chỗ trong suốt sáng rõ, còn bị thức ám ngăn che, nên gọi là phạm vi của thức ám.

Nếu ở chỗ nguyên do thọ sanh của mười hai loài mà đã được tánh Đồng, lại dùng cái sức Định Huệ làm tiêu tan sáu căn, khiến cho sự phân chia có thể hợp lại, sự nghẽn che có thể mở ra. Mở chia, đóng hợp tự do, sáng sạch chẳng nương theo căn, cái thấy ấy, cái nghe ấy gần với chỗ viên thông thì sáu căn thanh tịnh, có thể dùng thay nhau. Đó là chỗ ở trước nói “Ngược dòng toàn nhất, sáu dụng chẳng hành, ngay đây mười phương cõi nước rõ ràng thanh tịnh, như ngọc lưu ly, ở trong treo trắng sáng”. Ở đây cũng nói “Mười phương thế giới cùng với thân tâm như ngọc lưu ly”. Đó là trứng vàng của loài chim Kim Xí, trong trẻo sáng suốt rõ ràng như kim cương, không thể phá hoại vậy.

Trong là thân tâm, ngoài là thế giới đã trong ngần sáng suốt, thì không những cái sắc tinh sáng phát hiện ra, mà cái Mật Viên Tịnh Diệu của hết thấy Như Lai đều hiện ra trong đó. Người ấy liền được Vô Sanh Pháp Nhãn, tức là chỗ gọi là Càn Huệ Địa. Thức ám mà chưa hết thì chẳng

thể đến đây được. Thức ấm là cái tế vi khó đoạn, tức là cái mạng căn, nguyên do thọ sanh đều bắt đầu ở đó. Nay thức ấm hết, ắt căn nguồn đều hết. Các loài không còn kêu mời đến được, bèn cùng với cái không-thể-mời mà vong mất. Mười phương đều đồng, bèn cùng với tính đồng mà hết mất. Bởi thế, có thể siêu vượt mệnh trước vậy.

Các vị thầy xưa lấy hơi thở, khí ấm và thức, ba cái hòa hợp thành mạng căn. Lúc thọ sanh thì thức ấm đến trước hết. Còn thức đã ra khỏi thì hơi thở và khí ấm diệt theo. Cái việc thức ra khỏi thì mạng chung này phạm phu đều vậy, đâu có thể gọi là siêu vượt mệnh trước được ư ?

Nói “Thức ấm hết” là đã không còn cái thức đến trước đi sau. Nói “Vượt khỏi mệnh trước” là đã chứng quả A La Hán, không còn chịu thân sau, đâu có thể bàn bạc mơ hồ ư ?

Trước thì thân trung ấm hướng theo các nẻo, mỗi mỗi tùy theo loại, hành ấm hết thì đã dứt cái mạch này. Còn cái mạng mạch của thức ấm lại càng vi tế, nên gọi là ảo tượng rỗng không. Ảo là hình như không. Tượng là hình như có. Hình như có, hình như không, lại rất rảo rỗng không. Rỗng không chẳng sanh chẳng diệt là cái thể Chân Như vậy. Ảo tượng là cái bóng dáng sanh diệt trong tám Thức. Thế nên, y theo Chân Như thì gọi là chánh giác, y vào thức thứ tám liên hệ lụy với vọng giác. Trái Giác, hợp trần nên gọi là vọng tưởng điên đảo. Thức ấm hết sạch tức là chuyển thức thành Trí, chuyển sanh diệt mà trụ nơi chẳng sanh chẳng diệt. Trừ cái vọng tưởng điên đảo vi tế Ảo tượng rỗng không này đâu có dễ gì ư ?

Nhà sư hỏi Tổ Hương Nham : “Như sao là Đạo ?”

Tổ Nham nói : “Rỗng ngâm nga trong cây khô.”

Hỏi rằng : “Như sao là người trong Đạo ?”

Tổ Nham rằng : “Con người ở trong sợ khô.”

Nhà sư đem hỏi Tổ Thạch Sương : “Như sao là : Rỗng ngâm trong cây khô ?”

Tổ Sương nói : “Còn đeo cái vui trong ấy.”

Hỏi rằng : “Như sao là : Con người trong sợ khô ?”

Tổ Sương nói : “Còn mang cái thức trong ấy.”

Nhà sư lại hỏi Tổ Tào Sơn : “Như sao là : Rỗng ngâm trong cây khô ?”

Tổ Sơn nói : “Huyết mạch chẳng đoạn.”

Hỏi rằng : “Như sao là : Con người trong sợ khô ?”

Tổ Sơn nói : “Chưa khô hết !”

Hỏi : “Chưa rõ lại có người được nghe chăng ?”

Tổ Sơn nói : “Khắp đại địa chưa có một ai chẳng nghe.”

Hỏi : “Chưa rõ Rỗng ngâm là chương cú gì ?”

Tổ Sơn nói : “Chẳng cần biết đó là chương cú gì, người nghe qua đều chết mất.”

Tổ Sơn lại dùng bài kệ chỉ dạy cho :

*“Cây khô rỗng ngâm, thật thấy Đạo
Sợ khô không Thức, mất tinh mơ
Vui, Thức hết rồi, tin tức hết
Đâu người để biện sạch trong dơ ?”*

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng : “Vua ở trong cửa, thần chẳng ra ngoài, nên cái vui, Thức đều hết, ắt con về với cha.”

Gọi là “Khô ráo hết” tức là thức ấm hết vậy. Chẳng có chương cú như vậy làm sao rõ được chương cú này ?

Kinh : “Anan, phải biết thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh Không của các hành, về đến nguồn thức, đã diệt sanh diệt nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Người ấy có thể khiến nơi thân mình, các căn khác nhau khi hợp, khi chia và cùng với các loài mười phương thông chung Tánh Giác. Cái giác tri thông suốt một màu vắng lặng, có thể nhập vào nguồn viên mãn.

“Nếu ở chỗ quay về, lập ra cái nhân chân thường mà sanh thẳng giải, thì người ấy sa vào cái chấp Nhân Sở Nhân, thành bạn bè với đám Sa Tỳ Ca La, quy về Minh Đế, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Nhất, lập ra cái tâm có chỗ đắc, thành cái quả có chỗ quy về, trái xa tánh viên thông, ngược với đạo Niết Bàn, sanh vào giống ngoại đạo.

Thông rằng : Cái thức ám trong lặng sáng suốt, do hành mà trôi chuyển. Hành ám đã Không, đã diệt cái tướng trôi chảy sanh diệt, nhưng còn nương cái nguồn thức trong lặng chẳng trôi, nên ở chỗ tịch diệt, sự tinh diệu chưa viên mãn.

Tịch diệt nghĩa là sanh diệt đã diệt, không còn phải dùng cái diệt để diệt sanh diệt nữa vậy. Ở đây thì diệt sanh diệt tức là còn thuộc về sự dùng công phu, nên chưa là Diệu, nguồn thức vẫn còn, nên chưa được Viên. Nhưng đã về nguồn thức, tiêu tan sáu căn, về trong một chỗ nên có thể khiến nơi thân mình sáu căn ngăn cách nhau mà có thể dùng thay nhau, hợp chia không ngại. Mượn căn mà phát ra sự sáng suốt, nắm bỏ tự tại như nhiên, không chỉ cái Tự Giác bên trong sáng rõ mà còn cùng với các loài mười phương thông chung tánh Giác. Tánh Giác của tất cả các loài tức là cái Giác của ta, Tánh Giác của ta tức là cái Giác của tất cả các loài. Cái Giác Tri thông nhau, dung hợp

không hai. Có thể vào nguồn Giác, viên dung không vướng ngại. Cái cội nguồn này viên mãn cùng cực là cội nguồn thọ mạng của các loài, cũng là cội nguồn phát ra cái giác của các loài. Mạng do đấy mà lập, giác do đấy mà khởi.

Đã là phát xuất từ cái giác nhưng không thấy có tướng tri giác, nên cho cái giác này là chẳng phải thường, vô giác mới là thường. Thế nên, Giác trở về với Vô Giác đó là Chân Thường, về đến nguồn thức, đó là cái nhân của Chân Thường. Vậy là lấy cái mơ màng mờ mịt của lúc tám thức chưa thành hình mà làm chỗ nương náu, cái đó ngoại đạo gọi là Minh Đế vậy. Đã có chỗ trở về, lại có cái sở nhân, mà năng nhân và sở nhân đều là hư vọng. Lập cái tâm có chỗ đắc, để thành ra cái quả có chỗ đắc thì nhân ấy quả ấy đều sa vào cái sở vọng. Có sở thì chẳng phải Viên, có sở tức chẳng Chân, nên nói là trái xa tánh viên thông, ngược với vô thượng Niết Bàn mà giống ruồi vậy.

Thiền sư Vân Cái Sơn Chí Nguyên nhân có Ông Đạo Chánh ở Đàm Châu dâng biểu xin Mã Vương mời sư luận nghĩa.

Nhà vua mời Ngài lên điện, ra mắt uống trà xong, sư đến xin vua cây gương, rồi cầm gương hỏi Đạo Chánh : “Trong giáo pháp của ông có nói “Mơ mơ màng màng trong ấy có vật”, đó là vật gì ? “Mờ mờ mịt mịt trong ấy có tinh”, đó là tinh hoa gì ? Nói được không chém, không nói được thì chém !”

Ông Đạo Chánh hoang mang mờ mịt, bèn lễ bái sám hối.

Thiền sư nói với Vua : “Bệ hạ biết người này không ?”

Vua đáp : “Biết.”

Sư nói : “Là ai thế ?”

Vua nói : “Đạo Chánh.”

Sư nói : “Chẳng phải ! Đạo ấy mà chánh thì đã đối đáp khế hợp được với sơn tăng. Đó chỉ là cây hòe côi vô chủ.”

Giá như ông đạo sĩ chẳng có phân vân mà đối đáp liền được rõ ràng thì cũng chẳng ra khỏi Minh Đế ! Đối cùng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cách nhau quá xa vậy.

Kinh : “Anan, lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh Không của hành ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Nếu ở chỗ quay về mà ôm làm tự thể của mình, tất cả chúng sanh trong mười hai loài khắp cả hư không đều ở trong thân mình tuôn khởi ra, rồi sanh thẳng giải thì người ấy sa vào kiến chấp Năng, Phi Năng, thành bạn bè với Trời Ma Hê Thủ La, hiện thân Vô Biên, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Hai, lập ra cái tâm Năng Vi, thành cái quả Năng Sự, trái xa tánh viên thông, ngược với đạo Niết Bàn, sanh vào giống Đại Mạn Thiên, cho cái Ta là cùng khắp viên mãn.

Thông rằng : Ở trước là luận Thường, Vô Thường, ấy là xem thấy cái tâm diệu mình cùng khắp mười phương cõi, trong lặng như nhiên mà cho là Thần Ngã rất ráo. Từ đó suy tính rằng cái Ta thì cùng khắp mười phương, lặng sáng chẳng động, còn tất cả chúng sanh tự sanh tự chết ở trong tâm mình. Tức là ở đây nói “Đều ở trong thân mình tuôn khởi ra”. Nhưng ở trước là chỉ thấy cái hành ấm, nên so tính về sanh diệt, còn đây là cái thấy cội nguồn, nên so

tính về cái Năng Vi.⁽¹⁾ Tuy chấp rằng mình có khả năng sanh các thứ loài mà thực ra không có khả năng đó, nên nói là cái chấp Năng, Phi Năng.

Nguyên do thọ sanh của mười hai loài nằm ở tại Ta, thì cho là từ Ta mà ra, không gì chẳng được. Cớ sao lại nói rằng “Phi Năng” ? Bởi vì, Ba cõi duy Tâm, vạn pháp duy Thức, không có cái ngã tướng để đắc nên có thể làm chủ muôn tượng vậy. Nay ở nơi nguồn thức mà ôm làm tự thể của mình, rồi cho rằng vũ trụ ở nơi tay, vạn vật hóa sanh từ nơi thân. Ấy là trộm thấy biển cả sanh ra bọt nước, mà tự thân chưa lia khỏi bọt nước, thì bọt nước có thể sanh bọt nước ư ? Một khi có cái Năng Chấp thì tuy hiện thân thông quảng đại, đều quay về chỗ kiêu mạn, vì Bất Năng mà gắng gượng cho là Năng vậy.

Ma Hê Thủ La⁽²⁾ ba mắt tám tay, cỡi trâu trắng, cầm phát trắng hay biến hiện vô biên thân chúng sanh, rồi nói rằng chúng sanh từ ta tuôn khởi ra. Sống ở cõi Trời Sắc Đảnh,⁽³⁾ chưa có thể vượt khỏi tam giới mà cho rằng có thể sanh tam giới thì há chẳng ngạo mạn ư ? Lập ra cái tâm “Mình có thể sanh kia”, cho rằng “Mình có thể thành tựu chuyện của kia”. Hễ còn một chút năng kiến thì chẳng tự viên mãn, nên gọi là trái xa tánh viên thông, ngược với đạo Niết Bàn.

Tổ Tuyết Phong khai thị đại chúng rằng : “Khắp cả đại địa giúm lại thành hạt gạo lớn, ném ngay trước mặt. *Thùng sơn*⁽⁴⁾ chẳng hiểu thì đánh trống khắp mời xem !”

1) Cái làm ra, cái tạo ra.

2) Đại Tự Tại Thiên.

3) Cao nhất cõi Sắc Giới.

4) Danh từ Thiên chỉ lúc chưa ngộ.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*"Hết đầu trâu, tới đầu ngựa
Trong gương Tào Khê tuyết bụi trần
Đánh trống xem kìa, sao không thấy
Trăm hoa xuân đến, nở vì ai ?"*

Ngày khác, Tổ Tuyết Phong lại nói : "Khắp cả đại địa là một con mắt lẻ của Sa môn, các ông hướng về đâu mà đi cầu ?"

Tổ Triệu Châu nghe kể lại, nói : "Nếu ông trở về, cho gởi cái mai !"

Ngài Hải Ấn Tín tụng rằng :

*"Mắt lẻ Sa môn không chứa vật
Muôn tượng sum la từ kia xuất
Cái mai, ai nhỉ, biết Triệu Châu
Cái chuyện "phóng hành", cần miên mật."*

Ngài Biệt Phong Ấn tụng rằng :

*"Tuyết Phong đi cầu chỗ nào
Mà Triệu Châu gởi cái mai ?
Con mắt lẻ Sa môn
Bừa bãi mới như vậy
Ha ! Ha ! Ha !
Trong nước Đại Đường tiếng trống nổi
Trong nước Tân La múa quá chừng !"*

Xem cái cử xướng này của Tổ Tuyết Phong, chỉ cốt yếu biết lấy cái bốn lai tuôn khởi ra tất cả, cái chỗ thật tế rất ráo không chút bóng dáng dấu vết. Nếu nói "Hay Hiểu", "Hay Ngộ", "Hay làm Nguồn Cội cho muôn pháp", ấy là tay nói tào lao, cần sử dụng cái mai của Triệu Châu mới được.

Kinh : “Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh Không của hành ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nếu ở chỗ quay về mà có chỗ nương tựa, tự nghĩ rằng thân tâm mình từ chỗ kia phát sanh ra, và cả mười phương hư không cũng đều do chỗ kia sanh ra, rồi ngay nơi cái chỗ sanh ra tất cả đó cho là thể chân thường không sanh diệt. Vậy là ở trong sanh diệt sớm chấp là thường trụ. Đã lầm là chẳng sanh, mà còn mê sự sanh diệt. An trụ trong mê lầm trầm trọng mà sanh thắng giải thì người ấy sa vào cái chấp Thường, Phi Thường, thành bạn bè của những kẻ chấp Tự Tại Thiên, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Ba, lập ra cái tâm Nhân Y, thành cái quả Vọng Kế, trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra dòng giống Đảo Viên.

Thông rằng : Trước nói “Nếu y nơi chỗ quay về mà lập ra cái nhân Chân Thường”. Quay về đã có chỗ, ấy là mình có chỗ về. Cái chỗ ta trở về quả thật có thể sanh ra ta, do vậy mà tự nghĩ thân tâm mình từ nguồn thức kia tuôn phát ra, mười phương hư không cũng do kia sanh khởi. Không tự mình khởi, nên nói là đều khởi. Chẳng tự mình phát, nên nói là tuôn xuất ra. Khi chưa có ta thì trước đã có thức này, không chỉ sanh mình ra mà còn sanh tất cả. Do đó mà mơ hồ thấy Thần Ngã là vô thường, còn nguồn thức là thường. Thần Ngã còn thuộc về thức thứ bảy. Nguồn thức thuần là thức thứ tám, cái ban sơ chưa động vậy ; bèn lấy nguồn thức làm cái thể chân thường không sanh không diệt. Ở chỗ lặng trong không động này, trong chỗ sanh diệt vi tế mà sớm chấp là thường trụ. Không chỉ không thấy tánh

chẳng sanh chẳng diệt chân thật mà còn mê, không biết pháp sanh diệt hiện tại. An trụ trong mê lầm trầm trọng mà cho là thắng giải. Đó là lấy cái chẳng phải thường làm thường, nên sa vào cái chấp Thường, Phi Thường. Như cho là Tự Tại Thiên sanh ra mình mà cho đó là thường, chẳng biết Tự Tại Thiên cũng chẳng phải là cõi trời thường trụ.

Đạo Thư nói : “Thái Ất là cái khí nguyên nhất. Ban đầu sanh ở trên Thái Hư, có cõi trời Ngọc Kinh. Bốn phương, mỗi phương đều có tám cõi trời, ba mươi hai vị Đế ở đó. Ở trên cõi Ngọc Kinh có ba cõi Trời Tam Thanh : Ngọc Thanh, Thượng Thanh và Thái Thanh. Ở trên cõi trời Tam Thanh lại có mười cõi trời Hư Hoàng, là chỗ ở của Nguyên Lão Nguyên Tôn và Thiên Hoàng Cửu Hoàng”. Đó là cõi trời Sắc Đảnh và Không Cư, ngoại đạo không thể biết rõ, bèn cho đó là cội gốc sanh trời sanh đất. Và chỗ nói rằng “Thiên Hoàng giáng cửu khí làm ra cái Hồn Độn” thì cũng như bên Tây Vực cho Đại Phạm Thiên làm chủ tế của vũ trụ, đều phát xuất từ kiến chấp trên. Đó là lập ra cái tâm Nhân Y,⁽¹⁾ nương vào cái nhân là nguồn thức, cho là sanh ra mình mà thành cái quả Vọng Kế,⁽²⁾ lầm cho là thường trụ, chẳng phải do mình vậy.

Trước kia thì suy tính rằng ta sanh ra tất cả vật, ở đây thì nghĩ rằng mình hoàn toàn do cái kia sanh, nên gọi là Đảo Viên. Đó là muốn quên Ngã, quên Năng mà không thể mất hết cái tướng sanh, nên nói là “*Trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn*”.

Thiền sư Đại Ninh Khoan khai thị đại chúng, đưa cây gậy lên, nói : “Tánh mạng của Phật trước, kỷ cương của Phật

¹⁾ Nương cái nhân.

²⁾ Suy lầm.

sau đều trọn ở trong ấy. Như nay sử dụng đến thì làm mây, làm mưa, làm điềm tốt, làm điềm lành, lợi người, lợi trời, ra sanh vào tử. Thế giới tha phương khởi chìm, cuốn mở. Dù cho suốt thân là miệng, nói cũng chẳng cùng, suốt thân là mắt, soi chẳng hết. Một niệm tương ưng, sát na vạn kiếp !”

Tổ Từ Minh khai thị đại chúng : “Đạo Ngô gióng trống, bốn đại bộ châu cùng dự. Trụ trường quơ ngang, quảy hết càn khôn đại địa. Bình bát mà chuyển, che hết hàng sa thế giới. Thử hỏi tất cả các ông hướng về chốn nào để an thân lập mệnh ? Nếu mà biết chỗ an thân lập mệnh : Bắc Cu Lô Châu ăn cơm, xoi cháo. Nếu mà chẳng biết : Ngồi mãi trên sàng xoi cháo, ăn cơm !”

Đây là các vị Tôn túc chỉ thẳng ra cái chẳng sanh chẳng diệt, là thể chân thường. Thử nói xem là có về nương hay không về nương ? Đừng ngại, nghi đi !

Kinh : “Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tốt tánh Không của hành ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nếu nơi chỗ hay biết, nhân sự hay biết cùng khắp mà lập ra cái nhận thức rằng cỏ cây mười phương đều gọi là hữu tình, không khác với người. Cây cỏ làm người, người chết rồi trở lại thành cỏ cây mười phương. Ở nơi cái hay biết cùng khắp, không có chọn lựa và cho là thắng giải. Người ấy sa vào kiến chấp Tri, Vô Tri, thành bạn bè của bọn Bà Tra, Tiển Ni chấp tất cả đều có hay biết, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Tư suy tính cái tâm Viên Tri thành cái quả sai lầm, trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống Đảo Tri.

Thông rằng : Ở trước thì quay về Minh Đế, mờ mịt không biết, nhưng cái biết thì không thể diệt được, nên nhân cái biết lập ra nhận thức rằng nguồn thức có biết, mà tất cả các pháp đều do cái biết biến khởi ra. Bởi cho rằng cái thể của tánh Biết trái khắp cùng các pháp, đến nỗi nói rằng loài vô tình đều có biết, không có chọn lựa. Đó là lấy cái Không Biết làm cái Biết, nên gọi là Đảo Tri.⁽¹⁾

Bộ Hóa Thơ của Ông Đàm Tử⁽²⁾ có nói : “*Cây Phong già hóa làm đạo sĩ. Hạt lúa mục hóa làm bướm. Đó là từ vô tình mà thành hữu tình vậy. Cô hiền nữ hóa thành bia đá, con trùn núi hóa thành cây bách hợp. Đó là từ hữu tình mà thành vô tình vậy. Thế thì cái gì là người, gì là ta, gì là có thức, gì là vô thức ? Vạn vật là một vật, vạn thân là một thân vậy.*”

Đó là kiến chấp “Cỏ cây làm người, người làm cỏ cây” vậy.

Có nhà sư hỏi Quốc sư Huệ Trung : “*Cổ đức nói : Xanh xanh trúc biếc trợn là Pháp Thân, rờ rờ hoa vàng dâu không Bát Nhã. Có người không chịu, bảo là tà thuyết. Cũng có người tin, nói bất tư nghì. Không biết như thế nào ?*”

Quốc sư nói : “*Đây là cảnh giới của Đức Phổ Hiền, Văn Thù chẳng phải hàng phàm phu tiểu khí có thể tin nhận. Ý chỉ hợp với kinh Đại Thừa Liễu Nghĩa. Bởi thế, kinh Hoa Nghiêm nói “Phật Thân đầy tràn pháp giới, khắp hiện trước tất cả chúng sanh, tùy duyên cảm hiện không đâu chẳng khắp mà hằng tại tòa Bồ Đề này”. Trúc biếc đã chẳng ngoài pháp giới, há chẳng phải Pháp Thân đấy sao ? Lại nữa, kinh Bát Nhã nói “Vi sắc vô biên nên Bát Nhã*

¹⁾ Biết trái ngược.

²⁾ Thuộc Đạo Gia.

cũng vô biên". Hoa vàng đã chẳng vượt ngoài sắc, há chẳng phải là Bát Nhã đó sao ? Lời nói sâu xa, kẻ chưa tỉnh ngộ khó mà hiểu được."

Nghe xong, thiền khách làm lễ mà đi.

Lại có Thầy Tòa chủ giảng Hoa Nghiêm hỏi Hòa thượng Đại Châu rằng : "Thiền khách cứ sao chẳng chịu "Xanh xanh trúc biếc trọn là Pháp Thân, rờ rờ hoa vàng không chi chẳng là Bát Nhã" ?"

Tổ Châu nói : "Pháp Thân không có hình tượng, ứng ra trúc biếc mà thành hình. Bát Nhã vô tri, đối hợp hoa vàng mà hiện tướng. Chẳng phải hoa vàng, trúc biếc kia mà có Bát Nhã, Pháp Thân. Thế nên, kinh nói "Chân Pháp Thân của Phật giống như hư không. Ứng vật hiện hình như trăng trong nước". Nếu hoa vàng thật là Bát Nhã thì Bát Nhã đồng với vô tình. Trúc biếc nếu thật là Pháp Thân thì Pháp Thân là đồ ứng dụng. Tọa chủ có hiểu không ?"

Đáp rằng : "Chưa hiểu được ý này."

Tổ Châu nói : "Như là người thấy Tánh thì nói phải cũng được, nói chẳng phải cũng được, tùy chỗ dùng mà nói, chẳng kẹt phải hay chẳng phải. Còn như người chẳng thấy Tánh, nói trúc biếc thì dính mắc trúc biếc ; nói hoa vàng thì dính mắc hoa vàng ; nói Pháp Thân thì kẹt Pháp Thân ; nói Bát Nhã chẳng hay Bát Nhã. Bởi thế mà đều thành ra tranh luận."

Vị Tọa chủ lễ tạ rồi đi.

Tổ Diệu Hỷ nói : "Trong chúng thương lượng Đạo, hai vị Tôn túc thiết tha thế kia. Một người được cái thể, một người được cái dụng. Được cái dụng thì trên sự mà kiến lập, được cái thể thì trên lý mà quét dẹp. Đó là chỗ nói là "Thật Tế Lý Địa không nhận hạt bụi, trong cửa Phật sự

chẳng bỏ một pháp” vậy. Ta làm Pháp Vương, nơi pháp tự tại, hoặc đề hoặc nâng, không được không mất, cái kiến giải như vậy gọi là anh lùn xem kịch ! Chỗ thấy của Diệu Hỷ, các ông cũng cần chung biết. Há chẳng nghe nói *“Đập tan xương sống con lừa, leo lên chân con ruồi xanh”* ư ?

Lại có nhà sư hỏi Tổ Vân Môn : “Như sao là Thanh Tịnh Pháp Thân ?”

Tổ Môn nói : “Hoa Dược Lan.”

Nhà sư hỏi : “Bèn cứ như vậy thì sao ?”

Tổ Môn nói : “Sư tử lông vàng.”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Hoa Dược Lan, chớ mơ màng !
 Vạch số ở cán, không tại bàn cân
 Bèn như vậy, thật không mối manh
 Sư tử lông vàng, tay tổ nắm.”*

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng : “Giặc đến cần đánh, khách tới cần đãi. Vân Môn, Tuyết Đậu, cả hai đều là tay tổ. Trong ấy làm gì có chuyện *“Bèn cứ như vậy”* đâu ? Rất kỳ lạ, chạm đầu, đụng trán đấy !”

Căn cứ theo chỗ thấy của các vị Tôn túc trên thì cái Viên Diệu còn không thể *“Bèn cứ như vậy”*, huống gì trong ấy lại so tính cái tâm *“Biết hết”* để thành cái quả sai lầm ư ?

Kinh : “Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh Không của hành ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nếu ở trong chỗ viên dung của các căn dùng thay lẫn nhau đã được tùy thuận, bèn ở nơi tánh viên dung biến hóa phát sanh các thứ mà cầu cái ánh sáng của hỏa đại, ưa cái trong sạch

của thủy đại, thích cái tràn khắp của phong đại, nắm cái thành tựu của địa đại. Mỗi mỗi đều sùng phụng cho các đại kia là bản nhân, lập thành cái nhận thức thường trụ thì người ấy sa vào cái kiến chấp Sanh Vô Sanh, thành bè bạn của nhóm Ca Diếp Ba và Bà La Môn, đem hết thân tâm thờ nước, thờ lửa để cầu ra khỏi sanh tử, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Năm, chấp trước sùng phụng, mê tâm theo vật, lập ra cái nhân mong cầu hư vọng mà đợi cái quả giả dối, trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống Điên Hóa.

Thông rằng : Hành ấm dã không, thì sáu căn dùng thay nhau. Các căn đều viên dung, phát sanh biến hóa, tùy thuận không ngại bèn ở nơi tánh viên dung biến hóa tất cả đều có thể phát sanh mà cho rằng sáu căn này do bốn đại thanh tịnh mà có, cái tánh của bốn đại thanh tịnh là thường trụ ở thế gian, chưa từng ngừng diệt. Đã có thể hóa khởi sáu căn thì tất cả tiền trần đều do đó mà phát khởi, vậy bốn đại thanh tịnh là bốn nhân khởi ra mọi thứ. Trước mắt thì địa, thủy, hỏa, phong biến diệt vô thường mà cái địa bốn nhân thì thường trụ không đổi, nên cầu cái ánh sáng của hỏa đại, nghĩa là cầu cái tánh thường trụ của ánh sáng vậy. Ưa cái trong sạch của thủy đại, nghĩa là cái tánh thường trụ của trong sạch. Thích cái tràn khắp của phong đại, nghĩa là cái tánh thường trụ của tràn khắp. Nắm cái thành tựu của địa đại, nghĩa là cái tánh thường trụ của thành tựu vậy. Ở mỗi cái đều sùng phụng, cầu ra khỏi sanh tử. Chẳng phải sùng phụng cái tướng sông, mà muốn nhân cái tướng mà được cái tánh. Như Đồng tử Nguyệt Quang ban đầu tu tập pháp Quán Nước, qua nhiều kiếp

mới có thể làm một với nước. Cái ý sùng phụng của ngoại đạo cũng mừng tương như vậy, muốn hợp làm một với cái tánh của bốn đại, thường trụ ở thế gian mà gọi là chẳng sanh diệt. Đây chẳng phải là chỗ cầu mà lại cầu, nên gọi là “Cầu hư vọng”, chẳng phải chỗ đợi mà đợi nên gọi là “Đợi giả dối”.

Việc sanh của bốn đại, là cái sanh của hữu vi. Sự hóa của bốn đại, là cái hóa của hữu vi. Bốn đại là cái bị sanh chứ thật chẳng có thể sanh. Bốn đại là cái bị hóa, chứ thật chẳng có thể hóa. Chấp cái không có sanh này mà cho là sanh thì điên đảo cái lý biến hóa, nên gọi là Đảo Hóa. Tâm vốn là nguồn gốc của vạn hóa. Tất cả vạn vật đều do tâm mà có ra. Nay đây chẳng biết tâm mà chạy theo vật, bỏ gốc theo ngọn mà muốn ra khỏi sanh tử, lại ngược vào sanh tử, bỏ mất Chánh Tri Kiến, ngu si đến nỗi như vậy thì há chẳng trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn ư ? Do thế mà quên mất cái Biết, hết mất chỗ thấy thì mong cái chẳng sanh diệt quả là khó vậy !

Xưa, Ngài Lỗ Tổ hề thấy có nhà sư đến bèn quay mặt vô vách.

Tổ Nam Tuyên nghe vậy, nói : “Tôi bình thường hướng về người khác mà nói : Hãy nhận lãnh cái “Không kiếp về trước”, hiểu lấy cái “Thuở Phật chưa ra đời” mà còn chưa được một phần, nửa phần. Kia như vậy, thì đến tết năm Lừa thôi !”

Ngài Bửu Phước hỏi Tổ Trường Khánh : “Như Ngài Lỗ Tổ, phẩm hạnh ở chỗ nào mà bị Tổ Nam Tuyên nói như thế ?”

Tổ Khánh nói : “Lui mình nhường người, trong muôn người không có được một.”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Trong nhật có vị
 Diệu thoát tình phàm
 Miên miên nhược tồn, hễ, trước khi hình tượng
 Lù dù như ngu, hễ, đạo kia thật quý
 Ngọc chạm mất đi thuần diệu
 Châu trong vực hằng tự tươi
 Mười phần khí trong, hễ, nắng thu sạch bóng
 Một mảnh mây nhàn, hễ, xa phân trời nước.”*

Chỗ này há hạng Bà La Môn “nhìn vách” có thể góp lời được ư ?

Lại Tổ Tuyết Phong hỏi nhà sư : “Chốn nào đến ?”

Đáp : “Thần Quang đến.”

Tổ Phong nói : “Ngày thì gọi là nhật quang. Đêm thì gọi là hỏa quang. Thế nào là thần quang ?”

Nhà sư không chỗ trả lời.

Tổ Tuyết Phong tự thay thế nói rằng : “Nhật quang, hỏa quang. Có nói nhật quang, hỏa quang thì hãy dẹp quách cái thần quang cho xong !”

Cần phải thấy các tướng chẳng phải tướng mới liên hợp với ý chỉ Vô Sanh !

Kinh : “Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh Không của hành ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nếu ở nơi chỗ viên minh, chấp sự trống không trong viên minh, bác bỏ tiêu diệt các sự vật biến hóa. Lấy sự vĩnh viễn diệt mất làm chỗ quy y, rồi sanh thẳng giải thì người ấy sa vào kiến chấp Quy Vô Quy thành bè bạn của nhóm chấp Không

trong Vô Tướng Thiên, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Sáu, vẹn thành tâm hư vô, kết nên cái quả Không Vong, trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống Đoạn Diệt.

Thông rằng : Ở trước thì vọng chấp bốn đại là chẳng sanh diệt, bèn sa vào thường kiến. Ở đây thì phá diệt các sự vật biến hóa mà nương về cái vĩnh viễn diệt mất, đó là sa vào đoạn kiến.

Cái trống không trong cái sáng, cái sáng trong cái trống không, thì hình như bày hiện tánh Viên Minh, độc chỉ chấp chặt cái trống rỗng ở trong tánh sáng, lấy cái vô quy làm quy, trụ yên nơi tánh không bèn sa vào quả Vô Tướng Thiên.

Nhóm Chấp Không không có thân cảm xúc, ở trong hào quang của Phật, ánh sáng khiến tạm thấy. Do lấy Không làm nhân, nên cũng lấy Không làm quả, thế bèn dứt mất chủng tánh Như Lai, nên gọi là “Cháy mầm, hư giống” vậy. Ngoại đạo lấy đó làm Niết Bàn, nên cách xa Niết Bàn chân thật ngàn dặm muôn dặm !

Có nhà sư hỏi Tổ Vân Môn : “Khi cây héo lá rụng thì thế nào ?”

Tổ Môn nói : “Thế lộ gió vàng !”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Hỏi đã có Tông
Đáp cũng tương đồng
Ba câu rõ được⁽¹⁾
Một cú rỗng không*

¹⁾ Vân Môn có tam cú.

Đồng rộng hê, gió mát rào rào
 Trời cao hê, mưa xa lất phất
 Anh chẳng thấy
 Thiếu Lâm ngồi mãi, khách chưa về
 Yên vương Hùng Nhĩ, chùa rộn rịp."

Tổ Huyền Sa thượng đường rằng : "Phật Đạo mênh mông không đường lối nhất định. Không có cửa là cửa giải thoát, không có ý là ý đạo nhân. Chẳng ở ba mé⁽¹⁾ nên không thể thẳng trâm. Kiến lập thì trái với Chân nên chẳng thuộc về tạo tác. Động ắt khởi lên cội gốc sanh tử, tịnh thì mê muội nơi chốn hôn trầm. Động tịnh đều mất thì lạc vào Không Vong. Động tịnh đều thâm thì mơ hồ Phật Tánh. Hẳn phải đối trần, đối cảnh như tro lạnh, cây khô. Lúc đến hạp dùng, chẳng mất phép tắc. Như gương soi hình tượng, chẳng loạn ánh sáng. Chim bay trong không chẳng lấm vè không. Bởi thế, mười phương không có ảnh tượng, ba cõi bật dứt hành tung. Chẳng sa vào cái cơ lui tới, chẳng trụ nơi cái ý trung gian. Trong chuông không có tiếng vang của trống, trong trống không có tiếng vang của chuông. Chuông trống chẳng tương giao, câu câu không sau trước. Như trảng sī duỗi tay chẳng nhờ tha lực, sư tử dạo chơi nào cần bạn lứa ? Hư không hết nhậm, nào do soi suốt ! Một dải quang minh chưa hề mờ tối. Đến vào trong ấy, thể bật bật, thường sáng quắc, mặt trời chói rực, bày bố vô biên ! Trong Viên-Giác-Không chẳng động lay. Nuốt sáng cần khôn soi tột khắp."

Tổ Huyền Sa, Vân Môn thấy suốt chân thể Niết Bàn vốn không sanh diệt, phát huy chỗ tinh diệu như vậy đủ cho hàng ngoại đạo dựng tóc gáy.

¹⁾ Quá khứ, hiện tại, vị lai.

Kinh : “Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh Không của hành ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nếu nơi tánh Viên Thường củng cố cái thân cho thường trụ như tánh ấy, mãi không suy mất mà sanh thẳng giải, thì người ấy sa vào cái chấp Tham Phi Tham, thành bè bạn của nhóm A Tư Đà, cầu được mạng sống lâu dài, mê muội Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Bảy, bám níu cái mệnh căn, lập cái nhân củng cố vọng thân hưởng theo cái quả khổ nhọc lâu dài, trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống Vọng Diên.⁽¹⁾

Thông rằng : Thoảng thấy tánh Viên Minh, bèn chấp theo tướng “Trống không trong cái sáng”. Thoảng thấy chỗ viên thường bèn chấp theo cái tướng thường chẳng hư hoại. Chỗ này thì người trí cũng không tránh khỏi. Nhưng tánh Viên Minh chưa từng chẳng trống không, mà cái trống không đó chẳng thể chấp níu. Chấp nắm cái trống không ấy thì sa vào *Không*. Cái tánh thuần trong toàn vẹn chưa từng chẳng thường, mà cái thường kia không thể chấp níu. Chấp nắm cái thường ắt chạy theo khổ nhọc.

Trang Tử nói “Đại khối làm nhọc ta vì cái sống”. Các cách tu luyện như gấu vươn vai, chim ngẩng cổ, nôn cũ thâu mới cũng là chuyện nhọc nhằn, nên gọi là “*Khổ nhọc lâu dài*”. Vả chẳng, cái sắc thân bốn Đại này bị định nghiệp ràng buộc. Cái phân đoạn sanh tử chẳng thể làm cái biến dịch sanh tử, cái biến dịch chẳng thể làm cái phân đoạn. Thân vốn vô thường, thật chẳng thể tham mà nay lại bám

¹⁾ Kéo dài sự hư vọng.

nú muốn được lâu dài, nên gọi là cái chấp Tham Phi Tham. Tuy các vị tiên trưởng thọ có được cái thuật này mà chứng sự trường thọ chẳng qua là củng cố cái vọng thân mà thôi, đối với tánh Chân Thường không hư hoại rất là xa cách, nên gọi là trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn.

Bám nú mạng căn, lặng đứng cái Thức Tinh, lặng trong chẳng giao động bèn có thể vượt khỏi Vô Tướng Thiên mà sanh cõi trời Phi Phi Tướng. Đây gọi là hạng ngoại đạo Đệ Nhất ở Tây Vực, trọng việc củng cố thân cho thường trụ, cùng lắm là hết tám vạn kiếp lại lọt vào luân hồi. Thế thì sao có thể thường trụ ư ?

Tổ Huyền Sa nhân uống lầm thuốc, cả người đỏ rần, có nhà sư hỏi : “Thế nào là Pháp Thân kiên cố ?”

Tổ Sa nói : “Cõi đất mù giọt lộp độp !”

Hòa thượng Hoài tụng rằng :

*“Nhều nhều suốt thân là mù thối
Trên thuyền câu cá, hiển gia phong
Người đời chỉ ngó trên dây nhợ
Chẳng thấy hoa lan đối liễu hồng.”*

Hòa thượng Đoan nói : “Từng có người hỏi Ngài Pháp Hoa “Thế nào là thanh tịnh Pháp Thân ?”, thì Ngài chỉ đáp “Cứt thúí ngất trời”. Lại nói : “Trên lá hoa sen hóa làm trẻ nhỏ”. Thử nói là đồng hay khác với cổ nhân ?”

Ngài Pháp Hoa cũng có bài tụng :

*“Cứt thúí ngất trời cũng ngẫu nhiên
Pháp hoa đâu dám vì ông tuyên*

*Mũi kia mà có thông thiên khiếu⁽¹⁾
Cứ việc hoành hành khởi xỏ xiên."*

Ở đây, các vị Tôn túc đối với cái Pháp Thân kiên cố trong đàm luận mà còn muốn nôn ra, hướng gì cái sắc thân thô lậu này mà muốn giả dối kéo dài ư ?

Nhưng cũng có vị nương nguyện lực mà trở lại, chẳng phải nhờ tu luyện mà đắc.

Như Ngài Thiên Tuế Bảo Chương người Trung Ấn, sanh năm Thứ Mười Hai đời Châu Uy Việt, bàn tay trái nắm lại, đến năm bảy tuổi làm lễ cạo tóc mới mở ra, do đó mà có tên là Bảo Chương.⁽²⁾ Khoảng đời nhà Ngụy Tấn, sang Trung Hoa, vào đất Thục làm lễ Đức Phổ Hiền. Thường không ăn, hàng ngày tụng các kinh Bát Nhã hơn ngàn cuốn, có bài vịnh rằng :

*"Nhọc nhìn răng ngọc lạnh
Tợ dòng suối tuôn nhanh
Có lúc đêm thâu ngồi
Trước thêm quý thần khóc."*

Một hôm, Ngài bảo đại chúng : "Ta có lời nguyện ở thế ngàn tuổi, năm nay là sáu trăm hai mươi sáu năm !"

Bởi thế có danh xưng là Thiên Tuế.⁽³⁾

Kế đó, Ngài dạo núi Ngũ Đài, dời đến ở chùa Hoa Nghiêm, núi Chúc Dung, núi Song Phong ở Hoàng Mai ; rồi chùa Đông Lâm ở Lư Sơn, đều tìm đến để xây dựng.

¹⁾ Lỗ thông trời.

²⁾ Nắm tay quý báu.

³⁾ Ngàn năm.

Gặp lúc Tổ Đạt Ma vào nước Lương, bèn đến hỏi ý chỉ, được khai ngộ. Vua Võ Đế tôn kính tuổi đạo cao, mời vào trong triều. Chẳng bao lâu lại vào đất Ngô, có bài kệ rằng :

*“Thành Lương gặp Đạo sư
Tham thiền rõ tâm địa
Rong chơi hai xứ Triết
Hết trọn non nước đẹp.”*

Thuận dòng xuống miền Đông giáp Thiên Trúc, ở núi Mậu Phong, lên non Thái Bạch, vượt qua núi Nhạn Đẳng, bàn luận ở núi Thúy Phong, cả thầy bảy mươi hai cái Am. Trở về Xích Thành, dừng nghỉ ở các nơi Vân Môn, Pháp Hoa. Trở lại núi Phi Lai, ngụ ở non Thạch Đậu, đi hết bốn trăm Châu của Trung Hoa. Trong xứ này gọi là Đạo Nhân du phương. Đó là năm Thứ Mười Lăm niên hiệu Trinh Quán. Sau ở chùa Bửu Nghiêm đất Phổ Giang, kết bạn hiền với Lăng Thiền sư. Mỗi khi thăm hỏi thì cho con chó trắng mang thơ sang, Ngài Lăng cũng sai một con vượn xanh làm sứ giả. Nên nơi vách sư Lăng có câu “Chó trắng ngâm thơ đến. Vượn xanh rửa bát về”.

Ngày mồng Một Tết năm Thứ Hai niên hiệu Hiên Khánh, Ngài tự đắp một bức tượng, đến mồng Chín thì xong, mới hỏi đệ tử là Huệ Vân : “Cái này giống ai ?”

Đáp rằng : “Dạ, chẳng khác Hòa thượng.”

Liên đó đi tắm, thay áo, ngồi kiết già, bảo Huệ Vân : “Ta trụ thế một ngàn lẻ bảy mươi hai năm, nay sắp từ già.

“Hãy nghe kệ ta :

*“Bổn lai không sanh tử
Nay cũng bày sanh diệt*

*Ta đặng tâm ở-đi
Lại về đây năm khác."*

Chốc lát lại dặng dò : "Sau khi ta tịch sáu mươi năm, có nhà sư đến lấy hài cốt ta thì đừng ngăn cản."

Nói xong, thì đi thoát.

Hơn năm mươi bốn năm sau, có Trưởng lão Thích Phù từ Vân Môn đến tháp, làm lễ rồi nói : "Xin tháp mở rộng ra."

Chốc lát cửa tháp quả nhiên mở rộng, bộ xương liền nhau như màu vàng ròng. Thích Phù bèn mang sang đất Tần Vọng xây tháp chôn thờ.

Từ năm Đinh Mão đời Châu Uy Liệt đến năm Đinh Tỵ niên hiệu Hiến Khánh đời Đường Cao Tông đúng một ngàn lẻ bảy mươi hai năm ! Đến nước này trải qua hơn bốn trăm năm. Hàng ngoại đạo cầu sống lâu mà có thể như Ngài Bảo Chưởng có mấy người ư ?

Kính : "Lại nữa, thiện nam tử ấy cùng tội tánh Không của hành ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của tịch diệt. Xét mệnh căn thông lẫn với nhau, lại muốn giữ lại nơi trần lao, sợ nó tiêu hết. Bèn ở giới hạn này, ngồi cung liên hoa, hóa ra nhiều thứ bảy báu cùng nhiều mỹ nữ, buông lung tâm mình mà sanh thắng giải. Người ấy sa vào cái chấp Chân Vô Chân thành bè bạn của nhóm Tra Chỉ Ca La, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

"Đó gọi là hạng Thứ Tám, lập cái nhân tà tư¹⁾ thành cái quả xí trần, trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống Thiên Ma.

¹⁾ Nghĩ bậy.

Thông rằng : Thức ẩm là cái cội nguồn mạng sống của mười hai loài chúng sanh. Mệnh của mình thông với kia, mệnh của kia thông với mình, nên gọi là thông lẫn nhau. Nếu thức ẩm hết thì mạng của chúng sanh mười phương lập tức hết ráo, mạng mình cũng hết, ai chứng lý Chân Thường ? Ai giáo hóa chúng sanh ? Chỉ có Chân Thường mà không có người chứng Chân Thường, nên sợ tiêu hết, muốn ở lại nơi trần lao mà độ thoát chúng sanh. Ban đầu ngồi cung liên hoa, biến hóa ra nhiều các thứ bảy báu, ý chẳng phải xấu. Kế rồi thêm nhiều mỹ nữ, phóng túng tâm mình thì cái tà tư xen vào rồi vậy. Nương theo cái tà tư này mà muốn chứng chân thường, khởi ra cái dụng biến hóa mà không biết lỗi lầm nên gọi là cái chấp Chân Vô Chân.

Tra Chỉ Ca La là trời Tha Hóa Tự Tại ở trên đỉnh Dục Giới, hay biến hóa ra cảnh dục để tự vui thích. Trời Tha Hóa chưa hẳn đều là ma, nhưng việc thần biến của Ma Vương cũng cùng loại nên cùng ở chung. Chỉ vì dục trần như lửa nên gọi là Xí Trần.⁽¹⁾ Mười loại Thiên Ma ở trước (Tướng Ấm) đều lên làm việc tham dục, đó là chỗ phát ra của tà tư, chẳng thể cấm ngăn. Không bám trước thì gọi là Trời, có bám trước thì gọi là Ma. Kinh Pháp Hoa nói : “Các ông chớ nên thích ở cái nhà lửa của ba cõi. Không nên tham các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc thô tế. Nếu tham bám sanh ra ái liền bị thiêu đốt”.

Xưa, Ông Uất Đầu Lam Phát dùng cái trí thế tục hàng phục được những mê lầm bậc thấp, được Phi Tướng Định, đủ năm thứ thần thông. Nhà vua bấy giờ tôn trọng, mời vào cung, các cung nữ đón lấy chân ông mà làm lễ. Ông

¹⁾ Trần cảnh lấy lừng.

Uất Đầu Lam Phát tiếp xúc với tay người nữ, bèn sanh ham muốn, liền mất thần thông. Ăn xong, đi bộ từng bước về núi.

Nên chi có bài kệ rằng :

*“Vừa sanh một niệm dục
Liền mất ngũ thần thông.”*

Loại Thiên Ma thích biến hóa này, do trấn áp thức ấm mà được, nên hễ nghĩ bậy phát ra là mất. Quả báo thần thông đã hết thì rơi vào sự chìm đắm. Cái vui này đâu có thể thường, nên gọi là Chân Vô Chân vậy.

Như chỗ hiện thân lực của Đại sĩ Duy Ma, lúc ấy Phật Tu Di Đấng Vương khiến cho ba vạn hai ngàn tòa sư tử rộng lớn nghiêm tịnh đến nhập vào thất của Đức Duy Ma Cật. Các vị Bồ tát, Đại Đệ Tử, Đế Thích, Phạm Thiên, Tứ Thiên Vương thấy điều xưa giờ chưa từng thấy là cái thất rộng lớn mênh mông chứa trọn ba vạn hai ngàn tòa sư tử không hề trở ngại.

Thiền sư Bửu Giác nói : “Cho tòa sư tử là cao rộng, thất Tỷ Da là nhỏ hẹp, nghĩ đến cái khoảng chất chứa liền thành ra trở ngại. Đây là lực thần thông chân thật, nên chẳng thể nghĩ bàn !”

Kinh : “Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh Không của hành ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của tịch diệt. Ở trong chỗ cội gốc rỗng sáng của mạng căn, phân biệt cái tinh, cái thô để quyết rõ chân, ngụy. Nơi nhân quả đền đáp, chỉ cầu cảm ứng, trái ngược với đạo thanh tịnh là thấy Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo mà ở nơi chỗ Diệt cho là xong, không chịu tiến tới rồi sanh thắng giải. Người ấy sa vào hàng Định Tánh Thanh Văn, thành bạn bè của nhóm

tăng Vô Văn là những người tăng thượng mạn, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Chín, cố viên thành cái tâm Tinh Ứng, thành cái quả Thụ Tịnh, trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống Triền Không.

Thông rằng : Thức ấm hiển lộ nên gọi là gốc mạng căn rộng sáng. Cái thức thì ngậm chứa chủng tử hữu lậu và vô lậu. Nay ở trong đó phân biệt lựa chọn : Khổ, Tập là hữu lậu, gọi rằng thô, rằng ngụy ; Đạo, Diệt là vô lậu, gọi rằng tinh, rằng chân. Chọn bỏ đi cái Khổ, Tập thô, ngụy mà giữ lại cái Diệt, Đạo tinh, chân. Tu Đạo là cảm, chứng diệt là ứng. Ý chỉ muốn nắm lấy điều này, chẳng chịu tiếp thêm. Đây là pháp luân Tứ Đế, vốn tu viên quán Pháp Giới bình đẳng, lìa cái dơ nhị biên, gọi là Thanh Tịnh Đạo.

Nay lại phát khởi cái tri giải “ưa, ghét” của Tiểu thừa, chẳng rời nhân quả, dừng ở chỗ Diệt Đế mà ngừng nghỉ, đó là cái dơ của phía thanh tịnh, nên gọi là trái ngược. Hướng về chỗ tịnh lặng, bị ràng buộc nơi cái trống không, chứng nơi pháp chân riêng lệch, so với cái đoạn diệt ở trước có hơi khác. Ở trước là một bề hướng về Không, thuộc về trời Vô Tướng. Còn đây thì có Diệt Đế để chứng, thuộc về Tứ Không Thiên hay là ràng buộc nơi cái Không, mong viên thành tâm cảm ứng nên bị sự tịch lặng ràng buộc, không thể hướng về Đại thừa.

Hàng định tánh Thanh Văn đã chứng Bát Định nhưng chưa chứng lậu tận, vướng mắc vào giáo pháp Tứ Đế, nên Phật gọi là Thanh Văn, không thể phát ngộ cầu tiến đến Vô Thượng Bồ Đề. Khi nghe Đức Phật nêu lên pháp môn Đốn Giáo thì bèn bỏ chỗ rút lui, ấy gọi là tăng thượng mạn. Chưa đắc cho là đắc, rốt rồi thuộc về nhóm Tỳ kheo Vô Văn.

Người xưa nói : “Chớ giữ cỏ lạ xanh hang lạnh. Mây trắng ngồi yên chẳng nhiệm màu”. Bởi thế, am chủ Liên Hoa đưa cây gậy lên, chỉ bày đại chúng : “Người xưa đến trong ấy, vì sao chẳng chịu trụ ?”

Đại chúng không có lời đáp.

Tổ tự thay thế nói rằng : “Vì kia đường lối chẳng đặc lực !”

Lại nói : “Rốt ráo là sao ?”

Lại tự thay thế nói rằng : “Đòn gánh vác ngang chẳng đoái người. Thẳng vào ngàn, muôn đỉnh núi đi.”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Trong mắt : cát bụi ; trong tai : đất
Ngàn ngọn, muôn ngọn nào chịu ở
Hoa rơi nước chảy cùng man mác
Dựng đứng lông mày, chỗ nào đi ?”*

Lại có nhà sư hỏi Thiên sư Vân Cư Giản : “Đỉnh côi độc ở thì thế nào ?”

Tổ Cư nói : “Trong chín gian tăng đường chẳng có nằm, ai dạy ông đỉnh côi độc ở ?”

Ngài Đơn Hà tụng rằng :

*“Pháp thế, không tu, vốn trọn phần
Bình thường thù đáp quá phân minh
Tuy rằng chỉ thẳng Trường An lối
Khổ nổi khách chơi chẳng bộ hành !”*

Bậc Thanh Văn hướng về tịch lặng, còn thuộc về công phu tu tập. Pháp là như thế, chẳng có sự tu, đó là chân tịch diệt. Hạng độn căn kia chẳng chịu rõ chỗ này.

Kinh : “Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh Không của hành ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nếu ở trong tánh Giác Minh thanh tịnh viên dung phát minh chỗ thâm diệu bèn lập đó là Niết Bàn mà không tiến tới, sanh làm thặng giải, thì người ấy sa vào hàng định tánh Bích Chi, thành bạn bè của các vị Duyên Giác, Độc Giác chẳng hồi tâm hướng Đại thừa, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Mười, viên thành giác tâm vắng lặng, thành cái quả trạm minh, trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra hạng giác viên minh, mà không dung hóa được tánh Viên.

Thông rằng : Đã thanh tịnh viên dung, thì những gì trái ngược với Đạo chẳng thể bì kịp. Đối trong bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh đã gần rồi vậy, chỉ vì chấp mà chưa dung hóa đó thôi. Kia lấy Giác làm Minh, thấy cái Viên thì vướng kẹt nơi Viên, thấy cái Minh thì vướng kẹt nơi Minh. Minh nên không lầm nơi chỗ cảm ứng nhân quả. Viên nên chẳng lẫn nơi chỗ Diệt cho là xong, ở chỗ này mà phát minh được sự thâm diệu. Thâm lại càng thâm nên chẳng sa vào cái Có, Diệu lại càng Diệu nên chẳng lọt vào cái Không. Ngay nơi “cái Chẳng phải Có, chẳng phải Không” này mà lập làm Niết Bàn chẳng sanh chẳng diệt rồi chẳng còn tiến thêm, đó là quả định tánh Bích Chi.

Bích Chi có hai hạng : Ra đời có Phật, gọi là Duyên Giác. Ra đời không có Phật, gọi là Độc Giác. Cả hai đều do quán sát nhân duyên mà ngộ Đạo, đến chỗ chẳng còn giao động, tiếp hợp với Viên Giác. Nhưng chỉ một chữ Giác không thể trừ được, mắc vướng nơi một đường Viên Minh, cố chấp

chẳng dung hóa nên nói là Chẳng Hồi Tâm. Đó là chỗ thiền gọi là “Ngoài rềm đêm sáng, khó chuyển thân” vậy.

Nhà sư hỏi Thiền sư Kim Phong Chí : “Bốn biển lặng trong thì thế nào ?”

Tổ Phong nói : “Còn là kẻ dưới thêm.”

Ngài Đơn Hà tụng rằng :

*“Bốn biển khói trần đã lặng nhiên
Ngang hiên trăng sáng chiếu người nhàn
Tướng quân công lớn, không ban thưởng
Ngựa quý, thương vàng bỗng biếng xem.”*

Có nhà sư hỏi Tổ Tào Sơn : “Trăng sáng trời không thì thế nào ?”

Tổ Sơn nói : “Còn là kẻ dưới thêm.”

Thưa rằng : “Xin thầy tiếp lên thêm.”

Tổ Sơn nói : “Trăng lặn rồi đến tương kiến, chính lúc ấy đồng.”

Tổ Đầu Tử khai thị chúng rằng : “Nếu luận đến chuyện này, như chim loan, chim phụng bay ngút trời, chẳng hề để vết ; dê rừng treo sừng, đâu thấy tăm hơi. Mặt trời chẳng giữ lại nơi đầm lạnh, mặt trăng há trú ở tại vết đen. Hoặc như lập ra khách, chủ thì phải ngoài nẻo Oai Âm lác dầu. Hỏi, đáp, nói bày là việc đề xứng một bên huyền lộ.⁽¹⁾ Nếu được như vậy, vẫn còn tại giữa đường. Bèn mới đứng trông, chẳng phiến tương kiến.”

Tụng rằng :

¹⁾ Đường huyền.

*“Trăng đầy, nước lặng, đạo nhân sâu
Hết diệu, không nương giống chẳng thân
Ngoài kiếp : “Chánh, Thiên kiêm đời” nẻo
Trên cảnh không nảy (mâm), biện xuân thu.”*

Bằng như ở các công án này có nẻo thấu triệt, bèn có thể làm thầy cho các bậc Duyên Giác, Độc Giác. Bậc Duyên Giác, Độc Giác này vốn là một giống hạng, trước kia phân ra thì chẳng phải.

Kinh : “Anan, mười loại Thiên Na như vậy, giữa đường hóa điên, do nương mê lầm trong chỗ chưa đủ lại cho đã chứng đủ, đều do thức ám và tâm dụng công xen nhau mà sanh các thứ vị như thế. Chúng sanh mê đại, không biết tự xét, gặp cái đó hiện tiền, mỗi mỗi dùng cái tâm mê lầm còn ưa thích những tập quán cũ mà tự dừng nghỉ, cho đó là chỗ quay về rốt ráo, tự bảo đã đầy đủ vô thượng Bồ Đề, thành đại vọng ngữ. Các tà ma ngoại đạo khi nghiệp báo chiêu cảm hết rồi thì sa vào ngục Vô Gián. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác thì không thể tiến tới thêm.

“Các ông để tâm giữ gìn Đạo Như Lai, sau khi Ta diệt độ rồi, đem pháp môn này truyền bày trong đời mạt pháp, khiến khắp chúng sanh hiểu rõ nghĩa này, không để cho những ma tà kiến tự gây ra nạn lớn cho mình. Giữ gìn thương cứu, tiêu dứt các tà duyên, khiến cho thân tâm vào Tri Kiến Phật, từ bắt đầu đến thành tựu, không mắc các lỗi rẽ.

Thông rằng : Mười loại Thiên Na của hành ám ở trước cho đến năm thứ Niết Bàn hiện ra là cùng tột, đã có cơ duyên tỏ ngộ nhưng còn chưa chứng quả. Ở đây, mười

loại Thiên Na của thức ấm thì đến Niết Bàn của bậc Bích Chi là cùng tột, đã vào quả vị nên gọi là “*Sanh các thứ vị như thế*”.

Tám loại trước là ngoại đạo, trái với hai lý Chân và Trung, khởi lên các tà kiến Trong Tam Giới, hết nghiệp báo thì lại vào luân hồi. Hai loại sau là hàng Nhị thừa, trái với Trung Đạo Đế, khởi cái tà kiến Ngoài Tam Giới, hồi tâm liền vào Đại thừa, nên có thể tăng tiến. Hồi về Trí, hướng về Bi, tức là đạo Bồ tát. Trước báo rằng Tâm Ma, đây nói rằng Kiến Ma. Tâm thì còn lưu động gồm cả thức thứ sáu. Kiến thì chỉ nắm giữ, gồm cả thức thứ bảy. Tóm lại, không ra ngoài hai tập khí tử vô thủy là Kiến Hoặc và Ái Hoặc. Do nương theo mê hoặc nên chẳng thể rốt ráo. Trong chỗ chưa đủ mà sanh tâm cho là đã chứng đầy đủ. Đã đến chỗ trong lặng chẳng chao động của thức thứ tám, nhưng chưa thể chuyển thức thành trí nên gọi là “*Mê Lầm Tánh Bồ Đề*”, bỏ mất Chánh Tri Kiến. Tri kiến này là Phật Tri Kiến, chẳng phải đắc quả mà mất đi vậy. Mê nơi Thức Ấm, chẳng được sáng suốt, vì bị thức ngăn che, nên trái xa tánh viên thông.

Thức Thứ Tám là tánh của Như Lai Tạng. Ngộ nó thì chuyển được thức thành Chánh Quả, mê nó thì bị thức chuyển mà vào luân hồi. Bởi vậy, có thể “*Khai, Thị, Ngộ, Nhập*” Tri Kiến Phật thì từ bắt đầu vào cửa là được thành tựu, chẳng bị các kiến chấp ngộ rẽ làm mê lầm.

Tổ Vân Phong Duyệt thượng đường rằng : “*Gốc của loài hữu tình là nương Biển Trí làm nguồn. Loài hàm thức đều lấy Pháp Thân làm thể. Chỉ bởi Tình sanh nên Trí cách ; tưởng biến hóa mà thể sai thù. Đạt Gốc thì tình vong, biết tâm thì thể hợp. Quý Thiên đức hiểu chăng ? Cổ Phật cùng*

cây lộ trụ tương giao, điện Phật cùng cây đèn lồng cùng trán. Như nếu chẳng hiểu thì : Đơn, Trùng, Giao, Chiết !"⁽¹⁾

Nhà sư hỏi Hòa thượng Ba Tiêu Triệt : "Có một người chẳng xả sanh tử, chẳng chứng Niết Bàn, thì thầy có nắm tay nhau với y không ?"

Đáp rằng : "Chẳng nắm tay nhau."

Hỏi : "Vì sao chẳng nắm tay ?"

Đáp rằng : "Lão tăng cũng biết chút ít tốt xấu !"

Ngài Đầu Tử tụng rằng :

*"Trẻ thơ trăm tuổi ra cửa rồi
 Đầy người rắn đỏ rước trần ai
 Trong lửa đạo nhìn nơi mắt mẽ
 Người biết không sao dám gần nâng."*

Nếu biết "Người Ấy", liền nhập Tri Kiến Phật, không mắc vào lối rẽ.

Kinh : "Pháp môn như thế, các Đức Như Lai như số vi trần trong hằng sa kiếp quá khứ đều nương cái tâm mở tỏ này mà đắc đạo vô thượng. Khi thức ấm hết sạch rồi thì ngay hiện tiền, các căn của ông đều có thể dùng thay lẫn nhau. Từ chỗ các căn dùng thay lẫn nhau, bèn vào Kim Cang Càn Huệ Địa Bồ tát, cái tâm tinh diệu viên minh ở trong đó phát hóa ra như ngọc lưu ly thanh tịnh bên trong ngậm mặt trăng báu. Như thế mà vượt lên Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Tứ Gia Hạnh Tâm và Thập Địa Kim Cang là chỗ Hành của Bồ tát, cho đến địa vị Đẳng Giác Viên Minh mà thế

¹⁾ Đơn, Trùng, Giao, Chiết dùng để chỉ các hào trong quẻ bói Dịch. Đơn : hào dương, Trùng : hào dương động. Giao : hào âm động. Chiết : hào âm.

nhập vào Biển Diệu Trang Nghiêm Như Lai, viên mãn Bồ Đề, về trong Vô Sở Đắc.

“Đó là những ma sự vi tế mà các Đức Phật Thế Tôn đời quá khứ trước đã giác ngộ, nghiệm rõ và phân tích trong pháp Chỉ Quán. Nếu cảnh ma hiện ra mà ông rõ biết thì sự dơ nhiễm của tâm được rửa trừ, không lạc vào tà kiến, Âm Ma tiêu diệt, Thiên Ma tan tác, Đại Lực Quý Thần hết hồn chạy trốn, Ly Mỹ, Vọng Lượng chẳng còn sanh ra, thẳng đến Bồ Đề, không có những thiếu sót. Hàng hạ liệt cũng được tăng tiến, đối trong Đại Niết Bàn tâm không mê muội. Nếu các chúng sanh mê đại trong đời mạt pháp chưa hiểu Thiền Na, chẳng rõ lời thuyết pháp mà ưa tu Tam Muội, ông e rằng họ lạc vào đường tà thì phải một lòng khuyên bảo họ trì chú Phật Đánh Đà La Ni của Ta. Nếu chưa có thể tụng niệm, hãy viết nơi thiền đường hoặc đeo trong thân thì tất cả các ma không thể động đến. Ông nên kính vâng sự dạy bảo cuối cùng về đường tiến tu rất ráo của mười phương Như Lai.”

Thông rằng : Đoạn kinh này đầu đuôi tương ứng với đoạn ở trước, chỗ Ông Anan thành khẩn thưa hỏi các phương tiện ban đầu Xa Ma Tha, Tam Ma Bát Đề, Thiền Na để thành tựu Bồ Đề của mười phương Như Lai. Đó là những ma sự vi tế mà các Đức Phật Thế Tôn đời quá khứ trước đã giác ngộ, nghiệm rõ và phân tích trong pháp Chỉ Quán, nên Ma không vào được. Nương cái tâm mở tỏ này mà đặc đạo vô thượng. Cần yếu là thức ấm hết sạch mà thôi vậy.

“Đà Na Thức⁽¹⁾ vi tế, tập khí thành dòng xiết, sợ mê chân, phi chân ; Ta thường chẳng khai diễn”. Bởi thế, nên

¹⁾ Thức Ấm.

không biết thức ấm thì giữa đường thành ra cuồng mà các Ma lừng lẫy. Hễ ngộ được thì chuyển thức thành trí, Bồ Đề hiện tiền. Nếu mỗi mỗi dùng cái tâm mê lầm còn ưa thích những tập quán cũ mà tự dừng nghỉ, chưa đắc mà cho là đắc, chưa chứng mà cho là chứng. Có đắc có chứng đấy thuộc về Ma. Thức ấm nếu hết, thì Thần Ngã đều tiêu tan, ngược dòng toàn nhất, các căn dùng thay nhau. Trong chỗ dùng lẫn nhau thấu vào Kim Cang Càn Huệ Địa, ở trong đó phát khởi cái chân trí, như ngọc lưu ly thanh tịnh, trong ngậm mặt trăng báu. Cái mặt viên tịnh diệu của tất cả Như Lai đều hiện ra trong đó. Ngay đó liền được vô sanh pháp nhẫn, bèn vượt lên Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hưởng, Tứ Gia Hạnh Tâm cho đến Kim Cang Thập Địa là chỗ hành của hàng Bồ tát, chứng nơi Đẳng Giác. Đẳng Giác viên minh, thể nhập vào Biển Diệu Trang Nghiêm Như Lai, tức là địa vị Diệu Giác. Ở đoạn trước nói rằng *“Có Tam Ma Đề, tên Đại Phật Đảnh, Thủ Lăng Nghiêm Vương sẵn đủ muôn hạnh, mười phương Như Lai nẻo diệu trang nghiêm, nhất môn siêu xuất”* là chỗ này vậy.

Kinh Lăng Nghiêm nói *“Viên mãn Bồ Đề, về Vô Sở Đắc”*. Kinh Kim Cang nói *“Nếu có một pháp để đắc thì Phật Nhiên Đăng chẳng thọ ký cho Ta”*. Thế nên, đắc Vô Sở Đắc, chứng Vô Sở Chứng đó là thấy Tánh. Thấy Tánh tức thành Phật vậy. Do Càn Huệ Địa chứng ngay Bồ Đề, gọi là Siêu. Siêu nên Đốn vậy. Do Càn Huệ Địa mà an lập Thánh vị cho đến chỗ viên mãn Bồ Đề là Đốn mà Viên vậy. Đây là pháp môn Viên Đốn, lập tức chuyển thức thành trí. Các ma sự gốc gác ở thức ấm, từ đâu mà sanh ra ? Bởi thế, nói rằng *“Chẳng bám giữ thì không có cái phi huyễn, cái phi huyễn còn chẳng sanh thì pháp huyễn nương đâu lập ?”* Huyễn còn không có, sao có được ma sự ? Nên chi, người phạm phu mà biết

điều này thì thẳng đến Bồ Đề, không còn thiếu sót. Hàng Nhị thừa mà biết chỗ này thì hồi tâm tiến tới, đắc Đại Niết Bàn. Cái pháp Xa Ma Tha, Tam Ma Bát Đề, Thiền Na vi diệu này bởi thế là phương tiện ban đầu, cũng là sự dạy bảo cuối cùng, chỉ có thể bỗng nhiên tự ngộ, chẳng do bởi người mà đắc được, cũng chẳng phải quán hạnh tu chứng tầm thường mà đắc. Đó là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Như tu Tam Muội mà trì chú thì tất cả các Ma không có thể động đến. Điều ấy cũng không thể nghĩ bàn, nên ở đây lấy sự trì chú để kết thúc, tương ứng với Đại Phật Đảnh ở trước, vì để bày tỏ cái pháp môn đệ nhất cực tôn cực quý vậy.

Thiền sư Thanh Nguyên Hành Tư hỏi Đức Lục Tổ rằng :
"Nên làm gì để không rơi vào thêm bực ?"⁽¹⁾

Tổ nói : "Ông từng làm gì ?"

Hành Tư đáp : "Thánh đế cũng chẳng làm."

Tổ nói : "Rơi vào thêm bực nào ?"

Hành Tư đáp : "Thánh đế còn chẳng làm thì có giai cấp nào đâu !"

Tổ bằng lòng và khiến Ngài cầm đầu trong chúng, rồi dạy đi hóa độ một nơi khác.

Kệ rằng :

*"Tâm địa chứa các giống
Mưa khắp ắt mầm sanh
Đốn ngộ hoa tình ấy
Bồ Đề, quả tự thành."*

Ngài Đầu Tử tụng rằng :

¹⁾ Giai cấp.

*"Vô kiến đỉnh lộ, mây vệt nhanh
Cành linh ngoài kiếp chẳng hơi xuân
Chẳng ngồi mé ấy, Không Vương điện
Đâu chịu cày bừa hưởng vầng hồng."*

Ngài Đơn Hà tụng rằng :

*"Cao trời khó đem chánh nhãn nhìn
Siêu việt xưa nay chẳng sánh bằng
Rêu phong cổ điện không hầu cận
Trăng phủ cây già, phụng chẳng nương."*

Có nhà sư hỏi Tổ Thụy Nham : "Thương lượng làm sao để không rơi vào thêm bực ?"

Tổ Nham nói : "Bày chẳng ra !"⁽¹⁾

Hỏi rằng : "Vì sao bày chẳng ra ?"

Đáp rằng : "Kia xưa nay không giai cấp."

Hỏi rằng : "Chưa rõ ở vị thứ nào ?"

Đáp rằng : "Chẳng ngồi điện Phổ Quang."

Hỏi rằng : "Vậy có sửa sang giáo hóa không ?"

Tổ Nham nói : "Danh nghe đầy ba cõi, chốn nào chẳng châu về ?"

Biển Diệu Trang Nghiêm đầy đủ Phước Huệ, vạn hạnh sẵn đủ, thật không thể nghĩ bàn. Thánh Đế còn chẳng đủ nói, huống là tục đế ư ?

VIII. SANH TỬ LÀ VỌNG TƯỚNG NĂM ẤM MÀ CÓ, LÝ TUY ĐÓN NGỘ, SỰ PHẢI TIỆM TRỪ

Kinh : Ông Anan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nghe Phật dạy bảo, đánh lễ kính vâng, ghi nhớ không sót, ở

¹⁾ Hay : "Đuối chẳng ra".

trong đại chúng lại bạch Phật rằng : “Như lời Phật dạy, trong tướng ngũ ấm có năm thứ hư vọng làm cái tâm tưởng cội gốc. Chúng tôi bình thường chưa được nhờ Đức Như Lai khai thị tỉ mỉ. Lại năm ấm ấy là tiêu trừ một lượt hay theo thứ lớp mà hết ? Năm lớp như vậy đến đâu là giới hạn ? Xin nguyện Đức Như Lai phát rộng đại từ làm cho con mắt tâm của đại chúng này được trong sáng để làm đạo nhãn tương lai cho tất cả chúng sanh trong đời mạt pháp.”

Phật bảo Ông Anan : “Tánh Tinh Chân thì Diệu Minh, tánh Bản Giác là Viên Tịnh, chẳng có vết tích của sanh tử và các trần cấu, cho đến hư không cũng đều nhân vọng tưởng mà có ra. Tất cả cái ấy nguyên là Bản Giác diệu minh chân tinh vọng phát sanh ra các khí thế gian, như chàng Diễn Nhã Đa mê cái đầu mà nhận bóng trong gương. Vọng vốn không có nhân, mà ở trong vọng tưởng lập ra tánh Nhân Duyên. Mê lầm Nhân Duyên thì gọi đó là Tự Nhiên. Cái tánh của hư không kia còn thật là huyền hóa sanh ra hướng là Nhân Duyên hay Tự Nhiên đều là sự so tính của vọng tâm chúng sanh.

“Anan, biết là hư vọng khởi ra mà nói nhân duyên hư vọng. Như hư vọng gốc vốn không có thì cái nhân duyên hư vọng đó không chỗ có, hướng gì là không biết mà suy rằng Tự Nhiên.

Thông rằng : Chỗ hỏi của Ông Anan : “Tiêu trừ một lượt hay theo thứ lớp mà hết ?”, là chọn lựa dứt khoát hai pháp môn Đốn, Tiệm để làm con mắt Đạo cho hàng trời, người tương lai. Đức Thế Tôn trước hết dùng một đường tối thượng, nương Ngộ mà tiêu trừ hết một lượt để khai thị cho. Độc chỉ tại ngộ, thể nhập Tánh Tinh Chân diệu

minh của Bản Giác viên tịnh. Cái thể này chẳng dung chứa vọng nghiệp sanh tử và các vọng duyên trần cấu nào. Cho đến cả hư không chẳng phải nghiệp, chẳng phải duyên. Thể Tánh ấy như biển lớn chẳng chứa mây ma, tức là các tướng hư không, tử sanh, trần cấu cũng không có chỗ nào mà dính bám. Thấy rõ được tánh Diệu Minh vốn tự tinh chân như thế thì còn có vọng gì ? Tánh Bản Giác hằng nhiên tự toàn vẹn trong sạch, có dơ nhiễm nào đâu ?

Cho nên sự trôi lăn sanh tử của thế gian đều thuộc nơi thọ, tưởng và hành ấm, trần cấu vẫn đục thuộc sắc ấm. Nương hư không mà khởi lập thuộc nơi thức ấm. Tất cả đều do vọng tưởng sanh khởi. Đã là Bản Giác diệu minh chân tinh thì nhân đâu mà khởi vọng để phát sanh các khí thế gian, kiến phần, tướng phần v.v... ? Vọng vốn không có nhân, như ở trước đã nói "*Chàng Diễm Nhã Đa mê cái đầu mà nhận bóng*". Ai ai cũng biết là vọng, thì cái vọng ấy từ đâu mà khởi ra ?

Cho là nhân duyên thì chẳng phải là nhân duyên, cho là tự nhiên thì chẳng phải là tự nhiên. Chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên thì không phải là tánh hư không ư ? Cũng chẳng phải là tánh hư không vậy. Tánh hư không kia như một bọt nước phát ra trong biển. Trong tánh Đại Giác mà xem thì rõ ràng là huyền, hướng gì các thứ sanh tử trần cấu nương nơi hư không mà khởi lập, há chẳng phải là Huyền ở trong Huyền ư ? Thế nên, nói tánh nhân duyên, nói tánh tự nhiên đều là sự so tính của vọng tâm, vốn nào thật có. Đã chẳng phải nhân duyên, tự nhiên thì cái vọng của năm ấm nguyên không có tự tánh. Đã không có tự tánh thì vốn tự chẳng sanh. Vọng vốn chẳng sanh, chốn nào tìm vọng ? Cho nên biết chỗ khởi của vọng mới có thể nói nhân duyên của vọng. Cái vọng này làm sao mà sanh, rồi phải làm sao mà dứt ?

Nghĩ thế mới có chuyện năm ấm tiêu diệt theo thứ lớp. Bằng như vọng vốn không có, thì tức vọng tức chân. Cái chỗ khởi ra còn chẳng có, thì từ đâu mà gọi là nhân duyên, lại từ đâu mà suy tính là tự nhiên ? Như mắt không có bệnh nhặm, độc chỉ thấy một mặt trăng. Vốn làm gì có mặt trăng thứ hai, thì chốn nào lại tìm mặt trăng thứ hai để luận nhân duyên với tự nhiên ?

Cái chỗ nương ngộ mà tiêu hết một lượt dây là pháp môn Viên Đốn tối thượng. Bởi thế mà chẳng luận làm sao tiêu trừ mà cũng chưa từng không tiêu trừ hết một lượt ! Chỉ việc ngộ nhập Bốn Giác tinh chân diệu minh viên tịnh thì chẳng còn chuyện gì khác.

Có nhà sư hỏi Tổ Trường Sa Cảnh Sầm rằng : “Con người bốn lai thành Phật phải chăng ?”

Tổ Sa nói : “Ông nói Thiên Tử nước Đại Đường trở lại cất cỏ, cất tranh sao ?”

Ngài Đầu Tử tụng rằng :

*“Trùng trùng khí tía thẩm điện rêu
Sao phân ngôi vị trị càn khôn
Kim Luân⁽¹⁾ chẳng ngự Diêm Phù cảnh
Há với chư hầu bảo ấn tôn.”*

Lại có nhà sư hỏi Thiền sư Cửu Phong Mãn : “Ai ai cũng nói “Xin dạy nghĩa”, chưa rõ Thầy có cứu giúp không ?”

Tổ Mãn nói : “Ông nói núi lớn kia lại thiếu tắc đất nào ư ?”

Hỏi : “Bốn biển tìm cầu là vì chuyện gì thế ?”

¹⁾ Phật.

Tổ Mãn nói : “Diễn Nhã mê đầu, tâm tự cuồng.”

Hỏi rằng : “Lại có người (hoặc : cái) chẳng điên không ?”

Tổ Mãn nói : “Có.”

Hỏi rằng : “Thế nào là người chẳng điên ?”

Tổ Mãn nói : “Hốt nhiên hiểu giữa đường, mắt chẳng mở.”

Đây là trong Giác Minh mà làm ra lỗi, rồi lìa dứt vọng căn. Thế nên, chàng Diễn Nhã mê cuồng, đầu có từ đầu mà khởi. Chẳng phải là người thật thấy bản lai diện mục, để gì thấu rõ chỗ này.

Kinh : “Thế nên Như Lai phát minh cho các ông rằng bản nhân của năm ấm đồng là vọng tưởng. Thân thể của ông trước hết nhân cái tưởng của cha mẹ mà sanh. Tâm của ông nếu chẳng phải là tưởng thì đâu có đến trong tưởng mà gá mạng. Như Ta đã nói ở trước, Tâm tưởng đến vị chua thì trong miệng chảy nước bọt. Tâm tưởng việc lên cao, trong lòng bàn chân thấy ghê ghê. Đốc cao không có, vật chua chưa tới, thân thể của ông nếu chẳng cùng loài hư vọng thì cố sao nghe nói tới chua thì nước miếng chảy ra ?

“Thế nên, phải biết Sắc Thân hiện giờ của ông chính là Vọng Tưởng kiên cố Thứ Nhất.

Thông rằng : Tưởng sanh ra ở đâu ? Sanh ở nơi thức vậy. Chỗ thức vừa bắt đầu động, đó là nguồn gốc cái tưởng. Thức là mệnh căn, nương tưởng mà truyền. Thức động ắt tưởng sanh, tưởng sanh thì mạng lập, mạng lập thì bốn đại đầy đủ, đó là chỗ nói “Ba thứ mệnh, tưởng, thức hòa hợp mà thành người” vậy. Bởi thế, cái tưởng của mình hợp với tưởng của cha mẹ thì phước đức tốt xấu tùy theo chỗ nguyện mà

cái sắc thân kiên cố ở đó hiện ra vậy. Trước khi chưa sanh thì chỉ có tướng. Trước khi chưa có tướng thì chỉ có thức. Cái thức thần chẳng chết gọi là mệnh căn. Mệnh căn muốn sự kiên cố trường cửu, nên đã hiện ra sắc thân thì chỉ sợ tiêu mất. Đây là chứng cứ rõ ràng của Vọng Tướng kiên cố.

Nếu cho rằng nương cái khí Âm Dương trời đất mà thật có thân này, chứ chẳng phải hư vọng mà lập ra, thì nghe nói đến me hủn không sanh nước miếng, nghe nói đến bờ vực không cảm thấy ghê ghê, không theo vọng mà trôi lăn được. Đàng này trong miệng thì nước miếng chảy ra, dưới chân thấy rợn rợn ; chưa hủn là cảnh thật, chỉ nhân tướng mà sanh ra thì quả thân này rõ ràng thuộc cùng loại vọng tướng, nên cùng với vọng hoặc tương ứng. Thế thì còn lạ gì thân này chẳng do cái tướng của cha mẹ mà sanh ra ư ? Chỉ có tướng theo với Tướng, như tướng me sanh ra thì có nước miếng, tướng vực thì ghê chân. Cái sắc thân hiện có đây rõ ràng là một vọng tướng kiên cố. Thế nên nói đến sắc ấm thì gốc là vọng tướng kiên cố. Nếu biết rõ cái tướng này chẳng phải nhân duyên sanh, chẳng phải tự nhiên sanh, toàn là hư vọng, ngay đó là tịch diệt, vốn tự không có sắc, thì có cái gì đan dệt mà làm ra Kiếp Trước ư ? Bởi thế mà hóa không cái Kiếp Trước vậy.

Huệ Trung Quốc sư thượng đường rằng : “Cây thanh la bám nương lên trên đỉnh cây tùng khô. Mây trắng lững lờ tụ tán trong thái hư. Muôn pháp vốn nhàn mà người tự náo !”

Tổ Vân Môn thượng đường : “Này quý Thượng tọa, chớ có vọng tướng ! Trời là trời, đất là đất, núi là núi, nước là nước, tầng là tầng, tục là tục !”

Im lặng giây lát, rồi nói : “Cùng ta đem đặt vững ngọn núi lại đây !”

Có nhà sư bèn hỏi : “Kẻ học nhân thấy núi là núi, nước là nước thì thế nào ?”

Tổ Môn nói : “Ba cửa để làm gì mà lại cỡi Phật điện từ trong ấy đi qua ?”

Hỏi rằng : “Như vậy thì đừng có vọng tưởng vậy.”

Tổ Môn nói : “Trả lại thoại đầu của ta đây !”

Phàm kẻ học nhân rõ biết muôn pháp vốn nhàn, sắc ấm chẳng có, biết rõ vọng tưởng là hư vọng, ăn nhằm gì đến ta thì có gì mà chẳng “không” cái sắc ấm. Chỉ vì chưa rõ thoại đầu của Vân Môn. Tham đi !

Kinh : “Ngay nơi cái tâm tưởng tượng lên cao vừa nói đó mà có thể khiến thân ông thật thọ sự ghê rợn. Do các Thọ sanh ra mà có thể giao động sắc thân.

“Vậy hiện nay hai thứ Thuận Ích và Trái Tổn đang giông ruổi nơi ông chính là Vọng Tưởng hư minh Thứ Hai.

Thông rằng : Tưởng ở tâm mà thân thấy ghê rợn, thì ắt là có thọ rồi sau mới làm giao động sắc thân. Có tưởng tức có thọ, có thọ tức có hiện hành. Bởi thế, thọ vui là thuận, là ích. Thọ khổ là trái, là tổn. Bởi thế, hai thứ hiện hành đáp đối, giông ruổi chẳng ngừng. Cái gì là Thọ ? Hễ hư thì thọ, hễ minh thì lãnh nạp. Cái Hư Minh Vọng Tưởng này thuộc năm thức trước, tức là kiến phần. Kiến phần và tướng phần lẫn lộn nên gọi là kiến trước. Nếu biết cái thọ này chẳng phải nhân duyên sanh, chẳng phải tự nhiên sanh nên là hư vọng ; tuy hư minh nhưng vốn không có tự thể. Đã không có tự thể thì vốn tự chẳng sanh. Đã vốn chẳng sanh thì cái gì là thọ, cái gì là kiến phần ? Thế nên, có thể phá tan kiến trước vậy.

Tổ Triệu Châu thượng đường rằng : “Bồ Đề Niết Bàn, Chân Như Phật Tánh đều là y phục dính nơi thân, cũng gọi là phiền não. Chỗ Thật Tế Lý Địa có gì mà bám níu ? Một tâm chẳng sanh, vạn pháp không lỗi. Ông chỉ tham cứu cho suốt, ngồi xét xem hai, ba mươi năm, nếu chẳng hội cứ chặt đầu lão tăng đi. Mộng huyền không hoa, uống công nắm bắt ! Tâm mà chẳng khác, vạn pháp nhất như. Đã không từ ngoài mà được thì còn nắm giữ làm gì ? Tương tự như con dê, tóm lung tung thứ bỏ vào miệng. Lão tăng nghe Hòa thượng Dược Sơn nói : Có người hỏi đó, chỉ bảo : “Ngậm mồm chớ lại !” Lão tăng cũng dạy : “Ngậm mồm chớ lại !” Giữ lấy cái Ta là dơ, chẳng giữ cái Ta là sạch. Thật như con chó săn chuyên muốn có được vật gì để ăn. Phật Pháp ở tại chốn nào ? Ngàn người, vạn người đều là những tên tìm Phật, trong đó tìm một đạo nhân cũng không có. Nếu cùng Không Vương làm đệ tử, chớ bảo tâm bệnh nan y !”

Lại có nhà sư hỏi Tổ Động Sơn : “Mỗi mỗi siêng chùi lau,⁽¹⁾ vì sao chẳng được y bát ?”

Tổ Sơn nói : “Dù cho nói “Xưa nay không một vật” cũng chẳng được y bát kia !”

Hỏi rằng : “Chưa rõ người nào thì được ?”

Tổ Sơn nói : “Kẻ chẳng nhập môn.”

Hỏi rằng : “Chỉ như kẻ chẳng nhập môn lại có đắc không ?”

Tổ Sơn nói : “Tuy vậy, chẳng được thì chẳng trao kia.”

Lại nói tiếp : “Dù cho nói “Bổn lai vô nhất vật” vẫn còn chẳng được y bát. Hãy nói người như sao thì hợp được ?”

¹⁾ Bài kệ của Thần Tú.

Trong ấy hợp được, hạ một chuyển ngữ, hãy nói hạ được lời gì ?”

Một vị Thượng tọa hạ chín mươi sáu chuyển ngữ mà chẳng khế hợp, sau cùng nói : “Giả sử có đem lại đi nữa, kia cũng chẳng lãnh thọ.”

Tổ Sơn rất chịu.

Ngài Tuyết Đậu nói : “Kia đã không nhận là có mất, đem đến thì ắt hẳn là mù.”

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng : “Trường Lư⁽¹⁾ thì không thế ! Cần nên đem lại, nếu chẳng đem lại, làm sao biết chẳng thọ ? Cần nên chẳng thọ, nếu chẳng có chẳng thọ làm sao khỏi đem lại ? Đem lại hẳn nhiên là mất, chẳng thọ đích thật là mù. Có hiểu chăng ?

*“Chiếu khắp, thể không nương
Thông thân hợp Đại Đạo.”*

Đây là từ hai chỗ thua rớt của Tỳ kheo Trường Trảo⁽²⁾ mà giáo hóa hàng vị lai. Cần phải ngay cái “Chẳng thọ” cũng chẳng thọ nhận, mới có thể siêu khỏi Kiến Trược.

Kinh : “Do những niệm lự sai khiến sắc thân của ông, nếu sắc thân chẳng phải cùng loại với niệm thì cố sao thân ông lại theo niệm mà bị sai sử, mỗi mỗi nhận lấy hình tượng, tâm khởi nắm giữ hình tượng tương ứng với niệm ? Thức là tưởng tâm, ngủ làm chiêm bao.

“Vạy vọng tình, tưởng niệm giao động của ông chính là Vọng Tưởng dung thông Thứ Ba.

¹⁾ Tự xưng.

²⁾ Móng tay dài.

Thông rằng : Niệm lự thì vô hình, thân thể có hình chất. Niệm động thì thân theo, do đâu lại bị sai sử ? Do cái tướng dung thông vậy. Tâm sanh cái tướng hư vọng mà thân giữ nhận vật thật, mỗi mỗi thù đáp, tương ứng với niệm. Do cái tướng dung thông nên khiến tâm theo cảnh, khiến cảnh tùy tâm. Cái Vọng Tình giao động, thức ngủ không gián đoạn, đó thuộc về gốc rễ vọng tưởng, sức có thể dung thông không ngăn ngại. Ấy là tác dụng của thức thứ sáu, là sào huyệt của phiền não.

Nếu rõ cái tướng này chẳng phải nhân duyên sanh, chẳng phải tự nhiên sanh, đương thể hư vọng, tức đương thể không tịch. Tướng vốn không sanh thì phiền não nào có ra gì nữa ?

Xưa, Ngài Ngưỡng Sơn đang chánh định trong tăng đường, nửa đêm không thấy núi sông, đất đai, chùa chiền, người vật cho đến mất luôn thân, toàn vẹn đồng như hư không.

Sáng hôm sau Ngài kể lại với Tổ Quy Sơn.

Tổ Quy Sơn nói : “Tôi hồi ở với Tổ Bách Trượng cũng được như vậy, đó là công dụng tiêu minh cái vọng tướng dung thông. Ông về sau thuyết pháp, có người vượt hơn thì không đâu có chuyện đó.”

Ngài Thiên Đồng nêu kinh Viên Giác : “Ở tất cả mọi thời, chẳng khởi vọng niệm *chăng* ? Ở nơi vọng tâm cũng chẳng dứt diệt *chăng* ? Trụ cảnh vọng tướng chẳng thêm sự hiểu biết *chăng* ? Ở chỗ không hiểu biết chẳng phân biệt chân thật *chăng* ?” (Ở đây Tổ thêm các chữ “*chăng*” để thành câu hỏi).

Tụng rằng :

*“Đường đường nguy nga, lối lối lạc lạc
 Chỗ nào cấm đầu, chỗ ổn hạ chân
 Dưới chân dây đứt, tự do thay !
 Đầu mũi hết bùn, ông khỏi cạo !
 Đừng động dậy,
 Giấy cũ ngàn năm đúng là thuốc !”*

Tổ Lang Nha Giác có lần hỏi một vị tăng giảng kinh :
 “Thế nào là ở tất cả mọi thời chẳng khởi vọng niệm ?”

Đáp rằng : “Khởi tức là bệnh.”

Lại hỏi : “Thế nào là ở nơi vọng tâm cũng chẳng dứt diệt ?”

Đáp rằng : “Dứt tức là bệnh.”

Lại hỏi : “Thế nào là trụ cảnh vọng tưởng chẳng thêm sự hiểu biết ?”

Đáp rằng : “Biết tức là bệnh.”

Lại hỏi : “Thế nào là ở chỗ không hiểu biết chẳng phân biệt chân thật ?”

Đáp rằng : “Phân biệt tức là bệnh.”

Tổ Giác cười mà rằng : “Ông biết thuốc đấy, nhưng chưa biết cái ky trong thuốc vậy.”

Ngài Bửu Giác làm bài kệ :

*“Hoa vàng ắp ắp, trúc xanh rành rành
 Giang Nam đất ấm, ả Bắc xuân hàn
 Khách du đi rồi không tin tức
 Còn lại Vân Sơn ngắm đến già !”*

Các vị Tôn túc ở đây có thể nói là “Dưới chân dây đứt”, tung hoành tự do, đủ để làm quy tắc phá Tướng Ấm.

Kinh : “Sự chuyển hóa không dừng, xoay vần âm thầm dời đổi, móng tay dài, tóc mọc lên, khí lực tiêu, dung mạo nhăn, ngày đêm thay thế, không hề hay biết. Anan, nếu cái đó không phải là ông thì cơ sao thân ông lại thay đổi ? Còn nếu nó thật là ông, thì cơ sao ông không hay biết ?

“Vậy các hành ấm của ông niệm niệm chẳng dừng chính là Vọng Tưởng u ẩn Thứ Tư.

Thông rằng : Vọng tưởng kiên cố thì chẳng rời sắc trần. Vọng tưởng hư minh còn đối đãi với sắc trần. Vọng tưởng dung thông thì thuộc về nội trần, có hình tượng để nắm giữ, có cảnh để đắc. Đến cái vọng tưởng u ẩn thì không còn hình tượng để nhìn thấy, không có cảnh để bám giữ, thay đổi chẳng dừng, xoay vần âm thầm dời đổi. Về phương diện sanh thì móng tay mọc, tóc dài ra ; về phương diện diệt thì khí lực suy, dung mạo nhăn, ngày đêm thay nhau biến dịch trước mắt mà ta chẳng hay biết. Nếu cho rằng chẳng phải là mình thì thân thể ngày mỗi thay đổi, nếu cho rằng tức là mình thì mình lại chẳng hay biết ! Bởi cái vọng tưởng rất u ẩn, niệm niệm trôi lăn không thể xác định, kẻ không biết thì chỉ quy cho sự chuyển hóa mà thôi.

Hành ấm thuộc thức thứ bảy, đã lia các tướng nên không thể biết, mà sự sanh diệt trôi chuyển rất là vi tế cũng đều chẳng ra khỏi sự luân chuyển của ba cõi, nên gọi là Chúng Sanh Trước. Nếu nơi chỗ “niệm niệm chẳng dừng” mà có chỗ dừng thì chẳng chịu sự luân chuyển của chúng sanh.

Có nhà sư hỏi Thiền sư Long Nha Độn : “Khi hai con chuột cắn dây leo thì sao ?”

Tổ Nha nói : “Cần có chỗ ẩn thân mới được.”

Nhà sư hỏi : “Thế nào là chỗ ẩn thân ?”

Tổ Nha nói : “Lại thấy nhà ta không nhỉ ?”

Ngài Đơn Hà tụng rằng :

*“Đỉnh xa trăng lạnh trời mơ màng
 Bình Hồ muôn mẫu sáng miên man
 Ngư ca đánh thức cò sông bãi
 Bay khỏi Lư Hoa, dấu chẳng còn.”*

Bởi thế mà biết chỗ ẩn thân kia quý thần nhìn ngó cũng chẳng ra, nên hành ẩm đậu còn có thể mê hoặc. Bởi vì sự sanh diệt vi tế, tức là hai cảnh sáng tối, ngày đêm thay nhau mà hình thể đổi dời, như hai con chuột cắn dây, ngày càng tiêu diệt. Chỗ này thuộc về vọng tưởng u ẩn, nhưng cái chỗ ẩn thân không tung tích thì đủ để phá đi vậy.

Kinh : “Lại chỗ tinh minh đứng lặng không giao động của ông mà gọi là thường hằng thì nơi thân ông chẳng ra ngoài những sự thấy, nghe, hay, biết. Nếu nó thật là tính tinh chân thì chẳng chứa nhóm hư vọng, vì sao các ông trong năm xưa đã từng thấy một vật lạ, trải qua nhiều năm không hề nghĩ đến, về sau bỗng nhiên thấy vật lạ đó thì nhớ lại rõ ràng, không hề sót mất. Vậy trong cái tinh minh đứng lặng không lay động này, niệm niệm chịu sự huân tập không thể tính toán hết được.

“Anan, nên biết cái trong lặng này chẳng phải chân thật, như dòng nước chảy xiết, trông như đứng yên, vì chảy nhanh nên không thấy chữ chẳng phải không chảy. Nếu chẳng phải là nguồn tưởng thì đâu chịu tập khí hư vọng. Nếu sáu căn của ông chưa được chia hợp, dùng thay lẫn nhau thì cái vọng tưởng đó không khi nào diệt được. Vậy nên hiện nay cái tập khí tập hợp quán xuyên những

sự thấy, nghe, hay, biết của ông là cái tướng tinh vi tế nhiệm, điên đảo, ảo tượng rỗng không Thứ Năm trong tánh trong lặng thấu suốt của ông.

“Anan, năm cái Thọ Ấm đó do năm Vọng Tướng tạo thành.

Thông rằng : Sự sanh diệt của hành ấm, niệm niệm chẳng dừng, chỉ là u ẩn không thể thấy. Còn đến chỗ lặng trong chẳng giao động là đã diệt sự sanh diệt, vì sao còn gọi là vọng tướng ? Vì còn cái thức thể tinh minh vậy. Cái thức thể tinh minh này, thiện ác chẳng manh động, ý thức đều mất, trong lặng thường ngưng, tương tự cùng loại với Bản Giác tinh chân nhưng thật chẳng phải là Bản Giác tinh chân. Cái Bản Giác tinh chân chẳng rơi vào thấy, nghe, hay, biết nên không chịu sự huân tập. Nay cái chỗ lặng trong chẳng giao động, cái biết không còn, lạc vào chỗ vô ký. Tánh của vô ký thông với hiện lượng, chẳng ra ngoài cảnh giới thấy, nghe, hay, biết của năm thức trước. Cái thấy, nghe, hay, biết này tuy không suy nghĩ so tính, nhưng có thể lãnh nạp, chịu sự huân tập. Bởi thế hễ thấy vật lạ, dầu không nghĩ đến, nhưng một lần thấy lại là nhớ rõ ràng. Thật giống như con cá bị băng giá ép, gặp cảnh bèn nhảy ra, thì sự sanh diệt chưa từng mất hết vậy. Thế nên biết rằng cái trong lặng này chẳng phải chân thật, niệm niệm chịu sự huân tập, quán xuyên tập hợp các tập khí, tinh vi tế nhiệm thường huân tập chẳng ngừng, giống như xâu chuỗi kết nhau vậy.

Có cái tinh minh này tức là có cái thấy, nghe, hay, biết này. Có cái thấy, nghe, hay, biết này tức là chẳng lìa căn trần thì hay quấy loạn cảnh mà chịu huân tập, dung chứa kết tập vọng nghiệp, nên chẳng phải là tánh trong lặng chân thật. Hẳn phải ngược dòng toàn nhất, tiêu tan sáu cửa, thoát

suốt căn trần, sáu căn dùng lẫn nhau. Chỉ một cái Tinh Chân, nương căn phát sáng, đóng mở tự do, tập khí hư vọng không có chỗ nương tựa. Bởi thế, miệng như lỗ mũi, mắt tựa lông mày ! Lấy tai xem sắc, sắc chẳng động lay. Lấy mắt nghe thanh, thanh không níu kéo. Như thế mới là Diệu Trạng Tổng Trì, vọng tưởng không do đâu mà vào được.

Năm thức trước chưa hợp vào tư duy thì cái thể gần với thức thứ tám. Cho nên thức thứ sáu và thức thứ bảy chuyển ở trên nhân thì thức thứ tám và năm thức trước mới viên mãn ở trên quả. Nếu chẳng có Hậu Đắc Trí thì không thể chuyển năm thức trước. Cho đến khi chuyển thức thành Trí, đắc cái trong lặng chân thật thì sau đó mới tin thức thứ tám là chủng tử vi tế sanh diệt, chảy nhanh nên không thấy, chứ không phải không chảy, tuy giống như lặng yên, không thể gọi là trong lặng chân thật. Trong tánh trong lặng thấu suốt cái tướng tinh vi tế nhiệm, ảo tượng rỗng không, hình như có hình như không, nhưng chưa từng không có cái tướng. Cho nên cũng gọi đó là vọng tưởng vậy. Thức thứ tám nương nơi cái chẳng sanh chẳng diệt hòa hợp với cái sanh diệt mà thành. Bằng như ngược trần hợp Giác, y vào cái chẳng sanh diệt thì gọi là Chánh Trí. Nếu ngược Giác hợp trần y vào nơi sanh diệt thì gọi là điên đảo. Cội nguồn tướng tức là cái chỗ động ban sơ của thức, năm thứ vọng tưởng đều do đây mà khởi. Do một niệm mê lầm hư vọng, nhận lấy nó, giữ lấy nó mà tự che khuất. Thế nên mới gọi là năm thọ ấm, hay năm thủ ấm đều do vọng tưởng làm gốc vậy.

Thiền sư Vĩnh Gia nói : “Biết rõ trong một niệm đủ cả năm ấm : Rành mạch phân minh tức là thức ấm. Thu lãnh nơi tâm tức là thọ ấm. Tâm duyên theo lý ấy tức là tướng ấm. Hành dụng lý ấy tức là hành ấm. Làm dơ Chân

Tánh tức là sắc ấm. Năm ấm này toàn thể là một niệm. Một niệm khởi lên toàn là năm ấm. Rõ ràng thấy trong một niệm không có gì là chủ thể, tức là Huệ Nhân Không. Thấy như huyền hóa tức là Huệ Pháp Không.”

Hẳn như chỗ Tổ Vĩnh Gia nói : “Nhân pháp đều Không thì thức ấm mới hết rồi sau mới có thể siêu vượt mệnh trước vậy.”

Ngài Triệu Châu hỏi Tổ Đầu Tử : “Khi người chết sống lại thì sao ?”

Tổ Đầu Tử nói : “Chẳng được đi đêm, đến trong chỗ sáng.”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Trong “sống” có mắt lại như “chết”
Thuốc kỳ khỏi cần khám “tác gia”
Phật xưa còn nói “chưa từng đến”
Chẳng biết ai đây thoát trần sa.”*

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Thành (hạt) cải kiếp đá diệp tột sơ
Mắt “sống” trong Không chiếu rỗng hư
Chẳng được đi đêm, về ngày sáng
Tin nhà chưa khứng phó chim, sò.”*

Cái Diệp này tuyệt hết “Nguồn Tưởng”, không dung chứa tập khí hư vọng. Ấy là Thật Tế Lý Địa, không động bước mà tới, rõ ràng cái cách chuyển Thức thành Trí vậy.

Kinh : “Ông nay muốn biết nhân do và giới hạn sâu cạn, thì Sắc và Không là biên giới của Sắc Ấm ; Xúc và Lìa là biên giới của Thọ Ấm ; Nhớ và Quên là biên giới của

Tưởng Ấm ; Diệt và Sanh là biên giới của Hành Ấm ; lặng trong nhập hợp với lặng trong là biên giới của Thức Ấm.

Thông rằng : Ở trước, Ông Anan hỏi rằng “*Năm lớp như vậy đến đâu là giới hạn ?*” Ở đây trả lời rõ ràng, có nguyên nhân, có giới hạn từ cạn đến sâu. Sắc không tự nó là Sắc, nhân Không mà hiển Sắc. Biên giới của Sắc và Không là Sắc Giới vậy. Thọ chẳng tự nó là Thọ, nhân Xúc Chạm mà có Thọ, thì biên giới của Xúc và Lìa là Thọ Giới. Tưởng chẳng tự nó là Tưởng, nhân Nhớ mà gọi là Tưởng, thì biên giới của Nhớ và Quên là Tưởng Giới. Hành không tự nó là Hành, nhân sanh diệt chẳng ngừng mà gọi là Hành, biên giới ấy của sanh diệt là Hành Giới. Thức gọi là trong lặng thấu suốt đã diệt sự sanh diệt, tánh nó nhập với nguồn tánh bất động mà hợp với lặng trong. Mà có nhập, có hợp tức là có biên giới, đó là Thức Giới vậy. Vì cái “*Trong lặng nhập vào*” là thức ấm, còn tánh “*Trong lặng chân thường*” là tánh thức minh tri. Minh tri là Trí. Giữa thức và Trí còn có biên giới vậy.

Chân Tánh không gọi là “*Trong lặng nhập vào*” vì toàn khắp pháp giới không hề có ra vào. Cái trong lặng mà xuất ra là Hành, cái trong lặng mà nhập vào là Thức. Suốt cả bên trong lặng sáng, nhập không-chỗ-nhập, tức là địa chẳng sanh diệt. Đây là lần lần vào chỗ tinh diệu. Từ năm trần, năm thức trước, thức thứ sáu, thức thứ bảy cho đến thức thứ tám là giới hạn cạn sâu của năm ấm vậy. Đã hợp cùng tánh lặng trong rồi, được Vô Sanh Pháp Nhãn thì còn có biên giới nào để xem xét nữa ư ? Đã không biên giới, tức không năm ấm, năm ấm đều Không, tức siêu năm trước. Ở trước, nói “*Các ông phân Diệu Giác Minh Tâm trong lặng toàn vẹn của mình làm ra cái thấy, cái nghe, cái hay, cái biết*”

từ đầu đến cuối thành năm lớp vẫn đục". Đến đây thì đồng quy về tánh trong lặng vậy.

Sách Hoàn Nguyên Quán nói : "Do nơi trần tướng mà niệm niệm dời đổi, đó là sanh tử. Do quán trần tướng mà tướng sanh diệt dứt hết, rốt không, không có thật, đó là Niết Bàn."

Cuốn Trí Chứng Truyện viết : "Nơi sắc thanh các pháp niệm niệm phân biệt, gọi là dời đổi. Quán sắc thanh các pháp ấy không từ đâu khởi lên, không từ đâu diệt mất, ngay đây giải thoát."

Cuốn Tiên Quán Kỹ Nhãn viết : "Thật vậy, con mắt không thể tự thấy cái thể của nó. Tự thể còn chẳng thể thấy, làm sao thấy gì khác ?"

Cuốn Thứ Quán Tiền Cảnh viết : "Nếu cái thấy là cây thì đâu còn cây ? Nếu cái thấy chẳng phải cây, thì làm sao thấy cây ?"

Cuốn Thứ Quán Tam Tế viết : "Nếu hiện tại là có thì quá khứ, vị lai đáng lẽ cũng có. Nếu quá khứ, vị lai là không có thì hiện tại đáng lẽ cũng không."

Đây là yếu chỉ về nguồn vậy.

Tổ Quy Sơn thượng đường : "Phàm cái tâm của đạo nhân thì thẳng ngay không giả dối, không sau, không trước, không dối trá hư vọng. Trong hết mọi thời, thấy nghe bình thường, không quanh co khuất lấp, cũng chẳng bị mất bưng tai. Chỉ là tình chẳng dựa vật, thì thật như chư Thánh xưa nay chỉ nói cái lầm hại bên phía dơ uế. Như không có các thứ tướng tập, biết bậy, tình kiến bèn như nước thu trong lặng, thanh tịnh vô vi, trong ngần không ngại. Gọi đó là đạo nhân, cũng gọi là người vô sự."

Đôi lời của Tổ Quy Sơn chỉ thẳng cái tin tức của *Lặng trong nhập hợp lặng trong*. Chỉ việc tiêu hết thức ấm thì đâu còn chuyện gì nữa ?

Kinh : “Năm ấm ấy vốn trùng điệp sanh khởi. Sanh thì nhân Thức mà có, diệt thì từ Sắc mà trừ. Lý ắt đốn ngộ, nương ngộ tiêu sạch. Sự chẳng phải đốn trừ, theo thứ lớp dứt hết.

“Ta đã chỉ cho ông về cái nút khăn Kiếp Ba La, có chỗ nào chẳng suốt tỏ, mà phải hỏi lại như vậy. Ông nên dùng cái tâm được khai thông về căn nguyên vọng tưởng này, truyền dạy cho tương lai những người tu hành trong đời mạt pháp, khiến cho họ rõ hư vọng, tự sanh nhàm chán sâu xa, biết có Niết Bàn, chẳng luyến mê ba cõi.

Thông rằng : Ở trước, Ông Anan hỏi là tiêu trừ hết một lượt hay theo thứ lớp mà hết ? Trước hết, đáp ngay rằng “Một đường hương thượng, độc chỉ ở chỗ ngộ nhập Tánh Tinh Chân Diệu Minh, Bản Giác Viên Tịnh, thì chẳng còn vọng tưởng nào để trừ, không còn thứ lớp nào để chỉ bày”. Ấy là chỗ nói “*Nương ngộ tiêu sạch*”.

Ở đây trả lời rằng “Sự chẳng phải đốn trừ, theo thứ lớp dứt hết”, là do lòng từ bi, lắc rắc chút mưa phùn, chỗ gọi là Đốn mà chẳng sót Viên vậy.

Căn nguyên này của năm ấm trùng điệp sanh khởi, đã sanh thì có nguyên nhân. Cái sở nhân là nguồn tướng của thức thứ tám, sanh khởi ra kiến phần và tướng phần. Do trong tạo ngoài, từ tế đến thô. Nay muốn diệt năm ấm này, sự diệt phải lần lần. Trước hết từ sắc ấm tiêu trừ, do ngoài vào trong, từ thô vào tế, không phải là không có thứ lớp.

Nếu luận cái lý Chân Như thì một ngộ liền đến Phật Địa, có đâu tăng bậc giai cấp ? Rõ ám không có tự thể, đương thể toàn Không, nên nương ngộ tiêu sạch một lượt, ngay đây vô sự. Thế nhưng tập khí từ vô thủy huân tập ô nhiễm lâu ngày, cái vô minh đang hiện hành, năm lớp buộc ràng đâu thể nhổ sạch một sớm một chiều. Bởi thế, phải đào thải dần dần, theo thứ lớp mà hết sạch. Giống như cái nút của khăn Kiếp Ba, khăn vốn không khác mà nút phải mở tháo lần lượt. Trước được Nhân Không, kế đắc Pháp Không, sau nữa là đắc Không Không, bèn được Vô Sanh Pháp Nhãn, tịch diệt hiện tiền.

Cho nên, chẳng rõ căn nguyên hư vọng thì tâm đuổi theo thức mà chuyển, chẳng thể khai thông. Nay biết rõ ràng là vọng, vọng vốn không có nguyên nhân, ngay ấy tâm khai, chứng cái vui Niết Bàn. Đã chứng Niết Bàn, vào chỗ chẳng sanh diệt, thấy năm ấm kia là hư vọng, không nhân tự sanh, nguyên không tự tánh, quả đáng nhàm chán sâu xa vậy. Nếu năm ấm chẳng diệt thì lưu chuyển ba cõi, sanh tử xoay vần, có gì mà vui để mê luyến chẳng bỏ ư ? Sự Giác Ngộ căn nguyên hư vọng này, xa lìa năm mươi thứ ma sự lại là phương tiện ban đầu : các pháp Xa Ma Tha, Tam Ma, Thiền Na vi diệu của Phật Thế Tôn xưa trước, phải theo thứ lớp mà tu, đều đủ để làm lời minh huấn cho đời mạt pháp, nên Thế Tôn dặn dò khiến cho lưu thông.

Thiền sư Khuê Phong trả lời mười câu hỏi của Ông Sử Sơn Nhân :

Câu hỏi Một : Thế nào là đạo ? Thế nào là tu ? Phải tu mới thành hay chẳng cần mượn công dụng ?

Đáp : Vô ngại là Đạo. Biết vọng là tu. Đạo tuy vốn tròn đầy mà vọng khởi thành vướng mắc. Vọng niệm hết ráo tức là tu thành.

Câu hỏi Hai : Đạo nếu do tu mà thành, tức là tạo tác, thì giống pháp thế gian, giả dối chẳng thật, thành rồi lại hoại, sao gọi là xuất thế được ?

Đáp : Tạo tác là kết nghiệp, gọi là “Thế gian giả dối”. Vô tác là tu hành, tức xuất thế chân thật.

Câu hỏi Ba : Sự tu đó là Đốn hay Tiệm ? Tiệm thì quên trước, mất sau, làm sao tập hợp mà thành tựu. Đốn thì vạn hạnh đa phương, làm sao một lúc mà viên mãn được ?

Đáp : Chân Lý thì ngộ mà đốn viên. Vọng tình dứt mà hết lần lữa. Đốn viên như trẻ nhỏ sơ sanh, trong một ngày mà cơ thể đã đầy đủ. Tiệm tu như nuôi lớn thành người, nhiều năm thì chí khí mới lập.

Ba câu trả lời này có thể chú giải cho đoạn kinh văn này.

Lại nữa, Thiền sư Khuê Phong trả lời cho quan Thượng thư Ôn Tháo : “Chân lý tuy là đốn đạt, vọng tình ấy khó trừ ngay. Như gió tạm ngừng, sóng mồi tạm lặng, đâu có thể chỗ tu một đời bèn đồng với cái dụng của Phật. Chỉ khác lấy Không Tịch làm tự thể, chớ nhận sắc thân ; lấy Chân Như làm tự tâm, chớ nhận vọng niệm. Vọng niệm khởi lên đều trọn chẳng theo. Như vậy thì khi mệnh chung tự nhiên nghiệp không thể ràng buộc.”

Tổ Hoàng Long Hối Đường đáp lời hỏi của quan Thị Lang Hàn Tông Cổ rằng : “Như thế, ngoài tâm không có pháp gì nữa. Chẳng biết phiền não, tập khí là gì mà muốn dứt hết đi, thì nếu khởi cái tâm như vậy bèn thành ra nhận giặc làm con. Từ xưa đến nay chỉ có lời nói, ấy là tùy bệnh cho thuốc. Nếu có tập khí phiền não mà chỉ cần dùng tri kiến Như Lai để đối trị, đó đều là lời nói dẫn dụ, phương tiện thiện xảo quyền biến. Nếu thật có tập khí để trị, bèn

là ngoài tâm có pháp để dứt diệt, giống như con linh quy kéo lê cái đuôi trên đường, quét dấu mà dấu sanh ! Có thể nói rằng “Lấy tâm dùng tâm, càng thấy bệnh nặng !” Bằng như rõ suốt ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm, tâm pháp đã Không lại còn muốn dạy ai chóng hết đây ?”

Cứ theo chỗ Thấy của Tổ Hối Đường thì “Xưa nay không một vật. Chỗ nào nhuộm bụi trần.” Cứ vào chỗ đáp của Tổ Khuê Phong thì “Thường thường siêng lau sạch. Chớ để nhuộm bụi trần.” Hối Đường chủ về đốn, ví như người nằm mộng thấy bị xiềng xích, tỉnh dậy lại phải cởi thoát xiềng xích ư ? Hiển nhiên không có chuyện đó vậy. Khuê Phong chủ về tiệm, ví như nước kết thành băng, không dùng tấm rửa được, phải gập ánh mặt trời mới thấy lưu thông.

Tông Cảnh Lục nói : “Vào Tông ta, trước tiên cần biết có. Sau đó giữ gìn. Lại đầu đuôi cần phải tương xứng, không thể lý, hạnh có chỗ thiếu sót, tâm miệng trái nhau. Nếu vào Tông Cảnh, lý hạnh đều tròn vẹn.”

Căn cứ theo sự quyết đoán của bộ Tông Cảnh thì Ngài Đại Giám (Huệ Năng) chỉ đủ một con mắt lẻ, Ngài Đại Thông (Thần Tú) thì hai mắt tròn sáng. Sao thế ? Ngài Đại Giám đầy đủ Lý mà không có Hạnh, vì “Xưa ngay thường thanh tịnh, chẳng mượn lau chùi.” Ngài Đại Thông, “Đã ngộ cần phải tu, lau bụi thì gương sáng.” Bởi thế mà nói “Chánh tuy Chánh lại Thiên, Thiên tuy Thiên lại Viên.” Chẳng tham dự lâu ngày cái Tông tổ suốt thì chưa dễ bàn luận chỗ này.



PHẦN THỨ BA :
PHẦN LƯU THÔNG

I. ĐƯỢC PHƯỚC, TIÊU TỘI HƠN CÁ

Kinh : “Anan, ví như có người đem các thứ thất bảo đầy đầy hư không cùng khắp mười phương, dâng lên chư Phật như số vi trần, vàng thờ cúng dường, tâm không lúc nào xao lãng. Ý ông thế nào ? Người ấy do nhân duyên cúng dường Phật như vậy được phước nhiều chăng ?”

Ông Anan đáp rằng : “Hư không vô tận, trân bảo vô biên. Ngày xưa có chúng sanh cúng Phật bảy đồng tiền, đến lúc bỏ thân rồi còn được địa vị Chuyển Luân Vương, hưởng gì hiện tiền hư không cùng tột, cõi Phật đầy khắp, đều là trân bảo, thì dù suy nghĩ cùng kiếp còn chẳng thể thâu, phước ấy làm sao có bờ bến.”

Phật bảo Ông Anan : “Chư Phật Như Lai lời không hư vọng. Nếu lại có người thân đủ các tội Tứ Trọng, Thập Ba La Di, giây lát phải trải qua địa ngục A Tỳ phương này phương khác, cho đến cùng hết các địa ngục Vô Gián mười phương, không đâu chẳng trải mà có thể trong một niệm đem pháp môn này khai thị cho người chưa học đời mạt pháp, thì tội chương người ấy trong niệm đó liền được tiêu diệt, biến cái nhân phải chịu khổ địa ngục thành An Lạc Quốc, được phước siêu vượt trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần hơn người thí cúng trước, như thế cho đến toán số thí dụ không thể nói hết được.

Thông rằng : Đầy đầy thất bảo khắp cả hư không, thế gian làm sao có chuyện ấy ư ? Lấy Phật nhãn mà xem, quây sông dài làm thành tô lạc, biến đại địa thành vàng ròng cũng là chuyện tầm thường vậy. Hướng chi Tánh Diệu Chân Như, thanh tịnh bốn nhiên toàn khắp pháp giới, đó là gia bảo. Chứng Thanh Tịnh Pháp Thân thì đến kho báu (bảo

sở), kho báu đó há chẳng toàn khắp hư không ư ? Bởi thế, dùng bảy báu : vàng, bạc, trân châu, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách của thế gian để cúng Phật còn được phước vô lượng huống là “Nguyện đem toàn thể tâm này, phụng sự cõi nước nhiều như bụi, thế mới gọi là báo Phật ân”, thì có thể khiến cho người người đều đến kho báu. Cái của báu xuất thế này phân biệt với đồ báu của thế gian, nên đồ báu thế gian nào so sánh được. Không chỉ được phước, mà còn tiêu tội. Phước thì có phước báo, tội thì có tội báo. Phước, tội cả hai không đo lường nhau được. Nên tuy được phước cõi trời, cũng chẳng miễn khỏi cái khổ địa ngục. Tội thì không gì nặng hơn tội ngũ nghịch : giết cha, hại mẹ, làm thân Phật chảy máu, phá sự hòa hợp của Tăng Già, đốt thiêu kinh tượng. Đây chỉ nêu ra bốn, vì cha mẹ xem như một, còn Tam Bảo thì không thể thay đổi. Ở trước, nói Tứ Khí là chỉ sát, đạo, dâm, vọng, lại nói Bát Khí, ở đây nói Thập Khí, tóm lại đều chẳng ra ngoài mười ác nghiệp, tức là mười tập nhân và sáu giao báo ở trước. Tội nghiệp nặng thì địa ngục Vô Gián phương này hư hoại lại dời qua phương khác, cho đến Vô Gián mười phương, mỗi mỗi đều trải qua, khổ sở biết bao.

Chỉ một niệm hồi tâm, đem pháp bảo này chỉ bày cho người chưa học, chuyển mê thành ngộ, chuyển phiền não thành Bồ Đề thì tuy ở trong biển sanh tử mà tự có cái vui Niết Bàn. Đây là tự gây tội thì tự sám hối, tự gây nghiệp thì tự giải thoát, tuy Phật cũng không thể giúp cho sức về chỗ đó. Không có tội, tức là được phước. Không có khổ tức là hưởng an vui. Bởi thế, đem pháp bảo mà chỉ bày cho người thì không những tự mình khỏi tội mà còn khiến người người khỏi tội. Không những tự mình được phước mà còn khiến người người được phước. Không chỉ tự mình

được của báu mà còn khiến người người đều được cái rất báu. Cái báu đầy ngập thế gian, nào có nơi chốn. Há chỉ lấy cái phước do cúng Phật bảy thứ báu mà so sánh được ư ?

Lời Phật chân thật, khỏi tội được phước, có vô lượng công đức như thế rõ ràng tán thán kinh này, thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới, không cùng không tận, tôn quý không gì so sánh nổi.

Có nhà sư hỏi Thiên sư Đại Lãnh : “Sao là tất cả chốn thanh tịnh ?”

Tổ Lãnh nói : “Bể cành cây quỳnh, tắc tắc là của báu. Cắt cây chiền đàn, miếng miếng toàn là hương.”

Ngài Đơn Hà tụng rằng :

*“Khấp cùng trời đất thiệt xá lợi
 Vạn hữu toàn bày tịnh diệu thân
 Ngọc Nữ ngược trần không khéo vụng
 Linh miêu hoa trở chẳng hay xuân.”*

Nếu vậy thì không còn các tướng địa ngục ư ? Cớ sao Ông Điều Đạt¹⁾ đang sống mà sa vào địa ngục ?

Điều Đạt báng Phật, nên đang sống mà sa vào địa ngục.

Phật khiến Anan hỏi rằng : “Ông ở trong địa ngục yên ổn chăng ?”

Ông Điều Đạt đáp : “Tôi tuy ở trong địa ngục mà vui như trời Tam Thiên.”

Phật lại khiến Ông Anan hỏi : “Ông có cầu ra khỏi không ?”

Ông Điều Đạt đáp : “Tôi chờ Thế Tôn đến thì ra khỏi !”

¹⁾ Tức Đề Bà Đạt Đa.

Ông Anan nói : “Thế Tôn là Đại sư ba cõi há có phận vào địa ngục ư ?”

Ông Điều Đạt nói : “Tôi há có phận ra khỏi địa ngục ư ?”

Tổ Thúy Nham Chân nói : “Lời thân quen xuất từ miệng thân quen !”

Ông Điều Đạt là anh em chú bác với Đức Phật, là anh ruột của Ông Anan, đã đắc thần thông, xô núi đè Phật, khi ấy có thần Kim Cang hộ trì, nhưng cũng làm Phật bị thương, ngón chân út bị thương chảy máu. Ông muốn hại Phật để thu nhiếp hết đại chúng, mới đi nửa đường, thân đang sống mà sa vào địa ngục. Nhưng Ông Điều Đạt từ khi làm Lộc Vương đã cùng tu hành với Phật, nay tình bà con ruột thịt thì lại có sự biến đổi này. Cũng là tâm mê quá nặng, chưa dễ quay đầu, cần phải thiêu sạch nơi lửa nghiệp địa ngục mới có thể phát ngộ.

Phật thọ ký cho Ông Điều Đạt sau nhiều kiếp cũng sẽ thành Phật. Ngay trong địa ngục mà không thấy có chuyện ra vào thì làm sao biết biến địa ngục thành cõi an lạc ư ?

II. TRỪ MA HƠN CẢ

Kinh : “Anan, nếu có chúng sanh tụng được kinh này, trì được chú này như Ta nói rộng ra thì cùng kiếp chẳng hết. Y theo lời dạy của Ta, như lời dạy mà hành đạo, thẳng vào Bồ Đề, không còn ma nghiệp.”

Thông rằng : Một niệm chuyển hóa bèn tiêu tội nghiệp, phước đức vô lượng. Nếu thường tụng được kinh này, thường trì chú này phước đức cùng kiếp chẳng hết. Như y theo giáo pháp mà hành đạo ắt thành Chánh Giác, không còn

nghiệp ma. Kinh này, chú này phát huy tánh Diệu Giác đến sáng rõ hoàn bị, chỗ đề phòng ám ma chu đáo, Ma không thể mê hoặc mà đạo Giác thành tựu vậy.

Nếu trì chú, tụng kinh mà không rõ ở trong Tự Tánh thì lại bị Ma trói buộc.

Nhà sư hỏi Tổ Bách Trượng : *“Y kinh giải nghĩa, tam thế Phật oan. Lià kinh một chữ, liền đồng Ma thuyết. Thì thế nào ?”*

Tổ Trượng nói : *“Do giữ động niệm, tam thế Phật oan. Ngoài đây riêng cầu liền đồng Ma thuyết.”*

Sau này, nhà sư hỏi Tổ Đồng An : *“Y kinh giải nghĩa, tam thế Phật oan. Lià kinh một chữ, liền đồng Ma thuyết. Lý ấy thế nào ?”*

Tổ An nói : *“Cô phong (đỉnh cô) ngút mắt, chẳng khoác rắng, sương. Vàng nguyệt giữa trời, bạch vân tự khác.”*

Ngài Đơn Hà tụng rằng :

*“Mây tự cao bay, nước tự xuôi
Mênh mông trời nước lấc thuyên không
Đêm khuya chẳng hướng bờ lau đậu
Khởi hấn trung gian với hai đầu.”*

Chỗ này nơi nghĩa kinh, chẳng tức, chẳng lià, tự có chỗ xuất đầu. Nếu ngộ chỗ này thì Ma không thể mê hoặc.

Thiền sư Thọ Châu Đạo Thụ dưới lời của Ngài Thần Tú biết được chỗ vi diệu, bèn cất am cỏ ở Thọ Châu Tam Phong. Thường có con dã nhân, mặc đồ trắng đơn giản, nói năng kỳ dị, ngoài chuyện cười nói còn hóa ra hình Phật, cho đến các hình Bồ tát, La Hán, Trời, Tiên... hoặc phóng hào quang, hoặc phát lộ âm thanh tiếng dội. Hàng học trò

thấy vậy đều không thể đo lường được. Như vậy trải qua mười năm, sau lạng mất, không còn hình ảnh.

Sư nói với đại chúng : “Dã nhân làm lấm màu mè mê hoặc người tu. Chỉ phải lão tăng không thấy, không nghe. Màu mè của y thì có chỗ cùng mà cái không thấy, không nghe của ta thì vô tận.”

Nếu hiểu cái ý chỉ “*Chẳng thấy, chẳng nghe vô tận*” này thì thẳng vào Bồ Đề không hề thiếu hụt, ám ma tiêu ráo, thiên ma nào để phải lo !

III. LƯU THÔNG CHUNG

Kinh : Phật nói kinh này xong, hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ, tất cả thế gian Trời, Người, A Tu La cùng các vị Bồ tát, Nhị thừa, Thánh tiên, Đồng tử ở phương khác và các Đại Lực Quỷ Thần mới phát tâm thảy đều hoan hỷ, làm lễ mà lui.

Thông rằng : Phật nói kinh này là pháp môn Tối Thượng Viên Đốn. Phật dùng một âm diễn pháp, tùy mỗi loại đều riêng hiểu, nên tùy chỗ chứng lượng đều được cái vui của pháp, hơn hở mà đi. Vì sao thế ? Tánh là cái vốn có, ai ai đều sẵn đủ.

Cho nên, Tổ Triệu Châu khai thị đại chúng rằng : “Xem kinh cũng ở trong sanh tử, chẳng xem kinh cũng ở trong sanh tử. Vậy các ông làm sao ra cho khỏi ?”

Một nhà sư bèn hỏi : “Vậy như trọn chẳng lưu lại thì sao ?”

Tổ Châu nói : “Thật vậy thì được, còn chẳng thật vậy làm sao ra khỏi sanh tử.”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

“Xem kinh cũng ở trong sanh tử
 Ngồi trong rá cơm không biết ăn
 Không xem kinh cũng trong sanh tử
 Ngập đời áo ấm không ai mặc
 Bỗng nhiên chim khách kêu một tiếng
 Quay thân nháy nhót khắp nhà vui
 Thôi suy nghĩ !
 Như nay vất ra trước mọi người
 Đại Bi ngàn tay không đỡ nổi !”

Vị Tọa chủ Tây Xuyên đến Ngài Hoa Nghiêm hỏi rằng : “Tổ Ý, Giáo Ý là đồng hay khác ?”

Ngài Hoa Nghiêm nói : “Như hai bánh của xe, như hai cánh của chim.”

Tòa chủ nói : “Ngỡ rằng Thiền môn riêng có chỗ kỳ đặc, té ra chẳng ra ngoài giáo ý !”

Sau này, nghe Tổ Giáp Sơn giáo hóa thịnh hành, lại bảo đệ tử sang hỏi câu trên.

Tổ Sơn nói : “Chạm cát không đủ bàn chạm ngọc, dền ơn trái với ý đạo nhân !”

Đệ tử về kể lại với Tòa chủ, vị này khen ngợi, hướng về phía Tổ Sơn làm lễ mà nói : “Ngỡ rằng Thiền môn và giáo ý chẳng khác, té ra có chuyện kỳ đặc.”

Há chẳng nghe có nhà sư hỏi Tổ Mục Châu : “Tổ ý, Giáo ý là đồng hay khác ?”

Tổ Châu nói : “Núi xanh tự núi xanh, mây trắng tự mây trắng.”

Ngài Thiên Đồng nêu rằng : “Nếu hướng về trong ấy biết được Mục Châu thì Thích Ca ra đời, Đạt Ma Tây sang

đều là tay không biết thủ phận ! Lại biết được chăng ? Tay dài, ống áo ngắn ; chân gầy, giày cỏ dư (rộng) !”

Có nhà sư hỏi Tổ Lạc Phổ : “Tổ ý, Giáo ý là đồng hay khác ?”

Tổ Phổ nói :

*“Trời, trăng cùng xoay sáng
Ai nói có riêng đường.”*

Nhà sư hỏi : “Như vậy thì sáng tối khác đường, phải quấy một lối ?”

Tổ Phổ nói : “Chỉ tự chẳng quên dê, nào phải lo đường rẽ !”

Ngài Đơn Hà tụng rằng :

*“Trăng rọi bóng tùng, cây cao thấp
Nhật chiếu lòng ao, trời dưới trên
Rực rỡ đường không, chẳng chánh Ngo
Êm thu vành vạnh, biết chi tròn.”*

Hiểu chỗ này thì chỗ mặt trời, mặt trăng chẳng đến, riêng có một càn khôn ! Đâu phải hạng bo bo Tông giáo làm kế sanh nhai có thể nghĩ lường sao !





MỤC LỤC

Lời Nói Đầu.....	V
Tiểu sử Ngài Thubten Osall Lama (Nhãn Tế Thiền Sư)	IX

PHẦN THỨ NHẤT : PHẦN TỰA

Duyên khởi của Kinh Lăng Nghiêm Tông Thông.....	1
---	---

QUYỂN I

Đại Phật Đảnh, Như Lai Mật Nhân, Tu Chứng Liễu Nghĩa, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh, Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tông Thông.....	5
Tựa chung	14
Duyên khởi của kinh	24

PHẦN THỨ HAI : PHẦN CHÁNH TÔNG

CHƯƠNG I : CHỈ BÀY CHÂN TÂM

Mục Một : Gạn Hỏi Cái Tâm	41
I. Nguyên do của thường trụ và lưu chuyển	41
II. Chấp tâm ở trong thân.....	48
III. Chấp tâm ở ngoài thân.....	55
IV. Chấp tâm núp sau con mắt.....	58
V. Chấp nhắm mắt thấy tối là thấy bên trong thân	63
VI. Chấp tâm hợp với chỗ nào thì liền có ở chỗ ấy	65
VII. Chấp tâm ở chặng giữa	69
VIII. Chấp tâm không dính vào đâu tất cả	72
Mục Hai : Chỉ Rõ Tánh Thấy.....	76
I. Cầu đi đến chỗ chân thật	76
II. Phóng quang nêu ra tánh thấy viên mãn sáng suốt.....	77
III. Hai thứ căn bản	79
IV. Nương cái thấy, gạn hỏi cái tâm.....	82
V. Chỉ rõ tánh thấy không phải là con mắt	91
VI. Ý nghĩa của chủ và khách	107

QUYỂN II

VII. Chỉ tánh thấy không sanh diệt.....	117
VIII. Chỉ chỗ diên đảo.....	126
IX. Lựa bỏ phan tâm duyên để chỉ tánh thấy không thể trả về đâu	135
X. Lựa riêng trần cảnh để nêu ra tánh thấy.....	145
Mục Ba : Phật Nêu Ra Tánh Thấy Ngoài Các Nghĩa "Phải" và "Chẳng Phải"	160
I. Nghi tánh thấy hiện ở trước mắt.....	160
II. Chỉ ra không có cái gì tức là cái thấy	162
III. Chỉ ra không có cái gì ra ngoài tánh thấy	163
IV. Ngài Văn Thù kính xin Phật phát minh hai thứ	169
V. Tánh thấy không có phải hay chẳng phải	172
Mục Bốn : Phá Những Thuyết Nhân Duyên, Tự Nhiên.....	181
I. Nghi tâm tính tự nhiên như thần ngã	181
II. Chỉ ra không phải là tự nhiên	183
III. Nghi là nhân duyên.....	185
IV. Tánh thấy không phải là nhân duyên, rời các danh, tướng	186
V. Bác nhân duyên, tự nhiên	190
VI. Chỉ thẳng tánh thấy	192
Mục Năm : Chỉ Ra Cái Vọng Thấy.....	196
I. Xin chỉ dạy tánh thấy chẳng do thấy	196
II. Chỉ ra hai thứ vọng thấy.....	198
Mục Sáu : Chỉ Rõ Ý Nghĩa Tánh Thấy Không Phải Là Cái Thấy, Viên Mãn Bồ Đề.....	209
Mục Bảy : Tóm Thu Về Như Lai Tạng	223
I. Tóm thu	223
A. Thu sắc ấm	227
B. Thu thọ ấm	232
C. Thu tướng ấm.....	234
D. Thu hành ấm	236
E. Thu thức ấm	238
QUYỂN III	
F. Thu sáu nhập	243

G. Thu mười hai xứ	259	
H. Thu mười tám giới	274	
I. Thu bảy đại	296	
II. Đốn ngộ pháp thân và phát nguyện.....	328	
QUYỂN IV		
Mục Tám : Chỉ Rõ Căn Nguyên Hư Vọng và		
Tánh Giác Toàn Vẹn	353	
I. Ông Mãn Từ trình bày chỗ nghi.....	353	
II. Vô minh đầu tiên.....	355	
III. Nguyên nhân vọng thấy có thể giới	361	
IV. Chỉ rõ giác chẳng sanh mê	375	
V. Chỉ các đại có thể tương dung.....	379	
VI. Chỉ tánh diệu minh là như lai tạng,		
rời cả hai “phi” và “tức”	384	
Chỉ mê vọng không có nhân hết mê là bồ đề.....	394	
VII. Lại phá xích nhân duyên, tự nhiên	403	
A. Xưa nay không vọng	403	
B. Đưa vào bồ đề	408	
Mục Chín : Chỉ Nghĩa Quyết Định	413	
I. Các phép tu hành sau khi đốn ngộ, phát bồ đề tâm	413	
II. Tâm nhân địa	418	
A. Xét rõ gốc rễ phiền não.....	431	
B. Đánh chuông để thể hiện tính thường.....	459	
1. Nghi căn tánh không tự thể	459	
2. Chỉ bày tánh nghe là thường trụ	462	
QUYỂN V		
CHƯƠNG II : NUỜNG CHỖ NGỘ MÀ TU		
Mục Một : Nêu Ra Cái Căn Để Chỉ Chỗ Mê.....		469
I. Xin khai thị cách cởi nút.....	469	
II. Mười phương Như Lai đồng một lời chỉ thị :		
Sáu căn là đầu nút sanh tử và niết bàn	471	
III. Thấy rõ tánh của mối nút để tức thời giải thoát	473	
IV. Kệ tụng	477	
Mục Hai : Cột Khăn Để Chỉ Mối Nút và Cách Mở Nút.....		491
I. Cột nút	491	

II. Cách mở nút	495
Mục Ba : Hồi Đại Chúng Về Viên Thông	502
I. Viên thông về thanh trần	504
II. Viên thông về sắc trần	508
III. Viên thông về hương trần	511
IV. Viên thông về vị trần.....	514
V. Viên thông về xúc trần	516
VI. Viên thông về pháp trần	520
VII. Viên thông về nhãn căn	522
VIII. Viên thông về tỷ căn.....	525
IX. Viên thông về thiệt căn.....	527
X. Viên thông về thân căn	529
XI. Viên thông về ý căn.....	532
XII. Viên thông về nhãn thức	536
XIII. Viên thông về nhĩ thức.....	538
XIV. Viên thông về tỷ thức.....	541
XV. Viên thông về thiệt thức.....	544
XVI. Viên thông về thân thức	546
XVII. Viên thông về ý thức.....	550
XVIII. Viên thông về hỏa đại.....	553
XIX. Viên thông về địa đại.....	555
XX. Viên thông về thủy đại.....	558
XXI. Viên thông về phong đại.....	565
XXII. Viên thông về không đại.....	569
XXIII. Viên thông về thức đại.....	572
XXIV. Viên thông về kiến đại.....	576

QUYỂN VI

Mục Bốn : Viên Thông Về Nhĩ Căn	583
I. Diệu lực vô tác thành tựu ba mươi hai ứng thân	586
II. Bốn công đức vô úy	640
Mục Năm : Chỉ Pháp Viên Tu	668
I. Phóng hào quang, hiện điểm lành	668
II. Phật bảo Ngài Văn Thù chọn căn viên thông	670
III. Lựa ra những căn không viên	671
IV. Nhĩ căn viên thông hơn hết.....	706

Phụ Lục	746	
QUYỂN VII		
CHƯƠNG III : PHẬT KHAI THỊ VỀ MẬT GIÁO		
I. Khai thị đạo tràng tu chứng.....	753	
II. Tuyên thuyết thần chú	758	
III. Khai thị đây là chú tâm của mười phương Như Lai	767	
IV. Sức của thần chú làm tiêu nghiệp chướng tạo phước đức, sống chân thường.....	771	
V. Chú là phước đức như ý cho mình và cho cả nước, bảo hộ người sơ học	775	
VI. Các thần hộ pháp phát nguyện bảo hộ rộng rãi	779	
CHƯƠNG IV : KHAI THỊ CÁC ĐỊA VỊ TU CHỨNG		
Mục Một : Khai Thị Hai Cái Nhân Diên Đảo và Ba Món Tiệm Thứ		782
I. Ông Anan xin khai thị những danh mục, thứ bậc tu hành	782	
II. Khai thị hai cái nhân diên đảo	784	
QUYỂN VIII		
III. Khai thị ba tiệm thứ tu tập	809	
Mục Hai : An Lập Các Thánh Vị.....		820
I. Càn huệ địa.....	820	
II. Thập tín	821	
III. Thập trụ	838	
IV. Thập hạnh	855	
V. Thập hồi hướng.....	872	
VI. Tứ gia hạnh	890	
VII. Thập địa	898	
VIII. Đẳng giác và diệu giác	916	
Mục Ba : Chỉ Dạy Tên Kinh.....		925
CHƯƠNG V : PHÂN BIỆT CÁC NGHIỆP QUẢ TẠO THÀNH TAM GIỚI. CHỈ RÕ CÁC CẢNH GIỚI TU CHỨNG VÀ CÁC CHƯỚNG NGẠI		
I. Hỏi về sự sanh khởi và nhân quả của lục đạo.....	936	
II. Khai thị về phạm trong, phạm ngoài của chúng sanh.....	941	
III. Chỉ ra mười tập nhân và sáu giao báo	945	

- IV. Không tu theo chánh giác : thành các thứ tiên..... 975
 V. Các cõi trời 980
 A. Dục giới 980

QUYỂN IX

- B. Sắc giới 985
 C. Vô sắc giới 996
 D. Bốn giống A Tu La 1001
 VI. Khai thị sự hư vọng của bảy loài
 để khuyên tu chân chánh 1003
 VII. Phân biệt cá ẩm ma 1007
 A. Nguyên do khởi các ma sự 1007
 B. Phạm vi của sắc ẩm 1012
 C. Phạm vi của thọ ẩm 1018
 D. Phạm vi của tưởng ẩm 1028

QUYỂN X

- E. Phạm vi của hành ẩm 1045
 F. Phạm vi của thức ẩm 1083
 VIII. Sanh tử là vọng tưởng năm ẩm mà có,
 lý tuy đốn ngộ, sự phải tiệm trừ 1121

PHẦN THỨ BA : PHẦN LƯU THÔNG

- I. Được phước, tiêu tội hơn cả 1145
 II. Trừ ma hơn cả 1148
 III. Lưu thông chung 1150

